

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

TỔNG QUAN KHOA HỌC

ĐỀ TÀI CẤP BỘ, NĂM 2004

CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC
TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG
SÔNG HỒNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY, THỰC TRẠNG,
XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN.

Cơ quan chủ trì : PHÂN VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN,
36 XUÂN THỦY, CẦU GIẤY, HÀ NỘI.

Chủ nhiệm đề tài: : TS NGÔ VĂN LƯƠNG

Thư ký đề tài : TS VŨ VĂN YÊN

HÀ NỘI - 2004

5583

22/11/05

MỤC LỤC

	Trang
Phần mở đầu	4
Chương I: Cơ sở lý luận về hợp tác và các hình thức kinh tế hợp tác (KTHT) trong nông nghiệp, nông thôn.	9
1.1. Bản chất của hợp tác và các hình thức kinh tế hợp tác	9
1.2. Những nhân tố tác động đến phát triển các hình thức hợp tác xã (HTX).	18
1.3. Các hình thức HTX của một số nước trên thế giới	20
1.4. Đường lối của Đảng và Nhà nước ta về hợp tác hoá nông nghiệp, nông thôn	44
1.5. Đặc điểm, lợi thế và hạn chế của việc phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH)	47
Chương II : Tình hình phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng ĐBSH của nước ta hiện nay	51
2.1. Các hình thức kinh tế hợp tác giản đơn	51
2.2. Các hình thức HTX	53
2.3. Các hình thức kinh tế hợp tác đặc thù khác	75
2.4. Đánh giá chung về các hình thức kinh tế hợp tác thời gian qua	77
Chương III : Phương hướng và giải pháp phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng ĐBSH	89
3.1. Quan điểm	89
3.2. Phương hướng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác	90
3.3. Các giải pháp phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã	91
3.4. Tăng cường chỉ đạo Nhà nước đối với hợp tác xã	96
Kết luận và kiến nghị	102

I. Kết luận	102
II. Kiến nghị	104
Phụ lục	105
Tài liệu tham khảo	115

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đề tài có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

- *Về lý luận:* Đảng ta xác định Kinh tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã cùng với kinh tế Nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHHCN). Từ khi "Đổi mới" đến nay, kinh tế hợp tác phát triển với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, mỗi nơi mỗi vẻ, chưa rõ hình thức nào có nhiều ưu việt và là hướng chủ đạo của quá trình phát triển. Vì vậy, cần phải có một chương trình nghiên cứu kinh tế hợp tác với quy mô lớn để làm căn cứ lý luận cho việc xác định và xây dựng hình thức tổ chức và quản lý kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- *Về thực tiễn,* cần có sự tổng kết, phân tích, đánh giá thực trạng: ưu điểm, hạn chế, những vấn đề đặt ra cho các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, dự báo các hình thức phù hợp, đề xuất một số giải pháp cơ bản cho sự phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH đến năm 2010.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong nước: Một số tác giả đã nghiên cứu về kinh tế hợp tác và HTX trong nông nghiệp, nông thôn ở những góc độ khác nhau, kết quả nghiên cứu đã được công bố trên các tạp chí, sách báo trong nước:

- Chu Thị Hảo: *Lý luận về HTX và quá trình phát triển Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) ở Việt Nam, nhà xuất bản (NXB) Nông nghiệp, Hà Nội, 2003*

- PGS.TS Phạm Thị Cần, PGS.TS Vũ Văn Phúc, PGS.TS Nguyễn Văn Kỳ: *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003*

- Nguyễn Văn Bích: *Phát triển và đổi mới quản lý HTX theo Luật HTX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 1997
 - GS.VS Đào Thế Tuấn: *Khảo sát các hình thức tổ chức hợp tác của nông dân nước ta ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995
 - Lâm Quang Huyền: *Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp*, NXB KHXH, 1995
 - Nguyễn Điền: " *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn trên thế giới và Việt Nam*", NXB Thống kê, 1996
 - Nguyễn Văn Tín, Chu Thị Hào: " *Chuyển đổi HTXNN và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn tỉnh Thanh Hoá*", Tạp chí Quản lý kinh tế nông nghiệp số 3/1995
 - Thế Gia: " *HTX kiểu mới lộ rõ sức sống*", Tạp chí Cộng sản số 7/1994
 - Nguyễn Chơn Trung: " *HTX trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*", Tạp chí Cộng sản số 1/1996
 - Đỗ Bá: " *Về xây dựng HTX ở nước ta hiện nay*", Tạp chí Cộng sản số 4/1995
 - Vũ Văn Phúc: *HTXNN kiểu mới qua mô hình HTX nông nghiệp kênh tư A*, Tạp chí Thông tin lý luận, số tháng 02/2003
 - Hồ Ngọc Hy: *Đổi mới kinh tế hợp tác và HTXNN ở Quảng Trị*, Tạp chí Lý luận chính trị, số tháng 3/2003
 - GS. TS Lương Xuân Quỳ, PGS.TS Nguyễn Thế Nhã: *Đổi mới tổ chức và quản lý các HTX trong nông nghiệp, nông thôn*, NXB Nông nghiệp, Hà nội, 1999
- Ngoài nước:*
- Phạm Thái Quốc: *Nông nghiệp Trung Quốc trên đường cải cách*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 4 (170)/1989.

- "*Hợp tác xã nông nghiệp Thái Lan*", Bản tin chọn lọc Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, số 1/1991.

Các công trình trên đã đề cập đến kinh tế hợp tác trên nhiều phương diện: vai trò, quá trình hình thành, phát triển, hình thức tổ chức, xu thế phát triển...song chưa có công trình nào nghiên cứu một cách thấu đáo, toàn diện, đầy đủ các hình thức hợp tác kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH nước ta hiện nay. Vì vậy, chúng tôi chọn vấn đề "*Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH ở nước ta hiện nay - thực trạng, xu hướng và giải pháp phát triển*" làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, năm 2004.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Qua việc phân tích, đánh giá thực trạng các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn đồng ĐBSH. Từ đó đề xuất một số phương hướng và giải pháp cơ bản phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn ĐBSH đến năm 2010.

4. Nhiệm vụ , nội dung nghiên cứu

Đề tài đặt ra 3 nhiệm vụ cũng là 3 nội dung cơ bản của việc nghiên cứu

1- Phân tích cơ sở lý luận về hợp tác các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn.

2- Phân tích, đánh giá tình hình phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng ĐBSH hiện nay.

3 - Đề xuất một số phương hướng và giải pháp phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng ĐBSH từ nay đến 2010

Kết luận và kiến nghị

5. Phạm vi nghiên cứu:

Có nhiều loại hình kinh tế hợp tác nhưng đề tài này chỉ đi vào nghiên cứu các loại hình kinh tế tập thể mà chủ yếu là HTX.

Về mặt không gian nghiên cứu: Gồm HTX các tỉnh vùng ĐBSH và các vùng thấp của các tỉnh giáp ranh như Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên v.v...

Thời gian nghiên cứu:

6. Phương pháp nghiên cứu và thu thập tài liệu

a) Phương pháp luận: Phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Các hiện tượng kinh tế, xã hội trong HTX không tồn tại một cách độc lập mà có quan hệ qua lại, ràng buộc lẫn nhau, đồng thời các hiện tượng đó ở từng thời điểm khác nhau lại có những biểu hiện khác nhau, nên nhờ phép nghiên cứu trên giúp sự nhìn nhận, đánh giá hiện tượng một cách toàn diện, hiện thực và khách quan.

b) Phương pháp thu thập tài liệu

- Đối với tài liệu thứ cấp: Được thu thập từ Tổng cục Thống kê, Bộ NN - PTNT, Phòng Kinh tế - Kế hoạch hoặc Phòng Nông nghiệp, báo cáo tài chính của các HTX hàng năm, các báo cáo tham dự hội thảo và các tài liệu chuyên môn liên quan đến nội dung nghiên cứu.

- Đối với tài liệu sơ cấp: Thu thập từ các huyện và HTX được chọn với tính chất đại diện cho từng địa bàn nghiên cứu trong vùng ĐBSH, bằng các phiếu điều tra tình hình và kết quả hoạt động của từng HTX được chuẩn bị trước khi tiến hành điều tra, thu thập số liệu phục vụ cho nghiên cứu đề tài.

- Xử lý số liệu: Chủ yếu tiến hành trên máy vi tính bằng phần mềm Excel

c. Phương pháp thống kê, phân tích kinh tế

- Phương pháp đối chiếu, so sánh: Từ các số liệu đã xử lý tiến hành so sánh giữa các nhóm HTX qua các năm để thấy sự tăng giảm và chiều hướng diễn biến.

- Phương pháp đánh giá: Bằng những chỉ tiêu có liên quan được sử dụng để đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của các HTXNN trong vùng nghiên cứu.

d. Phương pháp dự báo, dự đoán

Từ những phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh của các HTX nghiên cứu, đưa ra những dự báo xu hướng và giải pháp để đảm bảo cho HTX hoạt động tốt hơn trong những năm tới.

7. Lực lượng nghiên cứu

* Các thành viên của đề tài

TT	HỌ VÀ TÊN	CƠ QUAN CÔNG TÁC	GHI CHÚ
1	TS. Ngô Văn Lương	Khoa KTCT, PVBC&TT	CN đề tài
2	TS. Vũ Văn Yên	Khoa KTCT, PVBC&TT	Thư ký
3	Ts . Đông Văn Phường	Khoa Quản lý kinh tế	Thành viên
4	TS. Đoàn Phúc Thanh	Phòng đào tạo PVBC&TT	Thành viên
5	Gv. Trần Thị Lan	Khoa KTCT, PVBC&TT	Thành viên
6	Ths. Cao Quang Xứng	Khoa KTCT, PVBC&TT	Thành viên
7	GV. Nguyễn Thị Kim Thu	Khoa KTCT, PVBC&TT	Thành viên
8	GV.Đào Anh Quân	Khoa KTCT, PVBC&TT	Thành viên

* Cộng tác viên:

1. Pgs.Ts.Vũ Đình Hoà - Học viện CTQG HCM
2. Ts.. Vương Cường - Học viện CTQG HCM
3. Ts.Trần Thị Minh Châu - Học viện CTQG HCM
4. Pgs.Ts. Vũ Văn Phúc Học viện CTQG HCM
5. Pgs.Ts. Phạm Thị Cần - Học viện CTQG HCM
6. Ths. Nguyễn Thị Việt Hà- Ngân hàng Đầu tư phát triển
7. Trần Văn Túy- Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Ninh

* Một số cán bộ giảng dạy của khoa Kinh tế Chính trị PVBC&TT

8. Sản phẩm nghiên cứu

- Tổng quan khoa học đề tài
- Báo cáo tóm tắt đề tài

- Những đề xuất, kiến nghị
- Kỹ yếu khoa học
- Đĩa mềm chứa toàn bộ nội dung đề tài

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỢP TÁC VÀ CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN.

1.1. Bản chất của hợp tác và các hình thức kinh tế hợp tác (KTHT)

1.1.1. Bản chất của hợp tác

Hợp tác là cùng chung sức, chung vốn để làm những việc mà từng người không làm được hoặc làm không hiệu quả.

Một vấn đề căn bản đã trở thành định lý là con người muốn sống, hoạt động văn hoá xã hội, phải có ăn, mặc, ở...Muốn có những thứ đó phải lao động sản xuất. Vì vậy, lao động sản xuất ra của cải là hoạt động căn bản của loài người.

Để lao động sản xuất, người ta phải có mối liên hệ với nhau, trao đổi hoạt động cho nhau. Theo nghĩa đó, A.Smith - nhà kinh tế học người Anh đã nói: Bản chất của con người là trao đổi, loài người là một liên minh trao đổi. Chính vì vậy, trao đổi hoạt động, hợp tác lao động là đặc tính xã hội của con người.

Sở dĩ hợp tác trong quá trình lao động sản xuất là bản tính của xã hội loài người vì con người không thể tiến hành lao động sản xuất một cách riêng lẻ, biệt lập được. Hợp tác lao động xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của xã hội

loài người và tính chất của nó do phương thức sản xuất chiếm địa vị thống trị quyết định.

- Dưới chế độ cộng sản nguyên thủy, hợp tác lao động giản đơn ra đời và tồn tại khi những thành viên cùng săn bắn, hái lượm.

- Ở thời đại chiếm hữu nô lệ và phong kiến, hợp tác lao động dựa trên cơ sở cưỡng bức lao động áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp nông thôn (như làm đường xá, cầu cống, nhà cửa).

- Hợp tác giản đơn tư bản chủ nghĩa là bước khởi đầu quan trọng, bước ngoặt của quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội hoá.

Theo phân tích của Các - Mác, so với sản xuất cá thể, hợp tác giản đơn tư bản chủ nghĩa có những ưu điểm sau:

+ Một là, có thể tiết kiệm hao phí về tư liệu sản xuất.

+ Hai là, có thể tạo ra một sức mạnh tập thể, sức mạnh này lớn hơn nhiều lần năng lực của nhiều cá nhân cộng lại.

+ Ba là, có thể tiết kiệm lao động, nâng cao năng suất lao động

+ Bốn là, tăng thêm sự tiếp xúc xã hội giữa những lao động, làm cho tinh thần người lao động hưng phấn, kích thích cạnh tranh, từ đó nâng cao hiệu quả lao động.

+ Năm là, có thể tập trung được lực lượng lao động theo mùa vụ, từ đó giảm được sự tổn thất do thiếu lao động gây nên.

+ Sáu là, có thể tiến hành lao động trong một phạm vi không gian rộng lớn, cũng có thể điều động một bộ phận lao động vào phạm vi nhỏ hẹp.

+ Bảy là, cùng tiến hành một lúc nhiều công việc khác nhau, từ đó có thể hoàn thành những việc cấp thiết trong một thời gian ngắn.

Các - Mác kết luận: Hợp tác giản đơn tư bản chủ nghĩa góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội, đem lại giá trị thặng dư nhiều hơn cho nhà tư bản;

theo quy luật, nó sẽ từng bước tiến lên giai đoạn công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, hợp tác lao động mặc dù chịu sự chi phối của các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất khác nhau nhưng do được xác lập và không ngừng được củng cố địa vị chủ đạo của chế độ sở hữu toàn dân và tập thể nên hợp tác lao động XHCN bảo đảm sử dụng hợp lý sức lao động, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, nhờ đó sẽ tận dụng mọi năng lực lao động xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau thời gian dài bôn ba, nghiên cứu về cách mạng vô sản và nông thôn từ các nước phương tây sang phương đông, Người đã đề ra và chỉ đạo phong trào hợp tác hoá ở Việt Nam: Từ các tổ đổi công nhằm hợp tác tương trợ lẫn nhau về lao động - tổ chức sơ khai của quá trình hợp tác, sau đó từ các tổ chức này lập ra các HTX. Khi nói về "Đường cách mệnh", Người đã viện dẫn tục ngữ A.nam để nói về hợp tác: Nhóm lại thành giầu, chia nhau thành khó. Một cây làm chẳng lên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao. (Hồ Chí Minh toàn tập NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tập 2, trang 313 - 318)

1.1.2. Kinh tế hợp tác và các hình thức KTHT

KTHT là hình thức liên kết tự nguyện của một nhóm người hoặc nhiều người (các thể nhân) hoặc các pháp nhân để phát huy sức mạnh về lao động và vốn nhằm giải quyết có hiệu quả những vấn đề sản xuất, kinh doanh hoặc đời sống.

KTHT có nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào sự phát triển của sức sản xuất.

1.1.2.1. Hình thức KTHT giản đơn nhóm tổ hợp tác

Hình thức KTHT giản đơn (tổ, nhóm hợp tác) là hợp tác công việc, tạm thời, không ổn định hoặc hợp tác sản xuất, dịch vụ quy mô nhỏ: Là hình thức kinh tế xuất hiện sớm nhất trong lịch sử, ở hầu hết các thời đại kinh tế, phát triển phổ biến, rộng rãi và phong phú.

- Hợp tác công việc: Các nhóm, tổ hợp tác tạm thời theo từng đợt lao động sản xuất giúp nhau một số công việc đồng áng như gieo cấy, thu hoạch... hết thời vụ công việc, nhóm, tổ lại giải tán.

- Hợp tác dịch vụ, sản xuất quy mô nhỏ:

+ Các nhóm, tổ hợp tác này tương đối ổn định, ngoài hợp tác lao động, còn góp vốn kinh doanh (như nhóm, tổ hợp tác xây sát, chế biến thức ăn gia súc, tổ sửa chữa cơ khí, tổ vận tải v.v...) nhưng quy mô hợp tác nhỏ, hẹp.

+ Người tham gia nhóm, tổ hợp tác: thường là người nông dân lao động.

+ Mục tiêu hợp tác của họ cũng đơn giản và rất cụ thể. Trong điều kiện sản xuất tự túc, tự cấp, mục tiêu hợp tác của họ nhằm đạt được những lợi ích cụ thể mà bản thân từng người không làm được. Nghĩa là, mục tiêu các nhóm, tổ hợp tác chỉ là tối đa hoá lợi ích chứ chưa phải là vì lợi nhuận (như HTX và các doanh nghiệp khác).

+ Cũng do tính sản xuất kinh doanh và quy mô của các nhóm, tổ hợp tác còn hạn hẹp, quan hệ pháp lý còn ít, nên các nhóm, tổ hợp tác chưa có tư cách pháp nhân.

Tổng hợp lại những đặc điểm kể trên, nhóm, tổ hợp tác là hình thức hợp tác dễ làm, dễ hiểu, dễ tổ chức với nông dân và là hình thức hợp tác phù hợp với trình độ sản xuất thấp. Tuy nhiên, khi đi vào cơ chế thị trường, sức cạnh tranh của các nhóm, tổ hợp tác là yếu.

1.1.2.2. Hợp tác xã (HTX)

- Nghiên cứu tư tưởng về HTX của Mác - Ăng ghen và Lê Nin, chúng ta thấy rằng:

+ Trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá và cạnh tranh thị trường, người nông dân (đặc biệt là nông dân nghèo) bị yếu thế, lép vế về nhiều mặt (vốn, trình độ ...). Trong khi đó, các nhà tư bản, những người giàu có ở nông thôn thao túng, chèn ép nông dân đủ mặt (cho vay nặng lãi, ép công, ép giá cả đầu vào lẫn đầu ra ...) làm cho họ điêu đứng; một mình từng hộ không thể đứng vững chống

đầu ra ...) làm cho họ điều đúng; một mình từng hộ không thể đứng vững chống trả cạnh tranh thị trường được. Nếu không muốn phá sản, trở thành người làm thuê thì họ chỉ có một con đường là hợp tác với nhau thành HTX (một hình thức doanh nghiệp mạnh hơn hẳn hình thức hợp tác giản đơn (nhóm, tổ hợp tác). Nghĩa là, HTX phải đủ vốn, đủ lực và cơ sở pháp lý, có việc làm, có thu nhập ổn định và nâng cao đời sống của mình.

+ HTX là con đường giản đơn nhất, dễ tiếp thu nhất đối với nông dân .

+ Trong cơ chế thị trường, HTX là hình thức KTHT chủ yếu và phát triển rộng khắp trên thế giới.

+ Chức năng chủ yếu của HTX là chức năng kinh tế. Ngoài ra, HTX còn có chức năng xã hội (chức năng xã hội ở đây xuất phát từ chỗ: HTX là một tổ chức kinh tế của nông dân và người lao động nghèo). Chức năng, mục tiêu của HTX là việc làm, thu nhập cho nông dân và người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát huy tính cộng đồng và xã hội nông thôn.

+ HTX là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân (có đăng ký thành lập doanh nghiệp, được cơ quan có thẩm quyền công nhận; có chức năng sản xuất rõ ràng, ổn định và bộ máy tổ chức quản lý chặt chẽ, độc lập với các tổ chức, cá nhân khác và chịu trách nhiệm về các giao dịch kinh tế bằng các tài sản đó; nhân danh pháp nhân tiến hành các giao dịch độc lập...). Chính nhờ tư cách pháp nhân, các HTX mới có điều kiện mở rộng và nâng cao uy tín và sức cạnh tranh trong các quan hệ kinh tế - xã hội.

+ HTX thực hiện quản lý dân chủ

Khác với công ty cổ phần quản lý theo vốn, các HTX thực hiện quản lý dân chủ (dân chủ trong bàn bạc, quyết định kinh doanh và bầu cử, mỗi người một phiếu không phụ thuộc vào vốn góp và chức vụ). HTX là hợp tác những người nông dân lao động, cho nên, thực hiện quản lý dân chủ, bảo đảm được quyền bình đẳng của mọi xã viên và phát huy sức mạnh của cả tập thể xã viên.

+ Mục tiêu của người nông dân trong nền sản xuất hàng hóa thị trường của HTX rộng hơn, cao hơn mục tiêu của các hình thức hợp tác giản đơn (chỉ là tối đa hoá lợi ích). Đó là tối đa hoá lợi nhuận, nhu cầu hợp tác của họ không chỉ đối với yếu tố "đầu vào" mà quan trọng hơn là hợp tác để giải quyết "đầu ra"; các quan hệ tài chính - tiền tệ ngày càng phức tạp. Từ đó, các hộ nông dân tất yếu phải tổ chức thành một loại hình hợp tác cao hơn, đó là HTX - một loại hình doanh nghiệp hoàn chỉnh. Các HTX không chỉ có mục đích làm dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển mà còn có thể tổ chức sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại để tăng thu nhập và lợi nhuận cho HTX.

- Các HTX phi nông nghiệp như HTX sản xuất tiêu - thủ công nghiệp, các HTX dịch vụ tín dụng, vận tải, HTX thương mại v.v...cũng ra đời từ sức ép kinh tế và trong điều kiện cạnh tranh thị trường khốc liệt về dịch vụ và sản xuất để giải quyết việc làm và thu nhập đối với người người lao động ở nông thôn như vậy.

. Các hình thức HTX

Theo Lê Nin “ Chế độ HTX là chủ nghĩa tư bản nhà nước hoặc ít ra cũng cần viện đến một cái gì gần giống như chủ nghĩa tư bản nhà nước” (Lê Nin toàn tập, tập 45 NXB Tiến bộ Maxcova 1978, trang 426). Chế độ HTX với tư cách là chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì phải rất đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung hợp tác, phải đi đầu từ thấp đến cao, phải căn cứ vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đặc điểm công nghệ, kỹ thuật, trình độ quản lý trong từng ngành nghề, căn cứ vào tính tất yếu kinh tế buộc các hộ gia đình nông dân tự nguyện tham gia HTX như trước đây Ăng ghen đã nói: Phải để người nông dân suy nghĩ trên luống cây của họ, phải nhiều loại quy mô, bước đi và cơ cấu v.v...

Chủ tịch Hồ Chí Minh (như sách đã dẫn trên) cũng đã chỉ ra nhiều loại hình HTX : HTX tiền bạc(HTX tín dụng), HTX mua, HTX bán và HTX sinh sản (HTX sản xuất)

Trong thực tiễn quản lý HTX, theo các góc nhìn khác nhau, người ta chia ra nhiều hình thức HTX khác nhau:

- Căn cứ vào ngành nghề sản xuất kinh doanh: Các HTX được phân thành hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) và HTX phi nông nghiệp.

+ Các HTXNN gắn liền với đất đai và sinh vật sống như cây trồng, vật nuôi.

+ Các HTX phi nông nghiệp gồm có các HTX tiểu, thủ công nghiệp, HTX xây dựng và các HTX thương mại, dịch vụ (tín dụng, vận tải v.v..)

- Căn cứ vào phạm vi trách nhiệm xã viên: có thể chia ra HTX trách nhiệm hữu hạn và HTX trách nhiệm vô hạn.

- Căn cứ vào công đoạn của quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá (các công việc của HTX): có thể chia ra HTX sản xuất và HTX lưu thông

- Căn cứ vào hình thức tổ chức sản xuất và quản lý sản phẩm: có thể chia ra: Hình thức HTX tổ chức sản xuất tập trung, hình thức HTX tổ chức sản xuất phi tập trung, hình thức HTX tổ chức sản xuất kết hợp giữa phi tập trung và tập trung và hình thức HTX sản xuất chuyên ngành.

Ở đây, chỉ đi sâu các hình thức HTX chủ yếu.

a. HTX tổ chức sản xuất tập trung

Các HTX theo hình thức này, tổ chức điều hành tập trung đầy đủ cả ba giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là khâu sản xuất.

Riêng tại khâu sản xuất, khác với hình thức sản xuất phi tập trung, HTX có thể tổ chức cho xã viên sản xuất tập trung tại một hoặc một số địa điểm như mô hình xưởng sản xuất công nghiệp hay trang trại chăn nuôi, trồng trọt mà ở đó tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra đều do HTX quản lý thống nhất (hoặc cũng có thể tổ chức tại các hộ gia đình nhưng có sự quản lý điều hành tập trung

chặt chẽ vật tư vốn, công nghệ sản xuất, mẫu mã quy cách, chất lượng sản phẩm, tiến độ (theo phương thức khoán hộ hoặc hợp đồng gia công sản xuất).

Hình thức HTX này chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực công nghiệp, còn trong nông nghiệp chỉ thích hợp trong điều kiện sản xuất công nghệ cao, dây chuyền sản xuất khép kín. Do đó, với điều kiện của các HTXNN hiện tại còn ít áp dụng.

b. HTX tổ chức sản xuất phi tập trung

Đây là hình thức HTX quản lý điều hành tập trung cả hai giai đoạn trước sản xuất (dịch vụ đầu vào) và sau sản xuất (dịch vụ đầu ra) hoặc chỉ làm một giai đoạn trước sản xuất hoặc sau sản xuất, còn khâu sản xuất là việc riêng của các hộ gia đình xã viên, không có sự tổ chức và quản lý tập trung của HTX. Cũng chính vì thế, hình thức HTX này cũng còn có tên gọi khác là hình thức HTX dịch vụ.

Hình thức HTX dịch vụ khá phổ biến trên thế giới :

- HTX tín dụng phát triển đầu tiên ở Đức sau đó phát triển mở rộng ra các nước khác như Hà Lan, Nhật Bản, Thái Lan.
- HTX tiêu thụ sản phẩm cũng xuất hiện đầu tiên ở Đức, sau đó phát triển phổ biến ở Hà Lan, Đan Mạch...

c. HTX tổ chức sản xuất kết hợp giữa sản xuất tập trung và phi tập trung (còn gọi là tổ chức sản xuất kinh doanh tổng hợp). Hình thức HTX này chủ yếu là sản xuất phi tập trung (sản xuất phân tán ở các hộ gia đình), nhưng do:

- + Có một số công đoạn hay một số sản phẩm phải tổ chức sản xuất tập trung mới có thể bảo đảm yêu cầu ngày càng cao của cơ chế thị trường.
- + Hoặc ngoài dịch vụ cho kinh tế hộ, HTX tổ chức thêm một số ngành nghề sản xuất kinh doanh khác để phát huy mọi tiềm năng của HTX, nâng cao thu nhập cho HTX và xã viên.

Hình thức HTX tổ chức sản xuất kinh doanh tổng hợp thì năng suất cây trồng, con gia súc thường không cao bằng tổ chức sản xuất chuyên ngành nhưng

lại tận dụng, phát huy được mọi tiềm năng về đất đai, lao động...nên thu nhập tổng hợp lại cao.

Hình thức HTX này cũng diễn ra phổ biến ở các nước trên thế giới như Nhật Bản, Thái Lan v.v...

d. Hình thức HTX chuyên ngành gồm HTX dịch vụ cho các hộ trang trại sản xuất chuyên cây trồng hoặc chuyên con gia súc hoặc HTX tổ chức sản xuất chuyên ngành tập trung gắn liền với trang thiết bị sản xuất, nhà xưởng.

Thông thường sản xuất chuyên môn hóa đạt năng suất cây, con và năng suất lao động cao nhưng phải khắc phục khó khăn trong vấn đề rải vụ nhằm sử dụng hết lao động, công suất máy móc, đất đai v.v...Các HTX chuyên ngành phát triển nhiều ở CHLB Đức, Mỹ.

e. Hình thức liên hiệp, liên minh HTX

Mục đích của KTHT là cùng nhau hiệp tác để tăng sức mạnh về vốn, kỹ thuật và lao động để làm những việc mà từng người không làm được hoặc làm được nhưng không hiệu quả. Hợp tác được tổ chức từ thấp đến cao: Có những việc từng hộ không làm được thì tổ chức thành tổ hợp tác, những việc tổ hợp tác làm không hiệu quả thì lập HTX. Nhưng ngay cả HTX, đặc biệt trong cơ chế cạnh tranh thị trường có những việc khả năng một HTX cũng không làm được (như chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước). Từ đó, trong lịch sử phát triển HTX trên thế giới, sau giai đoạn đầu các hộ nông dân xây dựng các HTX, đến giai đoạn kinh tế thị trường phát triển, cạnh tranh khốc liệt hơn thì các HTX thường tổ chức hợp tác với nhau thành liên hiệp HTX (bước đầu là liên hiệp HTX theo ngành và sau đó là liên minh các HTX trong phạm vi cả nước).

Các liên hiệp và liên minh HTX của Mỹ, Nhật Bản, Thái Lan, Phi - Líp - Pin đã phát huy tối đa sức mạnh và hiệu quả của kinh tế hợp tác, tăng thu nhập cho các HTX thành viên và các xã viên.

Ngoài các hình thức hợp tác kể trên, các Hiệp hội của nông dân, các liên doanh sản xuất, các công ty cổ phần v.v...cũng là các loại hình kinh tế hợp tác theo khái niệm mở rộng.

Điển hình là ở Đài Loan, bên cạnh vai trò của các tổ hợp tác và các HTX, Hội nông dân Đài Loan là tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động khá hiệu quả. Hội nông dân có vốn, có cơ sở vật chất kỹ thuật và hệ thống bộ máy hoạt động ở các cấp, giúp đỡ hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác và nông dân rất hữu hiệu trong việc định hướng sản xuất hỗ trợ vốn và kỹ thuật sản xuất, thông tin thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

1.2. Những nhân tố tác động đến phát triển các hình thức HTX.

Phát triển các hình thức HTX phụ thuộc vào các nhân tố sau:

Nhân tố 1: Sự phát triển của sức sản xuất (lực lượng sản xuất).

Khi sức sản xuất còn thấp, máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất lạc hậu, sản xuất chỉ đủ để ăn (sản xuất tự túc tự cấp) thì thường chỉ phát sinh, phát triển và phù hợp với các hình thức KTHT giản đơn như nhóm, tổ hợp tác.

Khi sức sản xuất phát triển, công nghệ, thiết bị sản xuất hiện đại dần lên, sản xuất thừa ăn (sản xuất là để bán: Sản xuất hàng hoá) thì đòi hỏi các hình thức hợp tác cao hơn như các HTX từ thấp đến cao (như HTX dịch vụ, HTX sản xuất tập trung, liên hiệp các HTX...).

Nhân tố 2: Mục tiêu của HTX hay là nhu cầu thực tế của nông dân khi vào HTX.

Mục tiêu của nông dân khi lập HTX cũng góp phần chi phối hình thức hợp tác.

- Nếu những thành viên tham gia lập HTX là các nông dân có ruộng, sản xuất hàng ngày trên ruộng vườn của mình thì mục tiêu của họ là để HTX làm những dịch vụ mà từng hộ không làm được. Trong điều kiện đó cần xây dựng HTX sản xuất phi tập trung - tức là HTX làm dịch vụ cho xã viên.

- Nếu các thành viên muốn góp vốn để sản xuất kinh doanh một dịch vụ, ngành nghề nào đó, phục vụ cho thị trường nông thôn để kiếm lời thì họ có thể thành lập HTX sản xuất hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

Đương nhiên, mục tiêu của thành viên tham gia vào HTX không thể độc lập được mà cũng phải trên cơ sở của sức sản xuất hiện có và một số nhân tố khác.

Nhân tố 3: Điều kiện tự nhiên như đất đai, tài nguyên, khí hậu, môi trường; kinh nghiệm, tập quán của địa phương và tính chất thời vụ trong sản xuất kinh doanh.

Nhân tố 4: Ngành sản xuất kinh doanh và công nghệ sản xuất.

Đối với những ngành sản xuất các cây, con gia súc đặc sản, công nghệ sản xuất và tay nghề sản xuất đòi hỏi phải được chuyên môn hóa như chăn nuôi lợn, gia cầm, thủy sản v.v... thường thích hợp với hình thức HTX chuyên ngành hơn.

Nhân tố 5: Thị trường (nhu cầu của thị trường và tính cạnh tranh trên thị trường)

Nhân tố 6: Khả năng huy động về các nguồn lực (vốn, cơ sở vật chất, kỹ thuật)

Nhân tố 7: Trình độ quản lý của cán bộ (trước hết là chủ nhiệm HTX) và trình độ dân trí của xã viên.

Nhân tố 8: Hiệu quả kinh tế - xã hội của hình thức HTX đó.

Các nhân tố trên phụ thuộc và chi phối lẫn nhau cùng tác động đến việc xác lập hình thức ban đầu của một HTX nào đó.

Tuy nhiên, hình thức HTX không phải hoàn toàn cố định. Trong quá trình phát triển, các nhân tố thay đổi thì loại hình thức ban đầu của HTX có thể sẽ không còn phù hợp nữa mà có thể sẽ điều chỉnh, phát triển thành hình thức HTX khác. Chẳng hạn, ban đầu các nông dân chỉ có mục đích lập HTX dịch vụ, nhưng sau đó (do có các điều kiện về vốn và cơ sở vật chất hoặc có cán bộ giỏi) có thể phát triển thành hình thức HTX hỗn hợp (dịch vụ kinh doanh tổng hợp).

1.3. Các hình thức HTX của một số nước trên thế giới

1.3.1. Các hình thức HTX ở Mỹ.

Các hình thức HTX trong nông nghiệp Mỹ rất đa dạng và số lượng không cố định. Trong cùng một thời điểm có những HTX chấm dứt hoạt động, nhưng lại có những HTX khác ra đời.

Ở Mỹ, HTX tiêu thụ nông sản của các trang trại giữ vị trí hàng đầu trong hệ thống HTX phục vụ nông nghiệp vì kinh tế trang trại tạo ra một khối lượng nông sản vào loại lớn nhất thế giới và đi vào chuyên môn hoá sản xuất nông sản ở từng vùng rất cao, nên tiêu thụ nông sản là vấn đề sống còn của các trang trại Mỹ.

Năm 1970, theo con số thống kê ở Mỹ có 4.763 HTX tiêu thụ trong tổng số 7.719 các hình thức HTX (chiếm 62%) và đến năm 1980 có 4.609 HTX tiêu thụ trong tổng số 6.445 HTX các loại. Như vậy trong 10 năm số lượng HTX tiêu thụ hầu như vẫn giữ vững. (1)

Trong các HTX tiêu thụ nông sản thì các HTX sữa chiếm số lượng nhiều nhất, sau đó đến các HTX ngũ cốc, rau quả và bông. Năm 1970, tỷ lệ HTX có bán sản phẩm sữa chiếm 69%, ngũ cốc 33%, rau quả 29%, gia súc 13%, gia cầm 9%. Năm 1985, các HTX kinh doanh 80% sữa nước, 87% sữa bột, 67% bơ. Các HTX tiêu thụ hạt cốc có tổ chức hoạt động ở khắp 50 bang của nước Mỹ. Khoảng 50% số trang trại sản xuất hạt cốc tham gia vào một hoặc nhiều HTX. Trong thập kỷ 80, các HTX đã đảm nhiệm tiêu thụ 39 - 40% sản lượng lúa mì, 37 - 39% sản lượng ngô, 40 - 42% đỗ tương, tính bình quân 40% tổng sản lượng hạt cốc của cả nước.

Các HTX tiêu thụ ngũ cốc năm 1985 có 1.652 cơ sở, tập trung nhiều nhất ở vùng vành đai ngô và cũng chính ở vùng vành đai, ngô các HTX tiêu thụ hạt cốc hoạt động có hiệu quả nhất. ở đây các HTX đảm bảo tiêu thụ hàng năm 120

triệu tấn hạt. (Nguyễn Điền, Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nông thôn trên thế giới và Việt Nam, Nhà xuất bản thống kê 1996)

Các HTX có cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh để phục vụ kinh doanh ngũ cốc: Như hệ thống kho chứa hạt có dung lượng 60 triệu tấn, các HTX sử dụng các phương tiện vận tải ô tô để chuyên chở 53% số lượng hạt ngũ cốc và sử dụng đường sắt để vận chuyển 43% số lượng hạt.

HTX cung ứng cũng là hình thức HTX quan trọng trong hệ thống HTX phục vụ nông nghiệp của Mỹ. Từ những năm 30 đến nay các HTX cũng phục vụ trực tiếp yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp Mỹ thông qua việc cơ giới hoá, hoá học hoá, thuỷ lợi hoá nông nghiệp ở các trang trại chăn nuôi. Các HTX cung ứng đã cung cấp cho các xã viên, chủ trang trại các loại vật chất kỹ thuật và máy móc thiết bị.

Ở Mỹ, nhiều HTX có các hoạt động kết hợp dịch vụ cung ứng với dịch vụ tiêu thụ.

Trong những năm 70, các HTX cung ứng đã đảm bảo cung cấp 33% số lượng phân bón, 26% nhiên liệu dầu mỡ, 19% hạt giống và 17% thức ăn gia súc.

Trong thời gian qua, các chủ trang trại Mỹ đã đầu tư 45% tổng thu nhập để trang bị tư liệu sản xuất, trong đó 25% là mua qua tuyến do các HTX cung ứng cung cấp.

Gần đây có khuynh hướng chuyên môn hoá, tập trung hoá việc cung cấp vật tư kỹ thuật thông qua các liên hiệp HTX cung ứng lớn có tính chất khu vực, và bang hoặc liên bang, như Liên hiệp HTX quốc gia An Be Li đã tập trung 25 Liên hiệp HTX khu vực về cung ứng vật tư kỹ thuật nông nghiệp.

Hợp tác xã tín dụng ở Mỹ có 500 HTX ở cơ sở và 12 ngàn hàng ở các vùng đã đảm bảo 15 -20% các khoản tín dụng nhỏ, hàng năm làm lợi cho người vay trên 100 triệu USD.

HTX thủy nông có 7.500 HTX với 161.000 xã viên phục vụ gần 1/4 tổng diện tích đất đai được tưới nước của các trang trại nông nghiệp Mỹ. Các HTX

thuỷ nông tập trung nhiều nhất ở các bang Colorado, Uta, California v.v..., chủ yếu phục vụ cho các xã viên của HTX đóng góp cổ phần, ít phục vụ trang trại ngoài HTX.

HTX chăn nuôi bò trên đồng cỏ của các chủ trang trại chăn nuôi. Các xã viên - chủ trang trại gia nhập HTX chăn nuôi này vẫn trực tiếp quản lý đàn gia súc của riêng mình nhưng được chăn thả trên những cánh đồng cỏ và khu rừng do HTX đi thuê và nộp địa tô cho chủ đất, thời hạn 10 năm trở lên...HTX còn phục vụ các trang trại xã viên các dịch vụ, thuê công nhân chăn thả, cung cấp nước uống cho đàn gia súc và dịch vụ thú y v.v...ở Mỹ hiện nay có trên 600 HTX loại này.

HTX cải tiến giống bò sữa ở Mỹ có 1.267 cơ sở với 59.629 trang trại xã viên tham gia, có chức năng cải tạo, nhân giống bò sữa tốt cung cấp cho xã viên.

HTX thụ tinh nhân tạo là HTX của các trang trại chăn nuôi bò, có chức năng chủ yếu làm các dịch vụ về thụ tinh nhân tạo cho bò cái sinh sản, đạt hiệu quả cao, còn phục vụ các chủ trang trại về công tác thú y, tư vấn kinh tế kỹ thuật cho các trang trại về quản lý, nuôi dưỡng bê, kỹ thuật nuôi bò thịt, giúp đỡ công việc kế toán của các trang trại.

HTX điện khí hoá nông nghiệp là loại HTX làm dịch vụ xây dựng cơ cấu vật chất kỹ thuật điện nông thôn và cung cấp điện cho các trang trại như xây dựng các trạm biến thế điện, các trạm phát điện, các trạm phân phối điện, xây lắp đường dây tải điện và mạng lưới điện đến các trang trại và trong trang trại. Đến những năm 70, ở Mỹ có 900 HTX điện khí hoá nông nghiệp với 5.738.960 xã viên. Điểm đặc biệt là các HTX điện khí hoá nông nghiệp được nhà nước cho vay vốn. Cục quản lý điện khí hoá của chính phủ cho các HTX điện khí hoá nông nghiệp vay vốn với lãi suất thấp (2% năm) trong thời hạn dài (35 năm) để sử dụng vào việc xây lắp mạng lưới điện nông thôn phục vụ các trang trại.

HTX điện thoại ở nông thôn làm dịch vụ lắp đặt và quản lý mạng lưới điện thoại của các trang trại. HTX điện thoại cũng được vay vốn của Cục quản lý

điện khí hoá hoặc vốn của HTX điện khí hoá để hoạt động. HTX điện thoại ở Mỹ phát triển rộng, vì đây là một nhu cầu của các trang trại nông nghiệp sản xuất hàng hóa hàng ngày, hàng giờ cần đến các phương tiện thông tin liên lạc...HTX điện thoại Ben - Lamand Rural Telephone. Ở vùng nông thôn có 15 tổng đài tự động và mạng lưới đường dây điện thoại phục vụ 3.000 xã viên.

HTX giao dịch (được gọi là Bargaining cooperative) có chức năng giao dịch giữa chủ trang trại với các công ty, xí nghiệp ngoài nông nghiệp như các cơ sở cung cấp vật tư, máy móc, các cơ sở dịch vụ kinh tế kỹ thuật, các cơ sở chế biến, tiêu thụ, vận chuyển, bảo quản nông sản, làm dịch vụ về thông tin thị trường, giá cả v.v... để các chủ trang trại có căn cứ khi quyết định khi quyết định lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh.

HTX dịch vụ đời sống ở Mỹ cũng phát triển với nhiều hình thức như HTX y tế, HTX nhà ở, HTX tang ma v.v....

Thực tế cho thấy kinh tế hợp tác có tác động mạnh mẽ đến hoạt động mọi mặt của các trang trại nông nghiệp trong các công đoạn trước, trong và sau sản xuất:

- Các dịch vụ trước sản xuất bao gồm từ cung cấp vốn tín dụng, đến cải tạo và cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc, thuốc phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh v.v...

- Các dịch vụ kỹ thuật trong quá trình sản xuất của các trang trại như tư vấn cho các chủ trang trại hoạch định kế hoạch sản xuất, dịch vụ phân tích đất đai về nông hoá, thổ nhưỡng, dịch vụ cơ khí nông nghiệp: cải tạo đất, bón phân, phun thuốc trừ sâu, thu hoạch nông sản, dịch vụ thụ tinh nhân tạo, dịch vụ thủy nông tưới tiêu nước v.v...

- Các dịch vụ sau sản xuất như bảo quản sản phẩm nông nghiệp, phân loại nông sản, sơ chế và chế biến nông sản, vận chuyển và tiêu thụ nông sản v.v...

Xu thế phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở Mỹ thời gian gần đây là tập trung tổ chức HTX thành những *liên hiệp nông nghiệp quy mô lớn*

trong hệ thống ARGİ BUSINESS để tạo ra xu thế cạnh tranh với các tập đoàn tư bản công thương nghiệp tư nhân trong các dịch vụ phục vụ trang trại nông nghiệp.

Về phương thức hoạt động của hệ thống HTX trong nông nghiệp:

Ở Mỹ, các HTX không chỉ làm các dịch vụ đơn thuần mà còn tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, nghiên cứu thị trường, quảng cáo hàng hoá v.v... Một số HTX đã ký hợp đồng cấp kinh phí cho các trường đại học để nghiên cứu khoa học, thuê hoặc mua các phòng thí nghiệm và thuê chuyên gia tiến hành nghiên cứu các vấn đề kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất cho các trang trại và các xí nghiệp chế biến, bảo quản nông sản từ phân tích về thổ nhưỡng nông hoá, thức ăn gia súc, chất lượng nông sản, tính toán khẩu phần thức ăn gia súc, công nghệ chế biến nông sản v.v...

Các HTX có kế hoạch tuyển chọn các chuyên gia kinh tế kỹ thuật giỏi vào làm việc. HTX của các chủ trang trại trồng bông ở bang Atlanta đã đến tham quan 37 trường đại học, tiếp xúc và trao đổi, tìm hiểu trực tiếp hơn 600 sinh viên, sau đó chọn ra 83 sinh viên giỏi vào làm việc ở HTX. Có những HTX cấp học bổng cho những sinh viên giỏi học tập để khi tốt nghiệp lấy vào làm việc ở HTX.

Trong thời gian gần đây, nhiều HTX đã sử dụng rộng rãi máy vi tính vào phục vụ sản xuất kinh doanh của HTX và của các trang trại – xã viên và thành lập các Trung tâm máy tính ở HTX hay liên hiệp HTX.

Trung tâm máy tính của một HTX ở bang California đã tính toán phân tích năng suất của từng con bò sữa trong số 14.300 đầu bò sữa của từng trang trại. Trên cơ sở đó, tính toán lập chương trình về khẩu phần thức ăn hàng ngày có hiệu quả nhất đối với từng con bò, để đảm bảo năng suất sữa cao nhất.

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt trên thị trường, các HTX trong nông nghiệp Mỹ vẫn hoạt động có hiệu quả và củng cố được vị trí của mình, là do biết

khai thác những tiềm năng và phát huy được những ưu thế của hình thức kinh tế hợp tác.

- Trước hết là kinh tế hợp tác trong nông nghiệp có mạng lưới rộng rãi ở hầu khắp các vùng nông thôn, có một lực lượng thành viên đông đảo gồm hàng triệu trang trại phân tán ở các địa phương, vừa là người tiêu thụ vừa là người sản xuất, điều mà các tập đoàn tư bản với hàng nghìn đại lý cũng không thể thay thế được.

- Các HTX trong nông nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với các trang trại - xã viên, nên có điều kiện nắm bắt kịp thời nhu cầu mua vào, bán ra của thị trường nông thôn để đáp ứng kịp thời. Các HTX có khả năng phản ứng linh hoạt, nhạy bén trước những biến động diễn ra trên thị trường nông thôn.

- Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cạnh tranh với các đối thủ, các HTX đã liên tục cải tiến các phương thức hoạt động dịch vụ, tạo ra các điều kiện thuận lợi tối đa cho các đối tác - khách hàng đồng thời là các thành viên của HTX như phát triển việc giao dịch mua bán hàng qua điện thoại, đưa hàng bán đến tận từng trang trại, nhận hàng mua ở ngay trang trại, giao nhận hàng trực tiếp theo đường thẳng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết, giảm chi phí lưu thông, đem lại lợi ích cho cả bên bán và bên mua. Một HTX cung cấp nhiên liệu, dầu mỡ đã bán xăng dầu trực tiếp cho 5.000 trang trại, làm giảm 8 - 13% chi phí lưu thông, bảo quản.

Đến nay về cơ bản mạng lưới tổ chức của các HTX trong nông nghiệp ở Mỹ đã được định hình về cả số lượng và loại hình, nên hàng năm tuy vẫn có biến động, nhưng không lớn.

Xu thế phát triển HTX trong nông nghiệp Mỹ là các Liên hiệp HTX thuộc các ngành có nhiều tiềm năng đều có kế hoạch muốn mở rộng phạm vi hoạt động bằng cách thu hút các HTX nhỏ và các công ty tư nhân nhỏ vào HTX.

1.3.2. Các hình thức HTX ở Đức

Nông nghiệp Cộng hoà Liên bang Đức từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, đứng sau nước Pháp về sản lượng nông sản trong liên minh châu Âu, nhưng về mặt trình độ hiện đại hoá nông nghiệp thì nước Đức vượt lên trên Pháp.

Số lượng trang trại nông nghiệp gia đình ở Đức năm 1882 là 5.276.000 cơ sở, quy mô bình quân 6 hecta. Đến năm 1950, ở Cộng hoà Liên bang Đức có 2.285.000 trang trại, quy mô bình quân 25 hecta nhưng có nhiều trang trại quy mô 50 - 60 hecta, 30 - 40 bò sữa, như trang trại Jodep Henrich ở cách Bon 30 km.

Ở Đức, các trang trại nông nghiệp gia đình cũng đều có quan hệ liên kết với các HTX dịch vụ kinh tế kỹ thuật.

Ở Đức, *HTX dịch vụ cũng xuất hiện từ lâu đời*. Năm 1847 những người theo chủ nghĩa cải lương do F.N Raiffeisen đứng đầu đã sáng lập ra tổ chức phúc lợi nông thôn, lúc đầu là một hội từ thiện. Đến năm 1849, Sunxe Delit lập Hội tín dụng đầu tiên của các thợ thủ công ở thành phố và năm 1869 Raiffeisen tổ chức ra Hội tín dụng nông thôn đầu tiên ở Đức trên cơ sở Hội từ thiện đã có.

Như vậy, nước Đức là nơi khai sinh ra *hình thức HTX tín dụng đầu tiên trên thế giới*. Đức cũng là nước sớm có các tổ chức HTX cung ứng, HTX dịch vụ kỹ thuật và HTX mua bán, tiêu thụ nông sản. Đầu tiên do nhu cầu sản xuất các hộ nông dân Đức lập ra các tổ mua chung vật tư, nông cụ trong từng vụ, chưa có điều lệ rõ ràng. Năm 1872 mục sư Gơ - rô tổ chức ra HTX mua bán vật tư, nông sản đầu tiên ở Đức. Từ năm 1872, tổ chức HTX dịch vụ phục vụ nông nghiệp phát triển mạnh nên đã tập hợp thành Liên đoàn các HTX mua bán trong nông nghiệp.

Đến năm 1900, ở các tỉnh Gan - nô và Bơ - rao - nơ - Svây gơ xuất hiện một loại hình *HTX dịch vụ kỹ thuật*; HTX sử dụng điện. Các HTX này huy động các nguồn vốn xây dựng các trạm phát điện riêng và tổ chức phân phối điện cho

các hộ nông dân xã viên. Qua 25 năm, ở Đức đã có đến 5993 HTX sử dụng điện với 700.000 xã viên.

Ở Đức, thành viên của các HTX dịch vụ chủ yếu là các hộ gia đình nông dân và những người sản xuất nhỏ. Hình thức các HTX dịch vụ phục vụ nông nghiệp và nông thôn ở Đức rất đa dạng, thời gian đầu nặng về hình thức HTX kinh doanh, dịch vụ tổng hợp và về sau chuyển sang loại hình HTX chuyên ngành từng loại dịch vụ có hệ thống dọc trong phạm vi cả nước. Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, các loại hình HTX dịch vụ nông nghiệp đã thu hút trên 9 triệu người tham gia.

Những năm 60 có 20.000 HTX cơ sở các loại với 4 triệu xã viên, đến những năm 80 do quy mô của các HTX cơ sở tăng lên, nên số lượng HTX giảm xuống còn gần 10 triệu cơ sở.

Trong các hình thức HTX dịch vụ ở Đức thì *HTX tín dụng* có vị trí rất quan trọng, và trở thành trung tâm của hệ thống các HTX, Vì nó làm cơ sở cho các HTX cung ứng, tiêu thụ và các loại HTX khác. Vì vậy trong 9 triệu xã viên của toàn bộ hệ thống HTX thì 8,8 triệu người có vốn trong quỹ của HTX và ngân hàng tín dụng (chiếm trên 90% tổng số vốn). Các HTX tín dụng và ngân hàng hợp tác trở thành mối liên kết giữa các loại hình HTX ở Đức. Đến năm 1981 ở Cộng hoà Liên bang Đức có 3935 HTX tín dụng cơ sở với 19.828 điểm đại lý ở các vùng nông thôn. Cấp trên trực tiếp của hệ thống HTX tín dụng cơ sở là 9 ngân hàng hợp tác khu vực trực thuộc ngân hàng hợp tác Trung ương.

Tổng số vốn luân chuyển của hệ thống HTX tín dụng và ngân hàng hợp tác lên đến 345 tỷ mác(1).

Các HTX tín dụng qua từng thời gian đã đi từng bước từ phân tán xã khu vực liên xã, sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, tiếp tục tập trung mở rộng địa bàn và tăng quy mô kinh doanh của HTX cơ sở. Năm 1981, chỉ còn 3395 HTX

tín dụng cơ sở giảm đi 6 827 cơ sở so với 1961 trong khi tổng số xã viên tăng lên 2 lần, và quy mô bình quân của một HTX tín dụng cơ sở tăng 10 lần.

Cùng với việc chuyên môn hoá sản xuất của các trang trại nông nghiệp, các *HTX dịch vụ chuyên ngành sản xuất* đã được hình thành với chức năng đảm bảo các dịch vụ kinh tế kỹ thuật cho các chuyên ngành sản xuất nông nghiệp. Năm 1981 ở Cộng hoà Liên bang Đức có 203 HTX cơ sở và 14 liên hiệp HTX của các trang trại chăn nuôi gia súc lấy thịt, 134 HTX và 1 liên hiệp HTX của các trang trại nuôi bò sữa, 346 HTX và 10 liên hiệp HTX về ngũ cốc, 23 HTX của các trang trại trồng hoa, 253 HTX và 3 liên hiệp HTX về rượu nho và nước quả nho, 18 HTX và 1 liên hiệp HTX về dịch vụ cung cấp giống gia súc, gia cầm.

Ngoài ra, còn có các *HTX dịch vụ kỹ thuật phục vụ các trang trại* như HTX dịch vụ tưới, tiêu nước, HTX dịch vụ thông tin kinh tế, kỹ thuật cho các trang trại, HTX dịch vụ đào tạo kỹ thuật sản xuất, quản lý kinh doanh và cả những kiến thức về đời sống sinh hoạt, giao tiếp cho thành viên các trang trại, các HTX chế biến hoặc tiêu thụ chuyên từng sản phẩm như HTX tiêu thụ trứng, HTX chuyên bảo quản nông sản bằng kỹ thuật đông lạnh v.v...

Để phục vụ cơ giới hoá và điện khí hoá nông nghiệp, ngoài HTX cung cấp điện cho nông dân còn có *các hình thức hợp tác sử dụng chung máy kéo và máy nông nghiệp* như của các hộ nông dân chủ trang trại đóng góp vốn theo cổ phần. Năm 1982 ở Cộng hoà Liên bang Đức có 250 tổ hợp sử dụng máy chung với 127.000 trang trại tham gia (chiếm 16% tổng số trang trại) và cơ giới hoá làm đất được 28% diện tích canh tác (3,36 triệu hecta) và 1500 hội sử dụng máy để làm thuê cho nhau, mỗi hội có từ 3 - 5 trang trại đến 50 trang trại.

Do yêu cầu của sản xuất phục vụ các trang trại nông nghiệp quy mô ngày càng lớn, các HTX cơ sở thời gian qua cũng đã giảm số lượng tăng quy mô và phạm vi hoạt động. Ngoài ra, còn diễn ra quá trình *liên hợp ngang và dọc giữa các HTX*, hình thành các Liên hiệp và Liên đoàn HTX chuyên ngành về ngũ cốc,

về sản xuất thịt, sản xuất chế biến sữa, rượu toàn quốc, đảm nhiệm việc thu mua, chế biến, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Liên hiệp HTX tín dụng cung ứng tiêu thụ mang tên Raiffeisen (là người sáng lập ra HTX tín dụng đầu tiên ở Đức) là HTX vào loại lớn nhất ở Cộng hoà Liên bang Đức, có gần 80% số trang trại nông nghiệp tham gia. Chức năng của HTX này là:

- Giúp cho các trang trại vay vốn tín dụng ngắn hạn, dài hạn.
- Cung ứng vật tư, máy móc nông nghiệp cho các trang trại
- Tổ chức kinh doanh chế biến, tiêu thụ sản phẩm với các xí nghiệp chế biến sữa, thịt v.v...
- Tổ chức lực lượng máy móc thiết bị để cơ giới hoá công việc cải tạo đồng ruộng, phòng trừ sâu bệnh trên địa bàn rộng, phục vụ các trang trại có hiệu quả hơn việc trang trại tự mua sắm thiết bị sử dụng riêng vì các thiết bị này đòi hỏi vốn đầu tư lớn, mà các trang trại không sử dụng hết công suất nên chi phí sản xuất sẽ cao.

Để trở thành xã viên HTX này, những nông dân chủ trang trại phải đóng góp cổ phần theo quy mô sản xuất của từng trang trại tính theo giá trị đất đai, số lượng gia súc v.v... Các trang trại xã viên được HTX phục vụ trong việc cung ứng vốn, vật tư sản xuất với giá cả có lợi hơn trên thị trường, và hàng năm có thể được chia lãi do các hoạt động kinh doanh của HTX đem lại. Các trang trại xã viên bán sản phẩm cho HTX theo quy định giữa HTX và xã viên.

Hệ thống HTX ở Đức có nhiều hình thức đa dạng tạo điều kiện cho nông dân chủ trang trại có nhiều cơ hội lựa chọn và tham gia vào các HTX dịch vụ cần thiết. Nhiều chủ trang trại tham gia vào 3 - 4 HTX dịch vụ khác nhau, từ tín dụng, cung ứng đến dịch vụ kỹ thuật và chế biến tiêu thụ nông sản vì đều mang lại lợi ích cho trang trại.

Trước tiên ở Cộng hoà Liên bang Đức có 2 hệ thống HTXNN và HTX tiểu thủ công nghiệp riêng rẽ, độc lập với nhau. Đến nay 2 hệ thống này hợp

nhất lại thành Liên minh HTX thống nhất công nông nghiệp toàn nước Đức nằm trong Liên minh HTX quốc tế (ICA).

1.3..3. Các hình thức HTX ở Nhật Bản

Trước năm 1945, ở Nhật Bản đã có tổ chức HTXNN, nhưng trong thời kỳ chiến tranh, các HTX và hội nông dân được tập hợp trong Hiệp hội nông nghiệp do chính quyền điều khiển chủ yếu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Đến năm 1947, đã giải thể các Hiệp hội nông nghiệp và tổ chức ra các HTXNN theo Bộ luật HTX do nhà nước ban hành.

Theo Bộ luật HTX ban hành năm 1947, các HTXNN ở Nhật Bản do nông dân tổ chức ra theo nguyên tắc tự nguyện và dân chủ: Mỗi xã viên có quyền tự do gia nhập hay rút ra khỏi HTX. HTX hoạt động theo tinh thần tự chủ, nhà nước có quyền giám sát việc tuân thủ pháp luật của các HTX nhưng không can thiệp vào nội dung và phương thức kinh doanh của HTX.

HTXNN thực sự trở thành hình thức tổ chức hoạt động kinh tế của nông dân khác hẳn tổ chức hoạt động của các Hội nông nghiệp trước kia làm việc theo mệnh lệnh của các cơ quan chính quyền. Vì vậy, phát triển HTXNN và cải cách ruộng đất sau chiến tranh thế giới lần hai, được coi là hai nội dung cải cách kinh tế xã hội quan trọng nhất nhằm dân chủ hoá hoạt động kinh tế nông thôn.

Đến năm 1967, Chính phủ Nhật Bản lại ban hành chính sách cơ bản về HTX để phát triển nông nghiệp. Thực hiện chính sách này, mạng lưới HTX trong nông nghiệp được tập hợp lại thành một hệ thống HTXNN toàn Nhật Bản với 2 loại hình HTX đa ngành (tổng hợp) và HTX chuyên ngành và hai hình thức xã viên HTX : Xã viên làm nông nghiệp (nông dân - chủ trang trại gia đình) và xã viên không trực tiếp làm nông nghiệp (những người làm dịch vụ kinh tế kỹ thuật phục vụ nông nghiệp và góp vốn vào hoạt động kinh doanh của HTX).

Hệ thống HTXNN đa ngành (tổng hợp)

Đặc điểm của hệ thống tổ chức HTX trong nông nghiệp của Nhật Bản khác các nước Âu Mỹ ở chỗ *HTX đa ngành chiếm ưu thế so với HTX chuyên ngành*. ở cấp cơ sở, các chức năng phục vụ sản xuất và đời sống của nông dân không phải do từng HTX chuyên ngành đảm nhiệm, riêng rẽ từng việc như HTX tín dụng, HTX cung ứng, HTX tiêu thụ, HTX bảo hiểm v.v...mà do một HTX đa ngành đảm nhiệm tất cả các dịch vụ trên đối với các xã viên - nông dân - chủ trang trại gia đình. Hình thức HTX đa chức năng này tỏ ra phù hợp với đặc điểm nông nghiệp và tập quán của nông dân Nhật Bản. Vì vậy, các HTX đa ngành đóng vai trò chủ yếu trong hệ thống HTXNN Nhật Bản.

HTXNN đa ngành làm các dịch vụ phục vụ đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp và cả các dịch vụ phục vụ sinh hoạt cho nông dân xã viên, cụ thể là:

- Mua nông sản của nông dân xã viên sau các thời vụ thu hoạch và đưa đi tiêu thụ ở các thị trường trong nước và xuất khẩu. Mạng lưới HTXNN được nhà nước cho phép mua bán phần lớn số lượng gạo do các hộ nông dân sản xuất ra, do đó HTX đã chi phối 95% thị trường gạo của Nhật Bản, 25% thị trường rau quả và 16% thị trường thịt.

- Cung cấp cho các trang trại của nông dân xã viên phân bón, thuốc trừ sâu, công cụ máy móc nông nghiệp. Mạng lưới HTX đã đảm bảo cung cấp 71% phân bón, 52% hoá chất, 38% thức ăn gia súc, và 44% máy móc nông nghiệp cho xã viên.

- Làm chức năng tín dụng nông nghiệp và bảo hiểm nông nghiệp do ngân hàng HTXNN và Liên hiệp bảo hiểm nông nghiệp TW đảm nhiệm, có chi nhánh ở các tỉnh, huyện. Vốn của ngân hàng HTXNN TW có 38 tỷ yên, đứng thứ 6 trong các ngân hàng HTXNN thế giới.

- Cung ứng cho nông dân ở nông thôn các mặt hàng thiết yếu như lương thực thực phẩm, quần áo, đồ gỗ, xe máy, ô tô, xăng dầu, và thực hiện các dịch

vụ phục vụ nông dân. Mạng lưới thương nghiệp của HTXNN có trên 2000 cửa hàng và siêu thị, cung cấp 47% xăng dầu, 36% hơi đốt(1).

- Tổ chức nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất như giống mới, phân bón, thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu bệnh cây trồng và dịch bệnh gia súc, công cụ máy móc mới.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ thuật và quản lý trang trại cho nông dân xã viên.

Hệ thống HTXNN chuyên ngành:

Đối với một số ngành sản xuất nông nghiệp đi vào sản xuất chuyên môn hoá như chăn nuôi, làm vườn, nuôi ong, v.v...ở Nhật Bản, thường tổ chức các HTX chuyên ngành sản phẩm, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của các hộ nông dân xã viên hơn HTX đa ngành. Chức năng của các HTX chuyên ngành cũng là thực hiện các dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị chuyên dùng cho các xã viên theo chuyên ngành như thức ăn gia súc, dịch vụ thú y cho các hộ xã viên, HTX chăn nuôi, vật tư thiết bị làm vườn, nuôi ong cho các xã viên HTX chuyên ngành này, và đặc biệt là mua và tiêu thụ sản phẩm chuyên ngành của các hộ nông dân xã viên như sữa, thịt, rau quả, mật ong...là những loại nông sản mà các HTX đa ngành ít hoặc không kinh doanh.

Các hộ nông dân xã viên HTX chuyên ngành khi thấy cần thiết cũng gia nhập HTX đa ngành ở địa phương để sử dụng thêm các loại dịch vụ kinh tế kỹ thuật mà HTX chuyên ngành không làm như các dịch vụ phục vụ đời sống.

Hệ thống HTX đa ngành (tổng hợp) cũng như chuyên ngành ở Nhật Bản tổ chức theo 3 cấp: HTX cơ sở ở xã, thị trấn, Liên hiệp HTX đa ngành hay chuyên ngành ở quận, tỉnh, thành phố, Liên hiệp và Liên đoàn HTX quốc gia.

Liên đoàn HTX quốc gia toàn Nhật Bản là thành viên của Liên minh HTX quốc tế (ICA)

HTXNN cấp cơ sở

HTXNN đa ngành hoặc chuyên ngành cấp cơ sở ở xã, thị trấn là tổ chức kinh tế hợp tác của các hộ nông dân - trang trại gia đình tự nguyện tổ chức ra trên một địa bàn lãnh thổ, một địa điểm dân cư cụ thể theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ.

HTXNN cơ sở là tổ chức đầu mối quan trọng nhất của hệ thống mạng lưới HTX, có quan hệ trực tiếp với từng hộ nông dân xã viên, và là thành viên của Liên hiệp HTXNN đa ngành hay chuyên ngành, cấp huyện, tỉnh.

Mỗi HTXNN đa ngành ở cơ sở (xã, thị trấn) chia xã viên thành nhóm theo vùng địa lý như thôn, xóm để tiện việc liên hệ. Gần đây nhiều HTX cơ sở thay tổ chức nhóm theo vùng địa lý, bằng nhóm theo chuyên ngành như nhóm các xã viên sản xuất lúa, nhóm xã viên chăn nuôi gia cầm, nhóm xã viên chăn nuôi lợn để tiện trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ nhau.

HTX chuyên ngành cơ sở thì phân xã viên theo vùng địa lý để tiện liên hệ.

Các HTXNNN ở cơ sở có các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động kinh doanh, như lò ấp trứng lấy gà giống cung cấp cho xã viên, trại lợn, xưởng chế biến nông sản, xưởng sửa chữa máy móc nông nghiệp, cửa hàng bán vật tư kỹ thuật, xăng dầu, phụ tùng máy móc, và các cơ sở dịch vụ phục vụ đời sống như cửa hàng ăn uống, hiệu cắt tóc, thẩm mỹ, phòng cưới, phòng họp, thiết bị thông tin liên lạc trong phạm vi HTX và với bên ngoài. Bộ máy điều hành công việc của HTX cơ sở có Ban quản trị và chủ nhiệm HTX do Đại hội xã viên bầu trực tiếp, ban kiểm tra của HTX và các nhân viên giúp việc.

Số lượng các HTXNN cơ sở đa ngành (tổng hợp) những năm 50 có 30.000 cơ sở, đến năm 1960 tập trung lại còn 12.000 cơ sở với quy mô lớn hơn, đến năm 1965 còn 9.000 cơ sở, năm 1970 có 6.000 cơ sở, và đến đầu những năm 90 có 4.000 cơ sở, dự báo đến năm 2000 sẽ giảm xuống còn khoảng 1.500 - 2.000 cơ sở do mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động của từng HTX cơ sở.

Quy mô HTX NN cơ sở có xu hướng ngày càng tăng lên. Năm 1970, trong hệ thống tổ chức HTXNN 47% HTX có dưới 500 xã viên, 32% HTX có

500 - 1.000 xã viên, 13% HTX có 1.000 - 2.000 xã viên, 4% HTX có 2.000 - 3.000 xã viên và trên 2,5% HTX có trên 5.000 xã viên và đến nay tỷ trọng các HTX có quy mô lớn tiếp tục tăng lên(1).

Số lượng các HTXNN chuyên ngành cơ sở đến năm 1970, ở Nhật Bản có khoảng 7.800 cơ sở, trong đó có 3.500 HTX nuôi ong, 273 HTX chăn nuôi, 71 HTX nuôi bò sữa, 15 HTX chăn nuôi gia cầm, 149 HTX làm vườn, 1996 HTX định cư, 47 HTX tiểu thủ công nghiệp, và 1700 HTX các ngành khác.

Liên hiệp hợp tác nông nghiệp cấp tỉnh, thành phố

Là tổ chức kinh tế hợp tác có chức năng thực hiện các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho các HTXNN cơ sở và các hộ nông dân - xã viên và có mối quan hệ với các Liên hiệp HTX quốc gia

Bộ máy của Liên hiệp HTXNN tỉnh, thành phố bao gồm 1 ban điều hành do đại hội đại biểu các HTX cơ sở bầu ra, và các viên chức chuyên môn do Liên hiệp thuê vào làm công ăn lương. Như Liên hiệp HTXNN tỉnh Shiduka có 300 nhân viên làm việc ở 1 trụ sở đặt trong ngôi nhà 5 tầng, phục vụ cho 10.000 xã viên. Để phục vụ cho hoạt động của các HTX cơ sở, ở Nhật Bản hiện nay có khoảng 700 liên hiệp và liên đoàn HTX ở tất cả 47 tỉnh bao gồm 5 loại sau đây:

- Liên hiệp HTXNN tỉnh có chức năng chỉ đạo quản lý hoạt động của các HTX cơ sở. Trong cả nước hiện nay có 47 liên hiệp HTXNN ở tất cả 47 tỉnh.

- Liên đoàn các HTX chuyên ngành tỉnh là tổ chức của các HTX chuyên ngành nông nghiệp cơ sở lập ra. Liên đoàn này chỉ tổ chức ở những tỉnh có nhiều HTX chuyên ngành cơ sở. Đến nay ở Nhật Bản có 11 liên đoàn HTX chăn nuôi, 31 liên đoàn HTX chăn nuôi bò sữa, 4 liên đoàn HTX chăn nuôi gia cầm, 27 liên đoàn HTX nuôi ong, 5 liên đoàn HTX làm vườn, 2 liên đoàn HTX vận tải, 20 liên đoàn HTX dịch vụ, 36 liên đoàn HTX định cư.

- Liên đoàn kinh tế tỉnh là tổ chức liên hiệp HTX có chức năng quản lý hoạt động kinh doanh của các HTX cơ sở. Hiện nay có 47 liên đoàn kinh tế ở tất cả 47 tỉnh trong cả nước.

- Liên đoàn tín dụng tỉnh có chức năng cung cấp vốn tín dụng đến từng xã viên hợp tác xã cơ sở. Đến nay có 45 liên đoàn tín dụng ở các tỉnh

- Liên đoàn bảo hiểm tỉnh có chức năng thực hiện các hoạt động bảo hiểm trong nông nghiệp và nông thôn. Có 46 liên đoàn bảo hiểm ở các tỉnh.

Liên hiệp HTXNN quốc gia

Trong toàn quốc có các Liên hiệp và Liên đoàn quốc gia HTXNN đa ngành và chuyên ngành có chức năng quản lý chỉ đạo hoạt động của hệ thống tổ chức HTXNN trong cả nước, là đại diện cho các Liên đoàn HTXNN cấp tỉnh và các HTXNN cấp cơ sở trong các quan hệ với chính quyền về các vấn đề liên quan đến chính sách đối với nông nghiệp như vấn đề tài trợ cho nông nghiệp, chính sách giá cả nông sản, chính sách xuất nhập khẩu nông sản v.v...nhằm bảo vệ quyền lợi của các xã viên nông dân.

Các liên hiệp HTXNN quốc gia Nhật Bản đều là thành viên của Liên minh HTX quốc tế (ICA).

1.3.4. Các hình thức HTX ở Thái Lan

HTX đầu tiên ở Thái Lan thành lập cách đây 80 năm. Cho đến nay Thái Lan là nước ở Đông Nam Á có hệ thống HTX rộng khắp và hoạt động rất hiệu quả.

Hiện nay, ở Thái Lan có 6 hình thức HTX trong nông nghiệp với số lượng HTX và số lượng thành viên đến tháng 1 năm 1990 như sau :

Biểu 1: Các hình thức HTX của Thái lan (2)

Hình thức HTX	Số lượng HTX	Số lượng thành viên
1. Nông nghiệp	2862	3.844.851
2. Ngư nghiệp	57	9.064
3. Khai khẩn đất	95	118.486

4. Tiết kiệm và tín dụng	1144	1.782.247
5. Tiêu thụ	375	724.633
6. Dịch vụ	347	113.198
Tổng số	4.880	6.592.479

Nguồn(2): Báo cáo khảo sát của Đoàn Bộ NN- & PT

Hệ thống tổ chức HTX trong nông nghiệp Thái Lan gồm 3 cấp: HTX cơ sở (xã, huyện), Liên hiệp HTX tỉnh và Liên đoàn HTX quốc gia.

HTXNN cơ sở là loại HTX đa ngành có quy mô bình quân 800 hộ nông dân xã viên trên địa bàn huyện, được chia thành nhóm theo cụm dân cư (làng, xã).

Theo Luật HTX, Đại hội xã viên HTX cơ sở là cơ quan có quyền lực cao nhất họp và bầu ra ban Chủ nhiệm HTX và bộ máy quản lý gồm có các ban thư ký, ban kinh doanh và ban tài chính, kế toán để điều hành toàn bộ hoạt động của HTX.

Ba HTX cơ sở trở lên tổ chức ra Liên hiệp HTX cấp tỉnh với chức năng hỗ trợ hoạt động của các HTX cơ sở.

Các Liên hiệp HTXNN cấp tỉnh tổ chức ra Liên đoàn HTXNN quốc gia. Ngoài ra, ở cấp toàn quốc còn có các Liên đoàn HTX những người trồng mía Thái Lan, Liên đoàn HTX tiêu thụ Thái Lan, và Liên đoàn HTX tín dụng và tiết kiệm Thái Lan.

Chức năng của Liên đoàn HTX quốc gia là hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các HTX cơ sở bao gồm từ xuất nhập khẩu vật tư kỹ thuật, xuất nhập khẩu nông sản, chế biến, bảo quản nông sản.

Trong cả nước còn có một tổ chức cao nhất là Liên đoàn HTX Thái Lan. Các Liên đoàn HTX quốc gia Thái Lan đều gia nhập Liên minh HTX quốc tế (ICA).

HTXNN ở Thái Lan hiện nay là HTX đa ngành có chức năng hoạt động dịch vụ phục vụ đầu vào (cấp tín dụng, cung cấp vật tư kỹ thuật) và đầu ra (chế

biến, mua bán, lưu thông nông sản) cho các hộ nông dân xã viên, trong đó kinh doanh thóc gạo là hướng kinh doanh lớn nhất của HTXNN.

Từ năm 1938 các HTX mua bán, lưu thông nông sản được thành lập để bổ sung cho các HTX tín dụng nhỏ đang tồn tại ở các làng xã. Đến năm 1965 số lượng HTX mua bán thóc gạo có số lượng là 223 HTX. HTX tín dụng nông nghiệp đến cuối năm 1960 đã lên đến 10.000 cơ sở, nhưng không đáp ứng được yêu cầu của nông dân vì quy mô các HTX quá nhỏ, vốn ít(1). Vì vậy, Chính phủ Thái Lan từ cuối những năm 60 có chủ trương hợp nhất các HTX tín dụng và lưu thông quy mô nhỏ lại thành các HTX quy mô lớn, đa ngành theo hai bước.

Từ năm 1969, tất cả các HTX tín dụng quy mô nhỏ được hợp nhất lại thành HTX tín dụng cấp huyện và từ năm 1973, các HTX lưu thông nông sản sáp nhập với các HTX tín dụng, tổ chức ra các HTX đa ngành cấp huyện được gọi là “ HTXNN” thu hút nông dân làm các ngành nghề khác nhau như trồng lúa, ngô, khoai, sắn, chăn nuôi gia súc, gia cầm, bò sữa, trồng cây ăn quả, rau, hoa, cao su, cà phê v.v...và đến nay đã hình thành các HTX chuyên ngành sản xuất như: HTX trồng mía, HTX trồng hoa, HTX nuôi lợn, HTX bò sữa, HTX nghề cá v.v...

HTXNN trong thực tế đã khuyến khích thâm canh, đa dạng hoá sản xuất, tăng thêm nguồn thu nhập cho nông dân xã viên ở các làng xã.

HTXNN cấp huyện là thành viên của Liên hiệp HTX NN cấp tỉnh. Liên hiệp HTXNN tập trung chủ yếu vào chế biến thóc gạo là chủ yếu. Trong phạm vi cả nước có Liên đoàn HTXNN Thái Lan.

Hệ thống HTXNN Thái Lan có cơ sở vật chất kỹ thuật khá hơn. Năm 1977, được Chính phủ cho vay vốn xây dựng hệ thống kho tàng bảo quản nông sản. Đến năm 1981, hệ thống HTXNN đã có 664 nhà kho nông sản với tổng dung tích là 315.425 tấn và 19 nhà máy xay xát thóc gạo với tổng công suất 448 tấn/ngày thuộc quyền điều hành của 714 HTXNN cấp huyện. Ngoài ra 29 Liên hiệp HTXNN tỉnh có 23 nhà máy xay với tổng công suất 1.450 tấn/ ngày để chế

biến thóc gạo bán cho Liên đoàn HTXNN Thái Lan (ACF) và các nhà buôn để tiêu thụ ở thị trường trong nước và xuất khẩu .

Liên đoàn HTXNN quốc gia Thái Lan (ACFT) làm nhiệm vụ nhập vật tư (phân bón) của nước ngoài phân phối cho các HTX trong cả nước và tổ chức việc tiêu thụ nông sản trước hết là gạo ở thị trường trong nước và xuất khẩu gạo do các Liên hiệp HTX các tỉnh bán cho.

Từ năm 1980, mạng lưới mua bán nông sản nằm rải rác từ các cửa hàng mua nông sản của các HTXNN cơ sở, đến các cơ sở chế biến của các Liên hiệp HTXNN tỉnh và các trung tâm mua bán nông sản của Liên đoàn HTXNN quốc gia. Nhược điểm của mạng lưới lưu thông nông sản này của HTX là chi phí và giá thành hàng hoá cao hơn của các hãng buôn tư nhân.

Vì vậy từ năm 1981, Vụ khuyến khích HTX đề ra chương trình liên kết lưu thông thóc gạo, nhằm giảm bớt phí lưu thông thóc gạo, bằng cách được tổ chức HTXNN các cấp vào hoạt động trong một hệ thống lưu thông thống nhất, để tăng cường sức mua của các HTX. Các HTX nhận thóc của các nông dân xã viên dưới hình thức mua hoặc nhận trả bằng tiền vay, sau đó giao cho nhà máy xay gần nhất của bất kỳ HTX cơ sở hay của Liên hiệp HTX tỉnh. Nhà máy xay chế biến thóc gạo xong, giao sản phẩm cho Liên đoàn HTXNN Thái Lan (ACFT) để đưa ra thị trường.

Năm 1986, Ngân hàng nông nghiệp, HTXNN và Vụ khuyến khích HTX đã tài trợ 500 triệu Bạt cho Liên đoàn HTXNN Thái Lan để mua thóc của nông dân xã viên. Các HTXNN cơ sở và các nhà chế biến lúa gạo được hưởng lợi nhuận của chương trình mua thóc và xay xát thóc gạo.

HTX định cư được tổ chức ở những vùng đất hoang hóa do Nhà nước quản lý. Để mở mang thêm đất canh tác ở các vùng đồi núi, Chính phủ Thái Lan giúp đỡ các HTX định cư phát triển bằng cách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, chợ v.v...

Chức năng của HTX định cư là nhận đất hoang hóa công cộng của nhà nước giao, hoặc mua đất để giao cho các nông dân xã viên có quyền sở hữu hay quyền sử dụng tùy theo từng điều kiện cụ thể để canh tác theo phương thức mua đất hoặc thuê đất. Đất của HTX định cư giao cho phải dùng vào sản xuất nông nghiệp.

HTX của người nghèo ở Thái Lan được phát triển ở nhiều địa phương. Như một làng ở Chiang Mai, có một nông dân đứng ra vận động 30 nông dân nghèo mỗi ngày dành 1 Bạt (tiền Thái Lan) góp vào quỹ tiết kiệm, mỗi tháng được 900 bạt đem gửi ở ngân hàng huyện lấy lãi. Một năm được 10.800 bạt. Họ họp nhau bàn cách sử dụng vốn vào công việc làm ăn, nhờ người có tín nhiệm quản lý quỹ cho người có nhu cầu vay vốn lãi suất thấp để dùng vào sản xuất. Có tác dụng cải thiện cuộc sống của các hộ nông dân nghèo. Đến nay sau 10 năm ở vùng Đông bắc Thái Lan, nhiều hộ nông dân đã thoát khỏi cảnh đói nghèo, nhờ hoạt động của hình thức quỹ tín dụng dân gian nhỏ bé này.

Quan hệ giữa hệ thống chính quyền và hệ thống tổ chức HTX NN ở Thái Lan như sau:

Ở cấp quốc gia: Trong Bộ Nông nghiệp và HTX có ủy ban cải tiến các tổ chức nông dân, ủy ban kế hoạch và chính sách phát triển nông nghiệp và HTX, phòng đăng ký HTX, vụ thanh tra HTX và Vụ khuyến khích HTX.

Vụ khuyến khích HTXNN là cơ quan có trách nhiệm quản lý trực tiếp việc phát triển các HTXNN bằng các hình thức hướng dẫn nghiệp vụ đào tạo cán bộ HTX, trợ giúp tài chính cho HTX nhằm mục đích giúp các HTX đem lại lợi ích cho xã viên. Bộ máy tổ chức của Vụ khuyến khích HTX bao gồm các tổ chức ở TW và các cấp tỉnh, huyện.

1.3.5. Một số nhận xét và bài học rút ra từ việc tham khảo HTX một số nước trên thế giới.

1.3.5.1. HTX ra đời trong nền sản xuất hàng hoá và là sản phẩm tất yếu của nông nghiệp, nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá.

1.3..5.2. Các hình thức kinh tế hợp tác phát triển đa dạng từ thấp đến cao tùy thuộc sự phát triển của sức sản xuất. Hướng chung là :

- Lúc đầu thường hình thành các HTX chuyên khâu riêng biệt (như HTX tín dụng, HTX chế biến, HTX làm đất, HTX cung cấp vật tư, HTX thủy nông v.v.dân dân, các HTX có xu hướng kết hợp một số khâu (như HTX dịch vụ tín dụng và tiêu thụ sản phẩm ở Đức và Pháp)

- Phân đông các nước tổ chức các HTX dịch vụ kinh doanh tổng hợp (HTX đa chức năng) ở Mỹ, Hà Lan, Nhật Bản và Thái Lan.

- Các dịch vụ kinh doanh của các HTX cũng mở rộng dần, không chỉ những dịch vụ cho sản xuất mà cả những dịch vụ cho tiêu dùng (như siêu thị, rác thải môi trường, trường học, du lịch)

- Khi kinh tế thị trường phát triển ở mức độ cao, các HTX cơ sở phải mở rộng liên kết kinh tế, xây dựng thành các liên hiệp HTX có quy mô lớn để nâng cao năng lực cạnh tranh thị trường và nâng cao hiệu quả dịch vụ kinh doanh, tăng thu nhập cho các HTX và xã viên.

1.3..5.3. Đa số các HTX tổ chức theo mô hình tổ chức sản xuất phi tập trung. Từng hộ xã viên, các trang trại gia đình là chủ thể của sản xuất nông nghiệp. Các HTX (kể cả HTX phi nông nghiệp) chủ yếu làm dịch vụ cho kinh tế hộ phát triển.

1.3..5.4. Tính tự nguyện của người lao động, người nông dân trong các HTX rất cao. Họ hoàn toàn tự nguyện khi quyết định gia nhập hoặc xin ra HTX.

1.3.5.5. Một xã viên có thể tham gia nhiều HTX khác nhau theo quy định của Điều lệ từng HTX.

1.3.5.6. Các HTX phát triển không phụ thuộc vào ranh giới hành chính.

1.3..5.7. Để tổ chức HTX thành công, thực sự phát huy hiệu quả thiết thực của mình, có một số nhân tố quan trọng sau:

a. Vai trò chỉ đạo, hỗ trợ của Nhà nước

Hầu hết các Nhà nước đều rất chú trọng đến HTXNN, coi việc phát triển HTXNN là chiến lược quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Cụ thể là:

- Quản lý Nhà nước đối với HTX

HTX được coi là một hình thức doanh nghiệp. Bởi vậy, Chính phủ ở một số nước đều tiến hành việc quản lý HTX và quản lý theo cách riêng của mình như mọi hình thức doanh nghiệp khác, không có sự phân biệt nào. Các HTX tự thân vận động theo Luật pháp. Nhà nước quản lý HTX thông qua hệ thống toà án, có sự kết hợp với các Bộ chức năng tổng hợp như Bộ tư pháp, Bộ tài chính...trong việc ban hành các quy chế cần thiết.

Đối với các nước đang phát triển: Là các nước nghèo, trình độ dân trí chưa cao, nếu để cho HTX tự hình thành thì mất khá nhiều thời gian. Vì vậy, họ chủ trương khuyến khích phát triển phong trào HTX với sự giúp đỡ hỗ trợ của Nhà nước thông qua việc hướng dẫn, công bố các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX ra đời, hoạt động và phát triển.

Để làm công tác này, nhiều nước đã hình thành một bộ phận chuyên quản lý HTX do Nhà nước chỉ định.

Ở Indonexia, ông Bộ trưởng và một số vụ, cục chức năng phụ trách HTX được giao nhiệm vụ kiểm tra các công việc của HTX và một hệ thống cán bộ có thẩm quyền. Đó là những viên chức do Nhà nước hoặc Bộ trưởng chỉ định và được giao quyền hạn đặc biệt về một số nội dung quản lý HTX như: hướng dẫn, đăng ký, kiểm tra...

Ở Thái Lan, ông Bộ trưởng phát triển quốc gia có trách nhiệm và có quyền chỉ đạo việc thi hành luật, được cử cán bộ có thẩm quyền và ban hành các quy chế để thi hành luật.

Ở một số nước, Chính phủ đã thành lập các tổ chức để hỗ trợ cho HTX, thông qua điều khoản về giúp đỡ tài chính, hoặc giúp đỡ khác để thiết lập và

thực hiện các dự án trên các lĩnh vực khác nhau của HTX. Các tổ chức này cũng hướng dẫn và chỉ đạo mẫu về quản lý và thực hiện chức năng của các HTX mà họ giúp đỡ.

- Chính phủ giúp đỡ, hỗ trợ HTX

Chính phủ nhiều nước coi việc giúp đỡ, hỗ trợ HTX là trách nhiệm của mình và thực hiện việc đó thông qua những chính sách hỗ trợ như :

+ Đầu tư cho phát triển khoa học - kỹ thuật; Xây dựng kết cấu hạ tầng đối với các HTX công - nông nghiệp.

+ Cho vay với lãi suất thấp và trợ giúp khi có thiên tai.

+ Có chế độ ưu đãi về thuế

+ Cho phép các HTX và Liên minh HTX có quyền phát hành cổ phiếu

+ Cho phép thành lập các tổ chức hỗ trợ HTX như: Ngân hàng HTX, hiệp hội kiểm toán, hiệp hội bảo hiểm ...

+ Ưu tiên cung cấp vật tư – kỹ thuật

+ Cho quyền trực tiếp xuất nhập khẩu

+ Hỗ trợ công tác đào tạo, kể cả thạc sỹ và tiến sỹ

+ Quy định các Bộ, ngành chức năng và chính quyền các cấp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình phải tạo điều kiện giúp đỡ HTX

+ Sử dụng và thông qua các HTX để thực hiện các dự án phát triển.

Ở Indonexia, phương hướng chính sách đối với HTX được ghi nhận trong kế hoạch phát triển Nhà nước. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 5, một văn kiện riêng về HTXNN mẫu và sự phát triển đã được ban bố kèm theo Luật HTX.

b. Phải nâng cao nhận thức và hiểu biết của mọi người về HTX.

- Đối với tất cả mọi công dân ngay khi còn ngồi học trong trường phổ thông đã được học qua chương trình về HTX.

- Trước khi tổ chức HTX, người ta tổ chức những lớp tập huấn riêng cho nông dân về HTX để nông dân hiểu về Luật HTX và Điều lệ HTX, hiểu sâu về

vai trò, tác dụng và hoạt động của HTX giúp họ tự lựa chọn và quyết định có tham gia HTX hay không.

c. Trình độ quản lý và sự năng động của đội ngũ cán bộ quản lý HTX (bao gồm chủ nhiệm, các cán bộ quản lý, nghiệp vụ của HTX) là yếu tố quyết định đến thành công và hiệu quả của các hoạt động tổ chức quản lý cũng như từng dịch vụ của HTX.

Chính vì vậy đội ngũ cán bộ phải được đào tạo công phu và phải thường xuyên được đào tạo lại và bồi dưỡng mới đáp ứng được.

(Ở Thái Lan và nhiều nước khác, ở các trường đại học nông lâm nghiệp đều có khoa HTX riêng. Chủ nhiệm và các cán bộ quản lý khác nếu một ai đó chưa được bồi dưỡng quản lý thì sau khi được bầu bắt buộc phải qua bồi dưỡng kiến thức quản lý HTX. Nếu không, nhiệm kỳ sau sẽ không được bầu lại). Để làm việc này, HTX nào cũng có quỹ đào tạo bồi dưỡng riêng.

Ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, để thúc đẩy cán bộ HTX đem hết năng lực ra, năng động sáng tạo trong công việc, các HTX đều có chế độ đãi ngộ (trả công, khen thưởng) thoả đáng.

d. Tăng hiệu quả và mở rộng hoạt động dịch vụ của HTX trên cơ sở:

- Trước hết là xuất phát từ chính nhu cầu dịch vụ hiện có của từng xã viên và sự nhanh nhạy, phát hiện, mở rộng nhu cầu mới.

Dành phần lãi thích đáng phân phối theo khối lượng dịch vụ của từng xã viên để lôi kéo xã viên sử dụng nhiều dịch vụ của HTX.

Vấn đề thị trường có ý nghĩa rất quan trọng trong thành công của HTX. Vấn đề này được giải quyết theo nhiều hướng:

- Hệ thống HTX được liên kết theo chiều dọc từ dưới lên (từ cấp HTX cơ sở đến liên hiệp HTX vùng và liên hiệp HTX TW) đã tăng sức mạnh của tổ chức hợp tác, giúp các HTX cơ sở khơi thông đầu vào và đặc biệt là khơi thông, mở rộng đầu ra, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm cho xã viên có hiệu quả.

- Hoàn thiện nâng cấp kết cấu hạ tầng như đường sá giao thông, các phương tiện thông tin, liên lạc, các chợ, các thị tứ, thị trấn và các trung tâm thương mại...

- Chính phủ các nước : Có chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho HTX như mở rộng công tác đối ngoại tạo môi trường chính trị thuận lợi cho các nước, phối hợp đầu tư, sản xuất, tiêu thụ hàng hoá. Đồng thời có các chính sách đầu tư sản xuất, các chính sách ưu đãi về thuế đối với HTX và trợ giá sàn đối với HTX.

e. Thực hiện chế độ tài chính công khai, tăng cường công tác kiểm toán, tạo niềm tin và đoàn kết trong xã viên tạo thành động lực và sức sống trong HTX.

1.4. Đường lối của Đảng và Nhà nước ta về hợp tác hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc xây dựng và phát triển hợp tác hoá nông nghiệp, nông thôn. Có thể chia ra các giai đoạn:

1.4.1. Giai đoạn 1955-1978, HTX theo mô hình "tập thể hoá"

- Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cải cách ruộng đất thắng lợi, Nghị quyết lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá II tháng 8 năm 1955 đã đề ra chủ trương phát triển các tổ đổi công và xây dựng thí điểm một số HTXNN. Cho đến cuối 1957 đã có 45 HTX trong nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng thí điểm các HTX Miền Bắc. Đến cuối năm 1960, đã phát triển được 251 HTX Miền Bắc cấp huyện với 4320 cửa hàng, HTX Miền Bắc cấp xã với 2.147.000 xã viên và 5994 HTX Trung Du với 2 triệu xã viên.

- Tháng 4 năm 1959, Hội nghị TW lần thứ 16 khoá II đã chính thức quyết định đường lối, phương châm, chính sách HTXNN.

- Ngày 17 tháng 12 năm 1954, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Điều lệ HTXNN bậc thấp (ruộng đất trâu bò nông cụ còn thuộc sở hữu từng hộ nông

dân xã viên nhưng do HTXNN thống nhất quản lý sản xuất, lao động tập thể và phân phối thống nhất). Từ năm 1961 - 1975, thực hiện liên tục 5 cuộc vận động cải tiến quản lý HTXNN.

- Tháng 4 năm 1969, Điều lệ HTXNN bậc cao được ban hành (thực hiện triệt để nguyên tắc phân phối của Chủ nghĩa xã hội: là phân phối theo lao động)

- Từ năm 1976 trở đi, miền Bắc tiếp tục củng cố các HTX theo hướng mở rộng quy mô toàn xã, liên xã với quá trình xây dựng cấp huyện. Nhưng hiệu quả hoạt động của các HTX ngày càng thấp.

Sau 1975, đất nước hoàn toàn giải phóng, sau Hội nghị TW lần thứ 24 khoá III, tháng 9 năm 1975, chúng ta đã ạt thành lập các HTX và tập đoàn sản xuất ở Nam Bộ nhưng kết quả hoạt động của HTX rất kém.

Cho đến 1978 sau gần 30 năm xây dựng HTXNN trong phạm vi cả nước, mặc dù đã qua bao lần cải tiến quản lý, tổ chức lại sản xuất v.v, nhưng các HTX càng ngày hoạt động càng kém hiệu quả, nông dân xã viên thờ ơ với công việc chung của HTX theo mô hình "tập thể hoá tài sản, vốn, quỹ thất thoát, đất đai bị bỏ hoang, hoá ngày càng nhiều. Trong lĩnh vực phi nông nghiệp, các HTX tín dụng, HTX mua bán, HTX tiểu thủ công nghiệp v.v... (tổ chức theo kiểu tập thể hoá tư liệu sản xuất và sản xuất kinh doanh chung như HTXNN kiểu cũ kể trên) cũng hoạt động kém hiệu quả, kinh doanh thua lỗ và phá sản khá nhiều.

1.4.2. Giai đoạn 1979-1996 (trước khi có luật HTX mới).

Trước thực trạng bế tắc của phong trào HTX theo mô hình "tập thể hoá", Hội nghị TW 6 khoá 4, tháng 9 năm 1979, chỉ thị 100 của Ban Bí Thư TW ngày 13 tháng 1 năm 1981 và đặc biệt là Nghị quyết 10 của Bộ Chính Trị về đổi mới quản lý, quản lý kinh tế nông nghiệp 5/4/1988, giải quyết một cách toàn diện và căn bản những mâu thuẫn, những vấn đề đặt ra từ thực tiễn đối với phong trào hợp tác hoá. Tính cách mạng của Nghị quyết 10 là thừa nhận sự tồn tại của kinh tế hộ nông dân và thực hiện chủ trương chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng

hoá, đa dạng hoá quan hệ sở hữu trong HTX, thực hiện phân phối theo lao động và vốn góp...HTX chuyển dần sang làm dịch vụ cho hộ xã viên...đã làm thay đổi căn bản về tổ chức quản lý HTX. Cụ thể là: HTXNN thực hiện hoá giá những tư liệu sản xuất mà HTX thấy sử dụng chung không có hiệu quả như công cụ, trâu bò, máy móc để bán lại cho xã viên, giao khoán ruộng đất cho hộ sử dụng ổn định. Những nội dung đổi mới cơ bản đó đã thực sự tác động mạnh mẽ đến nông dân xã viên, khuyến khích nông dân phát huy cao tinh thần tự chủ trong sản xuất, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển đạt thành tích to lớn hơn trong 10 năm qua; đồng thời cơ chế mới cũng tác động đến mô hình tổ chức quản lý của các HTXNN kiểu cũ: Phân đông các HTXNN rơi vào tình thế lúng túng, bất cập với cơ chế mới, đã trở thành hình thức, không được xã viên ủng hộ, thậm chí một bộ phận lớn bị tan rã, nhất là các tập đoàn sản xuất nông nghiệp (93% tan rã).

Tuy nhiên, một bộ phận HTX mạnh dạn đổi mới đã dần dần thích ứng với cơ chế mới để tiếp tục tồn tại, phát triển.

1.4.3. Giai đoạn từ khi có luật HTX(20/3/1996) đến nay

Tổng kết hơn 10 năm thực hiện đổi mới (1979-1995), Nhà nước ta đã chủ trương luật pháp hoá những kết quả đạt được đối với HTX nhằm tạo khung pháp lý cho các hình thức HTX kiểu mới hoạt động. Do vậy, Luật HTX đã được ra đời ngày 20/3/1996, Luật đã xác định rõ mô hình HTX kiểu mới và các nội dung hoạt động của nó.

Sau khi có luật HTX ban hành thì một loạt chính sách của Đảng và Nhà nước về HTX cũng được đồng thời ban hành như: Chỉ thị 68 của Ban Bí Thư TW Đảng; Nghị định 43 quy định về Điều lệ mẫu HTXNN; Nghị định 16 của Chính Phủ về chuyển đổi HTX theo luật; Nghị định 15 về các chính sách ưu tiên đối với HTX; Nghị định 02 về chức năng quản lý Nhà nước đối với HTXNN.

Đặc biệt là gần đây, ngày 18/3/2002 Ban chấp hành TW đã ban hành Nghị quyết riêng cho kinh tế tập thể : Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp

hành TW Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Thực hiện Nghị quyết TW 5, và trên cơ sở tổng kết 6 năm phát triển HTX kiểu mới theo luật HTX, cuối năm 2003, Nhà nước lại ban hành Luật HTX sửa đổi, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho các HTX hoạt động.

Có thể nói sau nửa thế kỷ phát triển HTX, qua nhiều giai đoạn thăng trầm của phong trào, nhưng cho đến nay Đảng và Nhà nước ta đã có được chiến lược phát triển HTX đúng đắn. Theo hướng đó, các HTX đang dần dần trở thành động lực quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

1.5. Đặc điểm, lợi thế và hạn chế của việc phát triển các hình thức kinh tế hợp tác vùng ĐBSH

1.5.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội

Vùng ĐBSH bao gồm các tỉnh và thành phố: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, các Tỉnh: Bắc Ninh, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình. Diện tích tự nhiên của vùng là: 1.479,5 nghìn ha (chiếm: 4,5% diện tích của cả nước). Dân số : 17,3 triệu người (chiếm 22% dân số cả nước).

ĐBSH là vùng kinh tế quan trọng, là nơi tập trung các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, các cơ quan nghiên cứu khoa học. Vùng ĐBSH nằm trong khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh phía Bắc. Điều kiện trên, cho phép phát triển một nền nông nghiệp hàng hoá đa dạng, có năng suất và chất lượng cao.

Nông nghiệp vùng ĐBSH, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng, và đối với cả nước, trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho Thủ đô Hà Nội, các Thành phố, các khu công nghiệp và là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ cho các vùng khác.

1.5.2. Các lợi thế của vùng ĐBSH

Vùng ĐBSH có các lợi thế là:

- Điều kiện đất đai, khí hậu và nguồn nước để đầu tư thâm canh các loại sản phẩm hàng hoá có giá trị:

+ Vùng có tổng tích ôn khoảng 8500⁰C, cho phép canh tác nhiều loại cây trồng trong năm. Có 4 tháng mùa đông lạnh, rất thích hợp cho việc sản xuất rau đậu vụ đông, đó là lợi thế hơn hẳn của vùng đối với các vùng khác trong cả nước.

+ Vùng ĐBSH có gần 80% đất canh tác trên loại đất phù sa màu mỡ thuộc loại tốt trong cả nước, đó là lợi thế có thể thâm canh cây trồng đạt năng suất cao.

+ Một lợi thế hơn hẳn của vùng là có tới 70% đất canh tác lúa màu được tưới bằng nước phù sa của hệ thống Sông Hồng, có chất lượng nước tốt, nhiều dinh dưỡng.

- Lợi thế về một số loại cây trồng vật nuôi có thể sản xuất hàng hoá với quy mô lớn:

+ Lúa là loại cây trồng truyền thống lâu đời và đã đạt tới trình độ thâm canh cao nhất trong cả nước, năng suất bình quân 106,8 tạ/2vụ/năm, trong đó tỉnh Thái Bình đạt trên 120 tạ/2vụ/năm. Tiềm năng sản xuất lúa còn rất lớn, có thể cung cấp sản lượng thóc hàng hoá từ 1,5 - 2,5 triệu tấn/năm.

+ Sản xuất rau đậu thực phẩm là thế mạnh của vùng, đặc biệt là sản xuất rau đậu vụ đông, với những tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, chế biến và bảo quản quy mô sản xuất rau đậu sẽ đạt tốc độ phát triển nhanh trong thời gian tới, bao gồm các loại sản phẩm cao cấp, sản phẩm sạch, an toàn đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Chăn nuôi lợn hàng hoá có lợi thế phát triển nhanh trong thời gian tới, với đa dạng chủng loại sản phẩm để xuất khẩu: Lợn choai, lợn sữa, lợn mảnh

gắn với các thị trường truyền thống như Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản.

- Lợi thế về sản xuất hàng hoá gắn với các cơ sở chế biến và gắn với thị trường:

+ Vùng ĐBSH là vùng kinh tế trọng điểm ở phía Bắc, trong thời gian tới có tốc độ phát triển nhanh về các đô thị và các khu công nghiệp dịch vụ; quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá diễn ra nhanh hơn các vùng khác trong cả nước. Đây là lợi thế để phát triển nền nông nghiệp hàng hoá, gắn sản xuất với thị trường.

+ Có thuận lợi trong việc phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Theo kế hoạch, trong các năm tới, trên địa bàn của vùng sẽ đầu tư xây dựng nhiều công trình chế biến nông, thủy sản. Trong đó, tập trung vào các cơ sở chế biến thủy sản ven biển quy mô vừa gắn với các vùng nuôi trồng ở Nam Định, Thái Bình. Các cơ sở chế biến rau quả ở Ninh Bình, Hải Dương và các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, chế biến thịt lợn xuất khẩu công suất vừa và nhỏ ở Hải phòng và một số tỉnh khác.

+ Là vùng đông dân cư và lượng khách trong và ngoài nước lớn. Tới năm 2010, dân số của vùng gần 20 triệu người, cùng với lượng du khách ở nơi khác tới, sẽ có nhu cầu rất lớn về lương thực thực phẩm. Đó là lợi thế cho sản xuất nông nghiệp phát triển.

- Lợi thế về hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Nếu so với tất cả các vùng trong cả nước, thì vùng ĐBSH có lợi thế vượt trội về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật. Đó là hệ thống các công trình thủy lợi khá hoàn chỉnh; Hệ thống giao thông, bến cảng rất tiện lợi; Hệ thống thông tin hiện đại; Hệ thống các trạm, trại kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản khá nhiều và hệ thống các Trường đại học, các Viện nghiên cứu rất tập trung.

- Lợi thế gắn liền với khả năng ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, trước tiên là công nghệ sinh học với các giống lai có ưu thế, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tin học.

Ba lợi thế này giúp các HTX trong vùng áp dụng tốt cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, mở đường cho quan hệ sản xuất mới phát triển.

- Gắn các cơ quan đầu não của TW và các Bộ nên các HTX trong vùng có điều kiện tiếp thu nhanh những đường lối, chủ trương, chính sách và biện pháp quản lý mới.

- Là nơi có phong trào HTX mạnh nhất cả nước, có kinh nghiệm nhiều năm về hợp tác và cộng đồng nông thôn

1.5.3. Những khó khăn, hạn chế

Vùng ĐBSH có những khó khăn, hạn chế sau:

+ Mật độ dân cư quá cao, bình quân có 1167 người/km², cao gấp hơn 4 lần bình quân chung cả nước; Bình quân đất nông nghiệp trên đầu người 507 m²/người, bằng 40,7% so với cả nước. Ruộng đất phân tán, manh mún, bình quân 7 - 8 mảnh/hộ, rất khó khăn cho quá trình thực hiện công nghiệp hoá.

+ Sản xuất còn nặng về tự túc, tự cấp, sản xuất hàng hoá còn chưa phát triển, thị trường không ổn định, tình trạng lao động nông thôn không có việc làm còn phổ biến và có tỷ lệ cao, đã gây sức ép rất lớn cho xã hội, thu nhập của hộ nông dân thấp.

Hai hạn chế kể trên cũng gây ảnh hưởng lớn đến nhu cầu HTX của nông dân (nông dân sản xuất chủ yếu để ăn, nhu cầu thành lập HTX chưa cháy bỏng), dễ mặc cảm với HTX cũ hoặc dễ làm ăn theo HTX kiểu cũ.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Các hình thức kinh tế hợp tác giản đơn: (tổ, nhóm hợp tác)

Đến nay, toàn vùng ĐBSH có 6962 tổ hợp tác, bình quân mỗi tỉnh có 696 tổ hợp tác. Qua điều tra 3 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Hà Tây, bình quân mỗi tỉnh có 884 tổ hợp tác. Trong đó, 145 tổ hợp tác nông nghiệp và 739 tổ hợp tác phi nông nghiệp.

Ở tỉnh Hà Tây, đi sâu 4 huyện : Chương Mỹ, Thường Tín, Phúc Thọ và Thanh Oai (Chương Mỹ có 131 tổ, Thường Tín có 516 tổ, Phúc Thọ có 270 tổ, bình quân mỗi xã có 15 tổ hợp tác. Trong đó, 4 tổ hợp tác nông nghiệp và 11 tổ hợp tác phi nông nghiệp)

Các hình thức tổ hợp tác phổ biến là:

2.1.1. Tổ hợp tác công việc: Hình thức này có thể chia làm 2 loại nhỏ

2.1.1.1. Tổ hợp tác tạm thời :

* Đặc điểm :

- Mỗi tổ bình quân 7 hộ,
- Đối công, giúp nhau một số công việc lúc thời vụ khẩn trương như giúp nhau gieo cấy, thu hoạch.

- Có tính chất tự phát

- Không có phân công phân nhiệm cụ thể

- Thường nằm ngay trong lòng các HTX, các đội sản xuất

- Không có xu hướng phát triển thành lập HTX.

2.1.1.2. Tổ hợp tác công việc có tính ổn định hơn:

* Đặc điểm:

- Thường mỗi tổ có từ 10 - 15 hộ

- Hợp tác tương đối ổn định
- Tổ hợp tác này có các loại:
 - + Tổ làm vườn, tổ cây cảnh giúp nhau về kỹ thuật sản xuất, thông tin thị trường và tiêu thụ sản phẩm
 - + Tổ tuốt lúa, vận chuyển
 - + Tổ vay vốn: Thường có quy mô rộng trong xóm, thôn do Hội phụ nữ địa phương hỗ trợ, giúp chị em vay vốn và sử dụng vốn (Vốn vay ngân hàng hoặc tín dụng).
 - + Tổ mộc, nề có từ 10 - 20 lao động
- Các tổ này chủ yếu hợp tác lao động không có tổ chức chặt chẽ, giúp nhau việc làm và có thu nhập, ít có xu hướng phát triển lập HTX.

2.1.2. Tổ hợp tác sản xuất, dịch vụ

- Quy mô các tổ hợp tác này rất khác nhau tùy thuộc ngành nghề dịch vụ, sản xuất kinh doanh: Thông thường, mỗi tổ từ 10 - 20 người, nhưng cũng có những tổ sản xuất hàng trăm người (như tổ hợp tác khâu bóng xuất khẩu: An Phượng, Đồng Lạc - Chương Mỹ - Hà Tây có tới 115 người; Tổ làm khung ảnh xã Văn Phú, Thường Tín - Hà Tây có 116 người).

- Có thể chỉ góp sức như tổ hợp tác khâu bóng xuất khẩu An Phượng - Chương Mỹ

- Nhưng nhiều tổ có góp cả sức và cả vốn (như tổ nung gạch ông Tấn xã Đồng Lạc - Chương Mỹ - Hà Tây có 5 người tham gia, góp vốn từ 70 - 90 triệu đồng / người; Tổ thả cá - cấy lúa cũng của xã này có 4 người góp vốn, bình quân 50 triệu đồng /người).

- Về xu hướng phát triển: Bên cạnh số đông các tổ hợp tác loại này vẫn ổn định (ít thay đổi hoặc chưa phát triển : Do thời gian lập tổ hợp tác và thời gian khảo sát còn ngắn), nhưng nhìn chung, qua điều tra, phỏng vấn, cũng có nhiều tổ hợp tác nhận thấy : Nếu cứ duy trì tổ hợp tác thì sức cạnh tranh thấp, (Quy mô quá bé, vốn liếng và thiết bị sản xuất nghèo nàn, hoạt động sản xuất, dịch vụ

hạn hẹp, khó tìm kiếm thị trường) không có tư cách pháp nhân làm cho quan hệ giao dịch kinh doanh khó. Cho nên, nhiều tổ hợp tác đã phát triển thành các HTX chuyên ngành hoặc các công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần (điển hình như một tổ hợp tác của huyện Chương Mỹ đã phát triển thành công ty trách nhiệm hữu hạn; 2 tổ hợp tác của huyện Ba Vì đã phát triển thành HTX; ở Bắc Ninh trong thời gian gần đây đã có 9 tổ hợp tác lập 9 HTX chuyên ngành. Ở Hải Dương năm 2003 có 15/400 tổ hợp tác phát triển thành HTX).

2.2. Các hình thức hợp tác xã

Sau 7 năm có luật HTX mới, cho đến nay vùng ĐBSH có 567 HTX (xem biểu 2), trong đó có nhiều hình thức HTX khác nhau:

Biểu 2: Số lượng các HTX phi nông nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng 2003

Tỉnh TP	Tất cả các HTX trong vùng		Nông nghiệp		Phi nông nghiệp													
	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số HTX phi nông nghiệp chia ra													
							CN/TTCN		TMDV		GTVT		XD		TD		Thủy sản	
					Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới	Tổng số	Thành lập mới
Hà Nội	776	47	355	35	421	12	215	2	103	3	63	1	14		12		6	
Hải Phòng	591	265	192	13	399	252	164	98	23	13	90	63	70	42	26	20	17	7
Bắc Ninh	860	27	540	10	327	17	289	10	4		12		2		18	5		
Hà Tây	710	115	521	1	189	114	65	23	5	5	33	20	12	12	73	53	1	1
Hải Dương	865	483	384	181	481	302	330	232	27	27	35	30	10		66		1	1
Hung Yên	288	59	174	11	114	48	45	22	0	0	16	11	6	6	47	9		
Thái Bình	465	7	319	2	146	5	34	3	1	1	19				76		15	
Nam Định	458	56	313	0	145	56	42	26	2		40	21	1	1	27	1	14	7
Ninh Bình	358	76	257	4	101	72	27	6	1		4		1		22	22	2	
Hà Nam	192	6	161	3	31	3	10	1	5	1	4	1	4		8			
Cộng	5.670	1.141	3.216	260	2.354	881	1.209	418	171	50	316	147	120	61	375	110	56	16

Nguồn 2: Liên minh HTX Việt Nam

2.2.1. Các hình thức chuyển đổi HTX.

2.2.1.1.-Hình thức HTX chuyển đổi (chuyển đổi HTX cũ thành HTX mới):

Đây là hình thức HTX chuyển đổi phổ biến trong vùng, chiếm 79% số HTX. Ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, tuyệt đại bộ phận các HTX cũ còn lại đã chuyển đổi theo hình thức này.

Các HTX theo hình thức chuyển đổi đã thực hiện các bước chuyển đổi chủ yếu nhằm điều chỉnh những gì HTX cũ chưa phù hợp với luật HTX.(như kiểm kê tài sản, xác định vốn góp, xây dựng điều lệ HTX, xác định phương án dịch vụ sản xuất kinh doanh, tổ chức lại bộ máy quản lý và đăng ký kinh doanh v.v...) từ đó hoạt động của phần lớn các HTX đã có kết quả nhất định, đã giúp đỡ, hỗ trợ kinh tế hộ phát triển góp phần ổn định tình hình kinh tế- xã hội nông thôn. Tuy nhiên, phần đông các HTX, đặc biệt là nhiều HTX trung bình và tuyệt đại bộ phận các HTX yếu kém, việc chuyển đổi HTX có tính chất hình thức, hoạt động của HTX chưa có gì mới, “ Bình mới rượu cũ”.

Tính chuyển đổi hình thức thể hiện ở chỗ:

- Nhiều HTX vẫn bế tắc về phương hướng hoạt động; hoạt động dịch vụ của HTX hạn hẹp không mở rộng ra được, rất ít HTX làm được dịch vụ đầu ra cho nông dân, sức cạnh tranh của dịch vụ HTX thấp (chất lượng dịch vụ chưa cao, giá dịch vụ chưa hạ hơn các thành phần kinh tế khác) do thiếu vốn và thiếu kinh nghiệm quản lý; xã viên, nông dân tự dịch vụ cho mình hoặc mua, thuê ngoài.

- Dịch vụ vẫn còn mang tính bao cấp, không có lãi hoặc lãi không đáng kể. Nhiều nơi vẫn còn thu dịch vụ, thu quỹ HTX trên đầu sào.

- Quan hệ giữa chính quyền cơ sở (cấp xã thôn với HTX không rõ ràng, chính quyền cơ sở còn can thiệp sâu vào nội bộ quản lý HTX (so với loại HTX thành lập mới, do hình thức HTX chuyển đổi không đổi khác nhiều so với HTX cũ nên tư duy lãnh đạo của chính quyền cơ sở với các HTX mới ít thay đổi).

- Việc chuyển đổi HTX nhiều nơi chưa đưa lại hiệu quả và lợi ích gì rõ rệt nên xã viên, cán bộ còn hoài nghi chưa tin vào công cuộc chuyển đổi HTX.

- Ở các HTX từ trung bình yếu trở xuống đến các HTX yếu kém, chuyển đổi sang HTX mới thì tính hình thức càng rõ nét (vốn quỹ không còn, nợ nần chồng chất, không thu được và mất khả năng thanh toán với ngân hàng, còn cổ phần mới thì xã viên không góp...) nên nhiều HTX không còn vốn, không còn biết lấy vốn đâu để hoạt động. Nhiều HTX gọi là chuyển đổi cho có tên HTX, thực chất không hoạt động được.

Nguyên nhân chuyển đổi có tính hình thức này có nhiều nhưng chủ yếu từ nhận thức về HTX kiểu mới và sự chuyển đổi HTX cũ sang HTX kiểu mới chưa chuẩn, chưa đầy đủ, do đó dẫn đến cách làm chưa tốt. Thực ra, chuyển đổi HTX chủ yếu là chuyển đổi về mặt quan hệ sản xuất nhưng quan hệ sản xuất nhìn chung ở các HTX theo hình thức chuyển đổi vẫn như cũ:

+ Về quan hệ sở hữu: Vẫn là sở hữu chung của tập thể, chưa thực hiện được cổ phần hoá hoặc cổ phần hoá rất hình thức, vẫn vốn quỹ chung chuyển sang; xã viên không góp cổ phần mới.

+ Quan hệ quản lý vẫn như cũ, cán bộ quản lý HTX chưa được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý cho nên chưa tạo được cách quản lý, cách làm mới; chưa biết cách tiếp cận với cơ chế thị trường.

+ Quan hệ trong phân phối vẫn không có gì mới: Phân phối trong HTX vẫn rất đơn giản, hành chính, bao cấp. Phần lớn HTX theo hình thức này không thực hiện phân phối theo cổ phần và chưa thực hiện phân phối theo mức độ sử dụng dịch vụ để lôi kéo xã viên sử dụng nhiều dịch vụ HTX. Từ đó chưa tạo ra động lực kích thích mọi người tích cực tham gia vào mọi hoạt động của HTX.

2.2.1.2. Thành lập HTX mới:

Hình thức này lúc đầu được tổ chức phổ biến ở Hải Dương, Hưng Yên sau đó nhiều tỉnh tham quan học tập về triển khai ở địa phương.

Qua điều tra đến nay, số HTX thành lập mới trong vùng là 1141 HTX = 20,12%. Trong lĩnh vực nông nghiệp các HTX lập mới là 260 HTX = 8%. Các HTX lập mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp nhiều hơn, có 881 HTX = 37,4%. Trong nông nghiệp các tỉnh có tỷ lệ HTX thành lập mới nhiều là Hải Dương 181HTX = 47,13% số HTX của tỉnh, Hà Nội 35 HTX = 9,9% HTX của tỉnh(2) .

Hình thức HTX thành lập mới có 2 dạng:

- *Thành lập HTX mới trên cơ sở đình chỉ, xoá bỏ HTX cũ.*

Cách làm như sau:

- HTX cũ đình chỉ hoạt động, kiểm kê đánh giá tài sản vốn quỹ, công nợ, chuyển các công trình tài sản dùng chung cho cộng đồng và công nợ HTX cũ cho xã quản lý và thu hồi.

- Thành lập HTX mới (thường gọi là HTX dịch vụ), ai góp cổ phần sẽ là xã viên.

HTX loại này có các đặc điểm:

+ Thường chỉ gồm một số ít xã viên. Cổ phần được các HTX này quy định cao, từ vài trăm nghìn đến vài triệu đồng /1 xã viên (Các HTX Tỉnh Hưng Yên, Hải Dương bình quân 300.000đ; HTX Ninh Hiệp Gia Lâm Hà Nội 500.000đ, HTX Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội: 3.000.000đ) cho nên thường là những nông dân khá giả, những người có kinh nghiệm, tay nghề về dịch vụ, là các cán bộ HTX mới có điều kiện tham gia HTX . Các cán bộ HTX phải góp nhiều cổ phần hơn, thường từ 7 -10 cổ phần (gọi là cổ phần trách nhiệm).

+ Hoạt động của HTX thường chỉ làm 1 khâu dịch vụ như HTX dịch vụ thủy nông, HTX dịch vụ điện v.v...

+ Ban quản trị HTX trực tiếp điều hành các hoạt động, không qua các đội, tổ trung gian.

- *Thành lập HTX mới độc lập với HTX cũ:*

Loại hình này cũng có hai nguồn hình thành: Một là các HTX mới thành lập từ phát triển các tổ hợp tác thành HTX, hai là HTX lập mới hoàn toàn.

Hình thức HTX mới hoàn toàn được tổ chức rải rác ở các địa phương, thường là những HTX chuyên môn hoá:

- Chuyên làm một dịch vụ như dịch vụ điện, vận chuyển như HTX dịch vụ thủy nông Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; HTX dịch vụ điện Cẩm Lý, tỉnh Bắc Giang.

- Không chỉ làm dịch vụ mà đi thẳng vào chức năng sản xuất giống cây, con hoặc trực tiếp sản xuất một số đặc sản trong nông nghiệp như HTX sản xuất giống vật nuôi Quán Thành, thị xã Bắc Giang, HTX thủy sản Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, HTX thủy sản Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh; 3 HTX sản xuất giống lúa huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; HTX sản xuất và chế biến rau quả Đông Xuân, huyện Sóc Sơn; hai HTX sản xuất rau sạch Vân Trì và Vân Nội, Đông Anh; HTX sản xuất tiêu thụ hoa Từ Liêm, HTX tiêu thụ sữa Phù Đổng, Hà Nội; HTX chăn nuôi lợn Sông Công, Thái Nguyên.

Các HTX mới được thành lập xuất phát từ chính nhu cầu thực tế của nông dân và thị trường nên thường rất năng động và hiệu quả.

So với hình thức HTX chuyển đổi thì hình thức HTX thành lập mới hoạt động có hiệu quả hơn rõ rệt, đã có tác dụng tích cực trong việc quản lý và dịch vụ xã viên do đã có đổi mới mạnh mẽ về quan hệ sản xuất.

* Đã thay đổi về cơ bản quan hệ sở hữu. Chủ yếu là sở hữu cá nhân xã viên về mặt vốn góp. Ai vào HTX phải làm đơn, phải góp vốn nên ý thức trách nhiệm rõ hơn; việc quy định cán bộ HTX góp nhiều cổ phần hơn là đáng đáp của công ty cổ phần. Nhưng trong thời kỳ quá độ ban đầu của chuyển đổi HTX, các HTX đang thiếu vốn và để tăng trách nhiệm cho cán bộ HTX, cũng là việc làm có tác dụng tích cực.

* Về quan hệ quản lý, thể hiện rõ hơn sắc thái của một doanh nghiệp dịch vụ sản xuất kinh doanh; bộ máy quản lý gọn nhẹ; trình độ quản lý của cán bộ, tay nghề của xã viên có khá hơn (do hoạt động chuyên sâu, chuyên ngành); ý thức trách nhiệm rõ hơn; cán bộ quản lý HTX hoạt động chủ động hơn (ít phụ

thuộc vào chính quyền xã so với hình thức HTX chuyển đổi v.v), nên hiệu quả quản lý khá hơn.

* Về quan hệ phân phối, đã phân phối theo vốn góp, tạo ra động lực khuyến khích xã viên góp thêm nhiều vốn cho hoạt động HTX. Bình quân 1 đồng vốn góp 1 năm được chia 0,1938 đồng (nghĩa là được hưởng lãi 19,38%/năm, cao gấp 4 lần tiền gửi tiết kiệm).

Tuy nhiên, hình thức HTX này có một số điểm chưa hợp lý sau:

- Phần lớn các HTX thành lập mới ít dịch vụ (xu hướng lúc đầu thường lập HTX chuyên sâu làm chuyên 1 dịch vụ)

Do tính thời vụ trong nông nghiệp, nên nếu tổ chức HTX chuyên khâu hoặc làm ít khâu dịch vụ thì hoạt động của HTX sẽ đơn điệu không đủ việc làm không đủ thu nhập để tồn tại và phát triển. (Điển hình là HTX Thủy nông Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương hiện nay). Để khắc phục tồn tại này, nhiều HTX chuyên khâu đã mở rộng ra thêm một số dịch vụ khác (như HTX Đại Đồng, Hải Dương, từ 1 HTX mới thành lập chuyên khâu thủy nông ban đầu, sau 1 thời gian hoạt động, đã mở thêm dịch vụ điện và được gọi là HTX thủy nông và điện Đại Đồng) hoặc hợp nhất với một số HTX với nhau như các HTX chuyên điện - thủy lợi và HTX dịch vụ nông nghiệp xã Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội đã hợp nhất với nhau thành HTX dịch vụ tổng hợp Dục Tú.

- Có xu hướng hạn chế không muốn mở rộng số xã viên HTX thêm nữa, sợ nếu mở rộng thêm xã viên thì HTX sẽ không bố trí đủ công việc cho họ. Điều này xuất phát từ nhận thức chưa đúng về luật HTX: Theo Luật HTX, người xã viên không nhất thiết phải là người lao động để HTX phải có trách nhiệm bố trí công việc cho họ (vì ngày ngày xã viên lao động trên đất đai, mảnh vườn đã được nhà nước giao lâu dài cho từng hộ gia đình).

Việc hạn chế xã viên vào HTX như vậy gây nhiều tác hại:

+ Làm giảm vai trò, mục đích của HTXNN ở nông thôn; HTXNN là hợp tác của những người nông dân có ruộng là chủ yếu. Họ vào HTX là để cùng

nhau tổ chức các dịch vụ mà từng hộ không làm được, nghĩa là tổ chức dịch vụ cho chính mình chứ không phải chủ yếu dịch vụ người khác. Cho nên ai muốn vào HTX nếu tự nguyện làm đơn là có thể thành xã viên.

+ Nếu hạn chế số nông dân vào HTX, sẽ biến HTXNN thành HTX của 1 số ít người (thường là những người giàu) để chủ yếu phục vụ cho số đông nông dân trong vùng (nghĩa là chủ yếu dịch vụ cho người khác); mà đã dịch vụ cho người khác thì trước sau các HTX đó không tránh được tình trạng chạy theo lợi nhuận tăng thu nhập riêng cho HTX (cho một số ít người) như nâng giá dịch vụ, giảm chất lượng dịch vụ hoặc gây ra những mâu thuẫn khác giữa số ít người làm dịch vụ và số đông nông dân trong vùng (thực tế đã diễn ra ở nhiều nơi).

- Số tài sản cố định các HTX cũ (như những công trình thủy nông, điện rất lớn (hàng tỷ đồng) nhưng nay nhiều xã viên của các HTX đó trở thành nông dân cá thể, không có quyền bàn bạc, phán quyết gì về sử dụng các công trình đó. Còn xã viên HTX mới thì số xã viên ít (chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với xã viên của HTX cũ) cổ phần góp không đáng kể so với giá trị tài sản cố định của HTX cũ do UBND xã chuyển cho, nhưng lại được quyền sử dụng, điều hành và phán quyết mọi vấn đề liên quan đến việc sử dụng kinh doanh tài sản này.

- UBND xã là cấp chính quyền cơ sở, lại trực tiếp sở hữu số tài sản của các HTX cũ, hàng năm lại trực tiếp nhận tiền khấu hao về số tài sản này từ HTX mới để sử dụng vào việc khác...là một điều vòng vo khó hiểu. Trong khi đó các công trình điện, thủy lợi HTX mới được giao sử dụng: hàng năm xuống cấp không ai đứng ra sửa chữa, xây dựng lại. (xã thì nói đã giao cho HTX; còn HTX thì lại nói là đó không phải tài sản của mình và đã nộp khấu hao hoặc tiền thuê hàng năm cho xã)

- Nhiều HTX theo hình thức dịch vụ ở các tỉnh và đặc biệt là ở Hải Phòng khó thu hồi phí dịch vụ đối với nông dân ngoài HTX (do quan hệ dịch vụ giữa HTX và nông dân hoàn toàn là quan hệ mua bán trên thị trường nông thôn, HTX không phải là tổ chức của họ, họ không được bàn bạc gì liên quan đến hoạt động

dịch vụ và giá cả dịch vụ). Đặc biệt là phí dịch vụ thủy lợi càng khó thu hồi. Bình quân nợ phải thu mới phát sinh của các HTX mới thành lập là 41,9 triệu đồng = 33,5% số nợ phải thu của HTX.

Điều tra các HTX Tam Hưng, HTX Thiên Hương (huyện Thuỷ Nguyên Hải Phòng, một huyện điển hình có 41 HTX = 100% số HTX toàn huyện thành lập mới) thấy rõ thêm nguyên nhân khiến nông dân bên ngoài HTX không nộp phí dịch vụ thủy lợi cho HTX là do tình trạng: ruộng đất của hộ nông dân (không vào HTX mới nhưng vốn là xã viên HTX cũ) xen kẽ, liền khoảnh, gắn với công trình tưới tiêu của HTX, dù nông dân không yêu cầu HTX dịch vụ không nộp thủy lợi phí, nước vẫn ngấm vào ruộng của họ, họ vẫn có nước canh tác.

Qua khảo sát, phân tích có thể đánh giá so sánh chung về các loại mô hình HTX như-sau:

Bảng 2: Tổng hợp so sánh 2 hình thức chuyển đổi HTX

	htx chuyển đổi	HTX thành lập mới
1. Xã viên HTX - Số lượng xã viên - Tính tự nguyện và tinh thần trách nhiệm	- Đông (bình quân 1884 xã viên) - Thấp	- ít (bình quân 57 xã viên) - Cao
2. Vốn góp: - Nguồn vốn - Mức góp	- Trích từ quỹ của HTX cũ là chủ yếu - Không hoặc ít	- Do xã viên đóng góp - Cao
3. Hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh	- Tổng hợp - Mục đích dịch vụ :	- Chuyên môn hoá 1 - 2 loại dịch vụ kinh doanh

	chủ yếu cho xã viên - Còn nặng tính bao cấp và phục vụ, chưa có sắc thái kinh doanh - Không lãi, lãi ít	- Dịch vụ cho xã viên và nông dân trong vùng nhưng phục vụ nông dân trong vùng là chủ yếu - Sắc thái kinh doanh rõ hơn - Có thu nhập cao, có lãi và lãi cao
4. Phân phối lãi	- Chủ yếu để quỹ tiêu dùng chung HTX - Chưa phân phối cho cổ phần	- Đã chia lãi cho cổ phần hoặc phân phối lãi làm tăng quy mô cổ phần cho xã viên.
5. Điểm yếu cơ bản	Dễ rơi vào tình trạng chuyển đổi hình thức nhất là ở HTX trung bình, yếu kém	- Do chuyên môn hoá hẹp 1-2 dịch vụ nên ít việc làm, chưa thu hút nhiều nông dân vào HTX. - Còn nhiều khúc mắc trong quan hệ giữa HTX cũ đặc biệt là vấn đề tài sản, công nợ cũ
6. Hiệu quả	Thấp	Cao hơn

2.2.2. Các hình thức HTX theo quá trình sản xuất kinh doanh và quản lý sản phẩm trong nông nghiệp.

Từ ngày có Luật HTX (1996 đến nay), trong nông nghiệp có các hình thức HTX sau:

2.2.2.1. Hình thức HTX sản xuất phi tập trung: Đây là hình thức HTX chủ yếu của ĐBSH hiện nay. HTX làm dịch vụ đầu vào đầu ra cho kinh tế hộ, còn khâu

sản xuất do gia đình tự đảm nhiệm. Ngay trong hình thức HTX dịch vụ cũng chia nhiều loại:

* *HTX dịch vụ 1- 2 khâu công việc:*

Hình thức HTX này chỉ thực hiện được 1 - 2 khâu phục vụ cho kinh tế hộ xã viên và hộ nông dân ngoài HTX như: cung ứng vật tư, thủy nông, dịch vụ sản xuất giống cây trồng, dịch vụ điện v.v...

* *HTX dịch vụ nhiều khâu:*

- HTX dịch vụ nhiều khâu:

Hình thức HTX này, phổ biến ở Đồng bằng sông Hồng, xã viên tham gia HTX chiếm 90% xã viên HTX cũ. Hầu hết tài sản, vốn quỹ và các cơ sở vật chất kỹ thuật khác do HTX cũ chuyển sang; Vốn góp của xã viên được phân bổ từ giá trị tài sản hợp tác cũ; rất ít HTX có xã viên góp thêm vốn góp mới.

- Số lượng dịch vụ các HTX làm được có xu hướng tăng lên (Nghĩa là từ ngày có luật HTX đến nay, nhìn chung các HTX trong vùng đã mở rộng dần các hoạt động dịch vụ. Số loại dịch vụ nhiều hay ít khác nhau ở mỗi HTX, song phổ biến các HTX thực hiện được những việc như: thủy nông, bảo vệ thực vật, khuyến nông đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thú y. Một số HTX đã mở rộng các hoạt động dịch vụ như làm đất, cung ứng vật tư, dịch vụ tiêu thụ nông sản phẩm và tín dụng nội bộ cho xã viên.

Dưới đây là một số dịch vụ quan trọng còn yếu nhưng còn nhiều tiềm năng là:

• *Dịch vụ tín dụng:*

Nhìn chung rất ít HTX làm được tín dụng. Chỉ có 110 HTX bằng 3,5% số HTX, tăng 62% so với năm 2002(1).

Nguyên nhân chủ yếu là do Điều lệ mẫu HTX trong những năm đầu chuyển đổi chưa cho phép HTX hoạt động tín dụng. Chỉ có một số HTX khá của phong trào HTX cũ còn lại, có lượng vốn lưu động lớn mới tham gia một phần

hoạt động này chủ yếu là cho xã viên, rất ít HTX nhận tiền gửi tiết kiệm của xã viên.

Đại bộ phận cán bộ, xã viên các HTX điều tra đều nhất trí rằng dịch vụ tín dụng là 1 dịch vụ:

- Nhiều xã viên cần (qua điều tra phỏng vấn, có 45% các hộ xã viên yêu cầu vay vốn HTX)

- Về chữ tín giữa HTX và xã viên: HTX hiểu rõ từng hộ xã viên của mình hơn nên có thể giảm bớt các thủ tục phiền hà khi cho vay và thanh toán.

- Hiệu quả cao:

+ Rất có lợi cho sản xuất các hộ và là dịch vụ kết quả kinh doanh của HTX khá cao. Qua các tỉnh đã điều tra, tuyệt đại bộ phận các HTX kinh doanh tín dụng (98,7%) đều có lãi. HTX Bình Định (Thái Bình) doanh số cho vay là 2,98 tỷ, số lãi thu được là 29 triệu đồng/năm.

+ Các HTX có thể sử dụng vốn nhàn rỗi trong nông thôn thông qua sử dụng tiền gửi của xã viên vào việc mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh, giảm bớt tiền vay ngân hàng và giảm gánh nặng lãi tiền vay cho dịch vụ kinh doanh của HTX. Đây là lợi thế rất lớn cho các HTXNN, nếu được làm dịch vụ này.

- Dịch vụ tiêu thụ sản phẩm

Đây là khâu yếu và bế tắc nhất đối với các HTX hiện nay:

Chỉ có 320 HTX bằng 10,15% số HTX điều tra làm được dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. Tăng 53% so với năm 2002. Dịch vụ này thường rơi vào các HTX khá (36%). Tuy nhiên, bên cạnh sự non nớt, yếu kém kể trên, trong cả vùng cũng đã có nhiều HTX năng động, từng bước vươn lên làm tốt dịch vụ này. Có các HTX nổi lên như:

* HTX Đông Xuân, HTX Đông Dư, HTX Văn Trì, Văn Nội (Hà Nội); là những điển hình HTX giỏi, năng động nắm bắt thị trường, tìm các đối tác, các công ty nhà máy chế biến xuất khẩu rau quả, nhận hợp đồng về hướng dẫn xã viên sản xuất, chế biến và thu gom sản phẩm bán cho nhà máy và các thị trường

lân cận (sân bay, các khách sạn có các cửa hàng ở các chợ trung tâm Hà Nội v.v...) đã giúp mở rộng và ổn định sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho xã viên, được xã viên rất tín nhiệm.

* HTX Bình Định (Thái Bình) một HTX cũng vào loại hiếm của Đồng bằng bắc Bộ tổ chức được dịch vụ tiêu thụ một số sản phẩm cho nông dân. Hàng năm tiêu thụ cho xã viên 45 - 50 tấn thóc và hàng trăm tấn chuối cho thị trường Trung Quốc. Tuy số sản phẩm tiêu thụ chưa được nhiều, nhưng đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất của xã viên rất lớn.

* HTX Ngang Nội, Bắc Ninh có 304 xã viên. Ngoài làm các dịch vụ đầu vào, HTX đã làm rất tốt khâu tiêu thụ sản phẩm.

Để giải quyết vấn đề đầu ra (tiêu thụ sản phẩm), HTX đã tăng cường mở rộng các mối quan hệ ngoại giao, tìm kiếm bạn hàng dựa trên cơ sở thông tin, thị trường và yếu tố cạnh tranh hàng hoá. HTX đã biết xây dựng kế hoạch hợp lý, tổ chức khoanh vùng sản xuất giống lúa siêu nguyên chủng, vùng sản xuất đưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu, sử dụng nhà kho mặt bằng để phục vụ sản xuất và chế biến dưa, ớt tại chỗ với những nỗ lực và cố gắng của các cán bộ và xã viên HTX . Năm 2001 HTX đã ký và thực hiện được 9 hợp đồng. Trong đó, 3 hợp đồng chế biến và tiêu thụ dưa được 227.250 kg, doanh thu 231.355.000đ, lãi cho xã viên so với sản xuất lúa thường là 142.000 đ, lãi cho HTX là 6.865.000 đ và lãi tạo công ăn việc làm cho 40 nhân công với mức lương chế biến là 300 - 600.000đ/người/tháng, 3 hợp đồng lúa giống đã tiêu thụ được 29.780 kg, doanh thu 72.280.000đ, lãi cho xã viên so với sản xuất lúa thường là 24.000.000đ, lãi cho HTX là 1.500.000đ, ngoài ra phục vụ đủ giống cho sản xuất tại HTX, 2 hợp đồng lạc giống và ớt xuất khẩu đã tiêu thụ được 925 kg, doanh thu 37.280.000đ, lãi cho xã viên so với cấy lúa thường là 20.350.000 đ, lãi cho HTX 820.000đ, ngoài ra phục vụ đủ giống lạc trong HTX; tiếp thu 8 con bò sữa nuôi thí điểm trong 3 hộ xã viên, hiện tại có 2 con sinh sản và cho thu hoạch sữa đã bán và tiêu thụ được 4000 kg, thu được 12.000.000 đ, bước đầu hạch toán có lãi cao

hơn so với các ngành chăn nuôi khác và sẽ triển khai rộng trong những năm tiếp theo tồn tại sau hơn 1 năm thực hiện sản xuất trước những khó khăn diễn biến phức tạp của cơ chế giá cả và thị trường song HTX đã sản xuất và bán ra được 270.300 kg, doanh thu 352.885.000đ.

Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã đóng góp vai trò quan trọng để thu nhập cho các hộ xã viên trong HTX và nâng cao đời sống trong nhân dân góp phần vào sự nghiệp phát triển HTX về mọi mặt, tạo nên sức mạnh để hoàn thành mục tiêu mà Đại hội đề ra.

* HTX Tân Lý, Hà Nam

Đây là HTX quy mô thôn có 957 xã viên, bằng 100% số hộ nông dân trong thôn.

Ngoài 7 dịch vụ đầu vào (như nước, bảo vệ đồng ruộng, bảo vệ thực vật, thú y, làm đất, khuyến nông, điện, vật tư) HTX còn rất năng động, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Để thực hiện tốt dịch vụ này, HTX đã thực hiện một số công việc cụ thể sau:

- Ban quản trị HTX chủ động ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty hàng vụ, hàng năm cụ thể về số lượng, chất lượng, giá cả (trên cơ sở nhu cầu của khách hàng và khả năng sản xuất của HTX)

- HTX tổ chức cho xã viên sản xuất theo quy hoạch vùng, kế hoạch, về diện tích và sản lượng hợp đồng đã ký. HTX cung ứng giống và vật tư thiết yếu (ứng trước vật tư, thanh toán đối trừ sản phẩm). Chỉ đạo kỹ thuật gieo trồng chăm sóc và thu hoạch.

- HTX tổ chức thu gom hàng hoá theo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã ký (có sự phối hợp của bên mua về giám sát chất lượng hàng). Giao hàng tại kho HTX, hàng rau quả tươi phải tổ chức thu hoạch, thu mua, vận chuyển về chế biến trong ngày. Tổ chức thực hiện phải nhịp nhàng, nghiêm túc, có sự phối hợp của các bên để xử lý vướng mắc trong mua bán, hạn chế thiệt hại cho các bên.

- Có sự hợp tác liên kết với các đơn vị bạn để bảo vệ quyền lợi người sản xuất chống ép giá, chống việc cạnh tranh không lành mạnh trong khu vực.

- Thường xuyên tìm đối tác mới, sản phẩm mới để đưa vào sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Thông qua dịch vụ khuyến nông, chuyển giao khoa học - kỹ thuật để sản xuất cây trồng mới và nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm. Đứng vững được trong cơ chế thị trường (giá mua hàng giảm liên tục, nếu không tăng giá suất, hạ giá thành sản phẩm thì sản xuất không có hiệu quả).

Biểu 3: Kết quả hoạt động dịch vụ tiêu thụ sản phẩm

Sản phẩm tiêu thụ	Số lượng (tấn)	Giá trị thu (đ)	Chi phí (đ)	Lãi (đ)
1. Cây công nghiệp (đay, tơ)	20	99.396.000	98.000.000	1.396.000
2. Cây ngô rau	52	90.677.500	88.585.400	1.992.100
3. Cây ngô siêu ngọt	10	25.500.000	24.800.000	700.000
4. Cây dưa 6 - 9 cm	57	510300.000	48.800.000	2.500.000
5 Cây dưa bao tử	140	378.000.000	367.975.500	10.024.500
		644.873.500	628.260.900	16.612.600

Nguồn 3: Báo cáo của HTX Tân lý, Hà Nam, 2002

Qua nghiên cứu, phân tích việc HTX tiêu thụ sản phẩm cho xã viên của các HTX trong vùng, nổi lên những vấn đề sau:

.- Số HTX làm được dịch vụ này rất ít,

- Ngay cả những HTX làm được dịch vụ tiêu thụ sản phẩm thì tỷ lệ tiêu thụ qua HTX cũng còn rất ít cả về tỷ suất hàng hoá lẫn chủng loại sản phẩm.

Nguyên nhân chủ yếu là:

- Kinh tế các hộ nông dân còn nhỏ bé, còn nặng về tự cấp tự túc, sản phẩm hàng hoá chưa nhiều, vụn vặt, không tập trung nên khó tổ chức được nhà máy chế biến, khó tiêu thụ.

- Thu hoạch sản phẩm còn mang nặng tính thời vụ, thời gian thu hoạch rất ngắn. Giá sản phẩm lúc thời vụ thu hoạch rất thấp.

- Không chế biến được sản phẩm, các sản phẩm hàng hoá còn ở dạng thô, tươi sống, không thu mua dự trữ được do đó vừa không kéo dài được thời gian tiêu thụ để tăng khối lượng và giá cả tiêu thụ vừa không tăng được chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá mặt hàng.

- Cạnh tranh thị trường khốc liệt trong khi đó:

+ Trình độ quản lý kinh doanh của cán bộ HTX thấp, chưa được đào tạo bồi dưỡng về kinh doanh dịch vụ này.

+ Thiếu vốn, thiếu trang thiết bị cần thiết.

- Thị trường tiêu thụ hẹp, thông tin thị trường yếu

- Nhà nước chưa có chính sách phù hợp cho việc này.

2.2.2.2. Hình thức HTX sản xuất tập trung;

Hình thức này phù hợp hơn ở các HTX công nghiệp với trang thiết bị, nhà xưởng sản xuất tập trung. Còn trong nông nghiệp chỉ thích hợp trong điều kiện sản xuất công nghệ cao, đòi hỏi sản xuất theo dây chuyền khép kín...do đó, với trình độ của các HTXNN hiện tại thì ít áp dụng. Tuy nhiên, cũng đã có một số HTX tổ chức có hiệu quả mô hình này như HTX Sông Công, Thành Phố Thái Nguyên, HTX thủy sản Đình Bảng, Bắc Ninh.

HTX Sông Công có 15 xã viên chủ yếu là các kỹ sư nông nghiệp không xin được việc ở các cơ quan Nhà nước và các công ty khác, đã hợp tác xây dựng thành HTX, thuê đất 50 năm để làm chuồng trại, văn phòng và cửa hàng bán vật tư và sản phẩm chăn nuôi; mua ô tô vận chuyển vật tư sản, phẩm.

HTX đã xây dựng được trang trại chăn nuôi lợn nái, chăn nuôi lợn thịt hướng nạc tập trung, cung cấp cho nông dân trong vùng và hợp đồng thu mua lại

lợn thịt hướng nạc cung cấp cho các lò mổ ở Hà Nội, Hải Phòng... Tổng số vốn 4 tỷ đồng, trong đó cổ phần xã viên 1,3 tỷ.

Doanh thu hàng năm 5 - 6 tỷ, lương bình quân trên 1 triệu đồng, lương quản lý của chủ nhiệm 2,5 triệu đồng/tháng. Lãi hàng năm ngoài để các quỹ, chia cho cổ phần cao hơn lãi xuất cho vay của ngân hàng (1,2%/ tháng)

2.2.2.3. Hình thức HTX kết hợp sản xuất phi tập trung và tập trung:

Theo hình thức này, HTX vừa làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho kinh tế hộ, vừa tổ chức sản xuất, kinh doanh tập trung một số ngành nghề sản xuất. Hay nói gọn hơn là HTX thực hiện dịch vụ, sản xuất kinh doanh tổng hợp.

Trong thời gian qua, số HTX trong vùng thực hiện sản xuất kinh doanh tổng hợp còn ít: 77 HTX, bằng 2,44% số HTX trong vùng, tăng 60,4% so với năm 2002. Tuy nhiên, cũng có nhiều mô hình nổi lên:

- a.- HTX Dương Liễu, Hà Tây, ngoài các dịch đầu vào, HTX đã vươn lên:
- Làm dịch vụ đầu ra cho các hộ : Chế biến tinh bột dong, mạch nha, hàng năm tiêu thụ được hàng ngàn tấn.
 - Tổ chức sản xuất và tiêu thụ hàng may mặc
 - Tổ chức sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống.
 - Kinh doanh xăng dầu
 - Kinh doanh thiết bị máy móc và chuyển giao công nghệ chế biến nông sản.

Doanh thu hàng năm đạt trên 6,3 tỷ đồng, lãi trên 200 triệu đồng.

b.- HTX Thống Nhất, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.

Là một HTX quy mô thôn ở ngoại thành Hà nội, ngoài các dịch vụ nông nghiệp, HTX đã mở thêm một số ngành nghề kinh doanh khác như : Kinh doanh nhà ở ký túc xá cho sinh viên, đầu tư xây dựng và quản lý chợ nông thôn, kinh doanh bãi đỗ xe Bắc-Nam, giúp HTX hàng năm đạt doanh thu 3 tỷ đồng. (xem phụ lục 9).

c.- HTX Yên Bắc, huyện Duy Tiên, Hà Nam đã tổ chức sản xuất giống tập trung; tổ chức chế biến và bao tiêu sản phẩm cho xã viên và tổ chức kinh doanh cây xăng. Doanh thu hàng năm đạt trên 4 tỷ đồng.

d.- HTX Lai Xuân và HTX Minh Đức, huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng kết hợp dịch vụ nông nghiệp và tổ chức sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hàng năm, HTX Lai Xuân doanh thu 7,6 tỷ đồng, lãi 388 triệu đồng. HTX Minh Đức doanh thu 3,9 tỷ đồng, lãi 100 triệu đồng.

e. HTX An Thắng (Hải Hậu) đã tổ chức dịch vụ ngành nghề thăm cói cho xã viên (tổ chức cho xã viên góp vốn, làm dịch vụ đầu vào đầu ra và chia lãi theo vốn góp).

Nguyên nhân các HTX chưa tổ chức sản xuất và mở rộng kinh doanh ngành nghề là:

+ Bản thân kinh tế nông thôn Việt Nam vốn dĩ nặng nề về kinh tế thuần nông, các ngành nghề khác kém phát triển.

+ Về nhận thức: nhiều cán bộ HTX và cả cán bộ các ngành các cấp cho rằng: HTX kiểu mới chỉ làm dịch vụ (ngay cái tên “ HTX dịch vụ” của nhiều địa phương cũng xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ đó) chưa coi việc phát triển sản xuất và kinh doanh đa dạng ngành nghề là thuộc chức năng nhiệm vụ của HTX. Phần đông cho rằng việc phát triển sản xuất ngành nghề là việc của các hộ nông dân xã viên và các thành phần kinh tế khác và chưa tin HTX có thể phát triển kinh doanh ngành nghề có hiệu quả.

Không ít nơi chính quyền địa phương cản trở không cho HTX phát triển ngành nghề. Có HTX phát triển quản lý được một số ngành nghề thủ công nhưng vẫn dẫu không dám đứng tên HTX mà phải tạm đứng tên cá nhân, không dám báo cáo, sợ cấp trên, và các ngành ngăn cản (HTX Vĩnh Đoài - Vĩnh Phúc)

+ Cạnh tranh thị trường khốc liệt, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được

+ HTX thiếu vốn, không có thiết bị sản xuất hiện đại bảo đảm cho sản xuất có năng suất cao, chất lượng tốt và giá thành hạ để có thể kinh doanh có lãi.

+ Trình độ quản lý của cán bộ HTX yếu, chưa được đào tạo nâng cao tay nghề về sản xuất và các ngành nghề khác.

2.2.2.4. HTX chuyên ngành:

HTX chuyên ngành là HTX chuyên môn hoá sản xuất 1 cây trồng, vật nuôi; hoặc ngành nghề ; có thể các hộ xã viên sản xuất, HTX làm dịch vụ đầu vào, đầu ra hoặc HTX tổ chức sản xuất tập trung.

Một mối liên hệ phổ biến giữa các HTX chuyên ngành và các HTX thành lập mới là phần lớn các HTX thành lập mới là các HTX chuyên ngành.

Hình thức HTX chuyên ngành thường xuất hiện ở các ven thành phố, thị xã, các vùng chuyên canh. Tiêu biểu là các HTX bò sữa, Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội; HTX chuyên nuôi lợn Sông Công, Thái Nguyên; HTX chuyên lợn Nam Sách, Hải Dương; HTX chăn nuôi Đông Kinh và HTX giống cây trồng Vũ Chính, Thái Bình.

***. HTX bò sữa Phù Đổng, Gia Lâm**

Xã Phù Đổng nằm ở tả ngạn sông Đuống thuộc ngoại thành Hà Nội. Ngoài diện tích 400 ha trồng lúa còn 247 ha đất bãi ven sông. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhu cầu thị trường về sản phẩm sữa, nông dân đã phát triển chăn nuôi bò sữa. Tới nay, toàn xã có trên 400 hộ nuôi bò sữa, tổng đàn 1000 con. Do yêu cầu và tự nguyện của nông dân, HTX chuyên ngành bò sữa được thành lập năm 1998, đến nay, đã có 60 hộ xã viên, thu hút 15% hộ nuôi bò sữa.

Hoạt động của HTX gồm:

- Tư vấn cho các hộ xã viên về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và khai thác, bảo quản sữa bò tươi.

- Dịch vụ thú y và cung ứng thức ăn hỗn hợp cho bò sữa

- Dịch vụ chọn, phối giống

- Thu gom, bảo quản và tiêu thụ sữa bò tươi

Hàng năm, HTX đã tổ chức tốt các dịch vụ không chỉ cho xã viên HTX mà cả hộ nông dân khác, tổ chức thu mua hết và tiêu thụ sản phẩm sữa tươi cho xã viên, đảm bảo đàn bò sữa phát triển qua các năm, tăng thu nhập cho xã viên; HTX lãi hàng năm (2000 - 2001) đạt 54 triệu đồng. HTX đã dành 80% lãi phân phối theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của HTX, 1000 đồng vốn góp được chia 1200 đồng.

Là HTX thành lập mới, chuyên ngành bò sữa đòi hỏi kỹ thuật cũng như đầu tư lớn, song HTX còn gặp nhiều khó khăn:

- + Chưa có cơ sở vật chất, thiết bị bảo quản và chế biến.
- + Thiếu phương tiện vận chuyển, cung ứng vật tư, vận chuyển sữa tươi.
- + Thiếu cán bộ kỹ thuật thú y, chăn nuôi
- + Thiếu vốn để đầu tư cho xã viên phát triển đàn bò theo quy mô vừa và nhỏ.

* HTX sản xuất rau an toàn Lĩnh Nam, Thanh Trì, Hà Nội có tổng số vốn là 5 tỷ đồng: Vốn cố định 4,8 tỷ đồng, vốn lưu động 0,7 tỷ. Hàng năm tiêu thụ cho xã viên trên 1000 tấn rau sạch. Doanh thu 4,7 tỷ, lãi 500 triệu đồng.

* Các HTX chuyên ngành chăn nuôi tập trung Sông Công, Thái Nguyên (đã trình bày trên).

2.2.2.6. Các HTX phi nông nghiệp điển hình

* HTX cơ khí Đoàn Kết, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

HTX cơ khí Đoàn Kết được tổ chức sản xuất tập trung theo hình thức xí nghiệp tập thể. Mặt hàng sản xuất là phụ tùng xe đạp, xe máy. Trong đó, hai mặt hàng truyền thống là côn phuốc và may ơ xe đạp đã có bề dày 40 năm sản xuất và chiếm 70% thị phần trong cả nước.

HTX tổ chức thành 5 phân xưởng và 16 tổ sản xuất, với tổng số hơn 200 lao động. Trong các phân xưởng, tổ chức sản xuất theo dây chuyền công nghệ như xí nghiệp công nghiệp.

Mặc dù thị trường phụ tùng xe đạp trong những năm qua có quá nhiều biến động, nhưng HTX vẫn kiên trì tìm mọi cách giữ vững sản xuất. HTX hết sức coi trọng đầu tư thiết bị, công nghệ tiên tiến, trang bị mới 20 máy đột dập thay thế máy cũ, gia công chế tạo khuôn dập tạo hình bằng công nghệ hiện đại có độ chính xác cao. Đồng thời HTX còn mở rộng khả năng sản xuất sang các sản phẩm tương tự và liên quan như các phụ tùng xe máy và xe đạp hiện đại. Nhờ vậy, sản phẩm của HTX luôn được nâng cao chất lượng, giữ vững được tín nhiệm với thị trường. HTX luôn ổn định sản xuất, tăng vốn lên gần 4,5 tỷ đồng; hàng năm tích lũy tập thể hơn 200 triệu, giữ được mức thu nhập bình quân cho xã viên gần 600.000 đ/tháng. HTX đã thường xuyên quan tâm giải quyết việc làm và đời sống cho xã viên, đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả xã viên. HTX chủ động hoàn toàn về vốn sản xuất, nhiều năm không phải vay ngân hàng.

HTX được Nhà nước tặng khen thưởng 4 huân chương Lao động từ hạng nhất đến hạng ba, được tặng thưởng nhiều bằng khen của các ngành và UBND tỉnh.

*. HTX dệt xuất khẩu Phú Cát, thành phố Việt Trì - Phú Thọ

HTX dệt xuất khẩu Phú Cát là một điển hình cho sự năng động trong nghề nghiệp. Lúc mới thành lập (1938) HTX chuyên dệt màn, rồi đến dệt thảm dày, thảm len xuất khẩu. Ngay từ đầu, HTX luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, mặt hàng nào cũng được đánh giá cao về chất lượng. Sau khi thị trường Đông Âu gặp khó khăn, HTX vẫn quyết tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm từ nghề dệt. Cuối những năm 90, được Bộ khoa học - Công nghệ - Môi trường giúp đỡ HTX thử nghiệm mặt hàng màn gỗ và đã mở ra được thị trường mới với doanh số tăng vọt. Ngay sau đó, HTX tập trung tiếp tục phát triển theo hướng mới thành công. HTX mạnh dạn sử dụng các loại tre, lá, cỏ, cói... để kết hợp dệt thành các loại màn trang trí. Đến nay HTX đã tự sáng tác hơn 200 mẫu hàng và đã xuất khẩu sang 13 nước khắp 5 châu lục. Nhờ vậy, sản lượng dệt của HTX đã tăng từ

20.000 m² lên 300.000 m² mỗi năm, doanh số từ 4.600 triệu lên 15 tỷ đồng năm 2002. Vốn HTX từ 15.000 đ (năm 1983) lên 10 tỷ đồng (năm 2003).

Những năm mới phát triển, HTX phải mượn máy của khách hàng Đài Loan, nay đã hoàn trả hết và còn mua thêm 1 dây chuyền máy mới từ chế biến cho đến dệt trị giá 3,5 tỷ đồng, 7.000 m² nhà xưởng cũ được nâng cấp, đồng thời xây dựng thêm nhà xưởng mới.

HTX Phú Cát có 300 lao động sản xuất tập trung và hơn 800 lao động sản xuất phân tán. Ngoài mặt hàng dệt màn, HTX còn khai thác các loại nguyên liệu sẵn có của địa phương như lá mai, lá diến, gỗ vuren, vỏ cây, cỏ... để xuất khẩu; nhờ vậy tạo nhiều việc làm cho đồng bào các dân tộc vùng cao.

Thành công của HTX Phú Cát trước hết là do luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, giữ uy tín cho cơ sở; đổi mới mẫu hàng và biết chăm lo đào tạo kỹ thuật, tay nghề cho xã viên, tạo nên sự đoàn kết nhất trí trong HTX để cùng nhau vượt qua khó khăn, kiên trì giữ vững và phát triển nghề sở trường của HTX.

* HTX mây tre đan Tăng Tiến, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

HTX mây tre đan Tăng Tiến có nghề đan tre truyền thống. Sản phẩm làm ra chủ yếu là hàng tiêu dùng hàng ngày và bán tại thị trường địa phương. Dân trong xã nhiều lần tiếp cận với thị trường xuất khẩu, nhưng không được. Tháng 10/1999 HTX được thành lập với mục đích vừa tổ chức sản xuất vừa kinh doanh hàng mây tre đan xuất khẩu. Tuy chỉ có 9 xã viên, nhưng HTX đã tích cực chia nhau đi khắp nơi để vừa học tập kinh nghiệm, tìm kiếm thị trường, vừa tổ chức lại sản xuất trong làng nghề. Bước đầu HTX gửi hàng cho các cơ sở xuất khẩu tỉnh bạn để tiếp cận dân với cách làm hàng xuất khẩu. HTX tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm để vừa giới thiệu vừa lắng nghe ý kiến khách hàng. Các xã viên thành lập các tổ sản xuất trong xã theo cụm dân cư, hướng dẫn kỹ thuật mới và mẫu hàng mới rồi tổ chức thu gom lại. HTX mạnh dạn đầu tư máy, thiết bị và các biện pháp kỹ thuật mới để cải tiến kỹ thuật sản xuất từ xử lý nguyên

liệu, chẻ nan, đan, hun sậy, đánh bóng sản phẩm, đến cách đóng gói và bảo quản sản phẩm. Nhờ vậy, chất lượng hàng được đồng đều, nâng cao năng suất lao động và giảm tỷ lệ hàng phế phẩm. Cuối cùng HTX đã bắt đầu trực tiếp ký kết được các hợp đồng xuất khẩu; tuy chỉ có 9 xã viên, nhưng HTX đã huy động được 6.500 lao động địa phương tham gia sản xuất. Doanh thu tăng nhanh từ 550 triệu đồng (năm 2000) lên hơn 7 tỷ đồng (năm 2003). Vốn của HTX cũng tăng nhanh từ 200 triệu đồng lên 1.200 triệu đồng. Giá bán sản phẩm cho xuất khẩu cao hơn bán nội địa từ 10 - 12%, làm tăng thu nhập cho người lao động. Thu nhập của xã viên từ 200.000đ/tháng tăng lên 600.000 - 700.000đ/tháng; bình quân lao động thu nhập từ 300.000 - 400.000đ/tháng. Thị trường xuất khẩu ngày càng ổn định, đời sống dân làng nghề được nâng cao rõ rệt; có công ăn việc làm đầy đủ, các tệ nạn xã hội trong xã giảm hẳn. HTX còn trực tiếp đóng góp vào các quỹ phúc lợi của địa phương để xây dựng đường xá và các hoạt động văn hoá, xã hội.

* Quỹ tín dụng Dương Nội, huyện Hoài Đức Hà Tây.

Từ ngày chuyển đổi theo luật (18/1/1998), quỹ tín dụng Dương Nội đến nay có 1.449 thành viên (nhiều thành viên quỹ tín dụng đồng thời cũng là xã viên HTXNN) bằng 42% tổng số hộ trong xã Dương Nội. Bộ máy quản lý gồm: Hội đồng quản trị 5 người (Chủ tịch UBND xã kiêm chủ tịch hội đồng quản trị). Chủ tịch hội đồng quản trị cử giám đốc điều hành mọi hoạt động của quỹ; Ban kiểm soát 3 người. Chủ tịch hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát được hưởng phụ cấp hàng tháng. Các thành viên góp cổ phần từ 20.000 - 150.000 đ/ thành viên. Các cán bộ nhân viên làm việc trong quỹ phải ký hợp đồng lao động, góp cổ phần và kê khai tài sản cá nhân để thế chấp cho quỹ.

Năm 2004, tổng nguồn vốn là 25 tỷ, tăng 200% so với năm 2000. Huy động tiền gửi 33,3 tỷ tăng 200% so với năm 2000. Cho vay 34,8 tỷ, tăng 50% so với năm 2000. Thu hồi hầu hết các khoản nợ

Từ 1 HTX tín dụng chỉ đại lý cho ngân hàng để hưởng hoa hồng nuôi sống bộ máy (trước năm 1985), đến nay quỹ tín dụng Dương Nội đã trở thành một tổ chức kinh tế hoạt động thực sự hiệu quả (tăng trưởng trên tất cả các chỉ tiêu kinh tế), được đề nghị chính phủ tặng thưởng huân chương lao động hạng 3.

2.3. Các hình thức hợp tác đặc thù khác

Ngoài các hình thức hợp tác kể trên còn có các hình thức kinh tế hợp tác khác như:

2.3.1. Liên hiệp HTX

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của kinh tế hợp tác giải quyết những việc mà ngay HTX cũng không làm được, một số HTX đã cùng nhau xây dựng thành Các liên hiệp HTX trong vùng.

- Liên hiệp HTX sản xuất - chế biến - tiêu thụ chè Thái Nguyên có 7 HTX tham gia, đã giúp các HTX chế biến chè chất lượng cao và tiêu thụ xuất khẩu chè tốt hơn.

- Liên hiệp HTX chăn nuôi huyện Nam Sách, Hải Dương gồm 5 HTX chuyên lợn và 1 HTX thủy sản.

2.3.2. Hiệp hội sản xuất :

Hiệp hội sản xuất và chế biến - tiêu thụ lúa tám xoan huyện Hải Hậu, Nam Định thành lập năm 2003 cũng là loại hình kinh tế hợp tác khép kín (có 500 hộ tham gia tổ chức sản xuất và tiêu thụ 200 ha lúa tám xoan).

2.3.3. Liên doanh sản xuất HTX dệt may Hải Dương cùng HTX dệt may Tiên Sơn và tổ hợp tác Trung Tiên (xã Nam Hồng - Nam Định) đã liên doanh góp vốn gần 3 tỷ đồng để xây dựng lắp đặt dây chuyền tấy nhuộm.

2.3.4.- Quy mô HTX

Qua các tỉnh điều tra, quy mô các HTX như sau: (*Xem biểu 4*)

Biểu 4: Quy mô HTXNN ở một số huyện sau chuyển đổi

Chỉ tiêu	Từ Liêm (TV 1)		Tam Điệp (TV 2)		Thanh oai (TV3)		Kiến Xương (TV 4)		Bình Quái	
	Số lượng (HTX)	Cơ cấu (%)	Số lượng (HTX)	Cơ cấu (%)	Số lượng (HTX)	Cơ cấu (%)	Số lượng (HTX)	Cơ cấu (%)	Số HTX	Cơ cấu (%)
Tổng số HTX	27	100.00	10	100.00	25	100.00	38	100.00	100	
I. Theo phạm vi quản lý										
* Thôn	1		6		1		1		9	9
*Liên Thôn	20	74.07	2	20.00	20	80.00	2	5.26	44	44
*Toàn xã	6	22.22	2	20.00	4	16.00	35	92.11	47	47
2. Theo quy mô										
- Dưới 1000 xã viên	14	51.85	5	50.00	2	8.00	3	7.89	24	
> 1000 – 2000 xã viên	11	40.74	3	30.00	15	60.00	23	60.53	42	
Trên 2000 xã viên	1	3.70	2	20.00	8	32.00	12	31.58	23	

Nguồn 4: Dữ liệu đánh giá hiệu quả hoạt động các HTX, Đại học NNI, Hà nội năm 2004

Một điểm đáng chú ý là lúc mới chuyển đổi, một số ít địa phương có xu hướng tách HTX lớn thành các HTX nhỏ hơn theo quy mô thôn bản với ý định cho dễ quản lý. Nhưng những năm gần đây, ở nhiều nơi trong vùng lại có khuynh hướng nhập các HTX quy mô nhỏ lại thành HTX quy mô xã để tiện quản lý, sử dụng các công trình điện, thủy lợi. Qua phỏng vấn, đa số xã viên,

cán bộ đều cho rằng: Hiện nay HTX quy mô toàn xã là có lợi hơn. (Xem phụ lục 1, trang 105) cũng chính vì vậy, ngoài quy mô toàn xã, hiện nay trong vùng này còn xuất hiện một số HTX quy mô liên xã, liên huyện, liên tỉnh.

2.4. Đánh giá chung về các hình thức KTHT thời gian qua

2.4.1. Những kết quả đã đạt được .

Nhìn chung, sau 7 năm chuyển đổi, trong vùng đã phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác, lành mạnh và có hiệu quả (xem thêm phụ lục 2 trang 106 - 107), kinh tế hợp tác mà trọng tâm là HTX đã thực sự trở thành trung tâm liên kết hỗ trợ xã viên, đã làm những công việc mà từng hộ không làm được. Những hiệu quả cụ thể là:

2.4.1.1. Cơ chế tổ chức, quản lý và nội dung hoạt động của HTX được củng cố, hoàn thiện theo Luật HTX, thích ứng với cơ chế thị trường.

- Hầu hết các HTX chuyển đổi cũng như HTX thành lập mới đều đã đổi mới tổ chức theo quy định của Luật HTX và có tính kế thừa phù hợp với đặc thù của HTX, của địa phương như: Từ việc xác định xã viên (là người lao động hay đại diện hộ gia đình), quyền lợi và nghĩa vụ đối với HTX; phân bổ vốn góp xã viên từ giá trị tài sản của HTX cũ đến việc tổ chức bộ máy quản lý HTX, bộ phận cán bộ chuyên môn giúp việc Ban quản trị; thành lập các tổ, đội dịch vụ, tổ, đội xã viên sản xuất. Kết quả là xã viên HTX được xác định rõ ràng mà không phải người nào cũng là xã viên HTX như trước đây; bộ máy quản lý HTX gọn nhẹ; giảm bớt khâu trung gian trong việc tổ chức sản xuất - kinh doanh và các hoạt động dịch vụ; chi phí quản lý giảm 30 - 50% so với trước; dân chủ trong HTX được phát huy, nhất là trong việc thảo luận, quyết định kế hoạch sản xuất - kinh doanh, dịch vụ; hình thức, phương pháp thanh toán chi phí dịch vụ giữa HTX và xã viên v.v... Nhờ vậy, tình hình sản xuất, đời sống xã viên vẫn được đảm bảo và phát triển, nông thôn ổn định.

- Công tác quản lý trong HTX đã từng bước được củng cố và hoàn thiện. Đặc biệt cơ chế tài chính trong HTX, bước đầu khắc phục những yếu kém, trì trệ trước đây. Ở hầu hết các HTX đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, giảm bớt những công việc làm thay, bao biện thuộc chức năng chính quyền. HTX chuyển những tài sản dùng chung cho cả cộng đồng sang chính quyền quản lý như nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trạm xá, trạm truyền thanh v.v... Các tài sản HTX quản lý cũng được giao khoán trách nhiệm gắn với khuyến khích lợi ích vật chất; hoặc giao khoán bảo toàn và tăng trưởng vốn cho Ban quản trị HTX. Công nợ trong HTX được làm rõ như các khoản phải thu, phải trả; công tác ăn chia phân phối, sử dụng các quỹ cũng được xã viên bàn bạc minh bạch hơn. Nhờ vậy, tài sản, vốn quỹ của nhiều HTX chẳng những được bảo toàn mà còn tăng cường hàng năm.

Nội dung hoạt động của các HTX cũng được sắp xếp lại theo hướng trước hết là phục vụ phát triển kinh tế hộ, xoá bỏ những hoạt động kém hiệu quả, ít tác dụng đối với phát triển kinh tế hộ và tăng tích lũy cho tập thể.

2.4.1.2. Đa số các HTX đã hướng dẫn, tổ chức xã viên, nông dân sản xuất; đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, đã góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn.

Ở mức độ khác nhau, song có khoảng 70% số HTX đã tổ chức hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất, từ đó HTX đã thống nhất kế hoạch sản xuất với các hộ xã viên, thực hiện phân vùng, quy hoạch, tổ chức đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, rõ nét nhất là trong sản xuất lương thực, đặc biệt sản xuất lúa gạo. Nhiều HTX đã làm tốt khâu này. Cùng với công tác phân vùng, HTX đã hướng dẫn nông dân đổi đất, đổi ruộng hình thành những khu vực sản xuất tập trung như vùng sản xuất lúa, vùng rau màu, vùng lúa đặc sản v.v... Một số HTX còn hướng dẫn, tổ chức hộ xã viên đưa giống cây trồng mới vào sản xuất, nhất

là cây trồng có giá trị kinh tế cao. Ở những nơi này giá trị kinh tế trên 1 đơn vị diện tích đã tăng 1,5 - 2 lần so với trước đây trồng cây trồng khác.

2.4.1.3. Một số HTX đã tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ phát triển kinh tế hộ.

Tuỳ thuộc từng hình thức HTX khác nhau, song nhìn chung các HTX theo hình thức làm dịch vụ đã cố gắng mở rộng hoạt động dịch vụ có tính cộng đồng, từng hộ xã viên làm kém hiệu quả. Theo báo cáo của các tỉnh, số HTX làm dịch vụ thủy lợi chiếm 93% số HTX, bảo vệ thực vật chiếm 61%, khuyến nông 45%, cung ứng giống cây trồng 52%, dịch vụ điện chiếm 52% số HTX. Nhiều HTX đã vươn ra tổ chức dịch vụ cung ứng vật tư, dịch vụ làm đất, tiêu thụ sản phẩm, hoạt động tín dụng trong HTX đáp ứng tốt hơn nhu cầu hộ xã viên. Một số HTX đã chuyển sang hình thức HTX sản xuất kinh doanh tổng hợp đã tổ chức chế biến nông, lâm sản và làm ngành nghề. Số HTX thành lập mới và HTX chuyên ngành ngày một nhiều thêm và hoạt động có hiệu quả hơn. Các HTX đã rà soát lại định mức thu, chi của dịch vụ, phần lớn đã giảm giá dịch vụ so với trước đây và so với bên ngoài. Một số HTX không giảm giá dịch vụ nhưng đã nâng cao chất lượng dịch vụ cho xã viên. Ở Thái Bình, Nam Định, nhiều HTX đã giảm 20 - 30% phí dịch vụ thủy lợi; phí dịch vụ bảo vệ thực vật giảm từ 0,8kg/ sào xuống 0,5 kg/sào; hoặc chi phí dịch vụ làm đất của xã viên trong HTX chỉ bằng 70% so với giá dịch vụ bên ngoài. Ở nhiều nơi giá điện giảm từ 100 - 1100 đ/KW/h xuống còn 550 - 700 đồng. Do mở rộng các hoạt động sản xuất - kinh doanh dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động, nhiều HTX đã không chỉ bảo đảm nhu cầu sản xuất của hộ xã viên, tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển, HTX còn có tích lũy, xã viên được phân phối lãi.

2.4.1.5. Cùng với chính quyền địa phương xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đặc biệt xây dựng hệ thống điện, thủy lợi, giao thông nông thôn.

Với sự hỗ trợ của Nhà nước, HTX đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Phần lớn các địa phương giao hệ thống điện, thuỷ lợi cho HTX quản lý, sử dụng, hàng năm HTX còn đầu tư chi phí hàng chục triệu đồng để tu bổ, nâng cấp phục vụ sản xuất, đời sống cho cộng đồng dân cư trên cả địa bàn. Nhiều nơi như Bắc Ninh, Thái Bình v.v... bê tông hóa kênh mương đã trở thành phong trào, trong đó HTX đóng vai trò nòng cốt. Ngoài ra, ở những HTX sản xuất – kinh doanh, dịch vụ giỏi có lãi lớn, hàng năm còn đóng góp cùng chính quyền địa phương tu bổ, xây dựng đường xá, trường học, trạm xá v.v...

2.4.1.6. Việc hỗ trợ nông dân giúp nhau trong sản xuất, chăm lo đời sống cộng đồng trong HTX được giữ vững và phát huy.

HTX vẫn giữ vững và phát huy tinh thần tương thân, tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống. Những hộ gia đình xã viên neo đơn, gia đình chính sách gặp khó khăn trong sản xuất, đời sống, đều được HTX giúp đỡ như ứng trước vật tư sản xuất, cho vay vốn, hướng dẫn tổ chức sản xuất phát triển kinh tế hộ; tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập cho gia đình; trích quỹ HTX để hỗ trợ khi gặp hoạn nạn, ma chay v.v...

2.4.1.7. Góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội và an ninh nông thôn

- Đối với các HTX phi nông nghiệp

Sau khi chuyển đổi cơ chế, nhiều HTX phi nông nghiệp rơi vào tình trạng sản xuất kinh doanh thua lỗ, tan rã. Theo Liên minh HTX Việt Nam có tới 93,3% số HTX cũ trước 1996 gồm 93,9% số HTX tiểu thủ công nghiệp và 96,2% HTX thương mại tan rã. Tài sản vốn liếng của nhiều HTX bị mất mát, nhiều xã viên và lao động bị mất công ăn việc làm.

Nhưng từ khi có Luật HTX (1996) đến nay, các HTX phi nông nghiệp đã hoạt động khởi sắc: Quá trình chuyển đổi và thành lập mới các HTX phi nông nghiệp diễn ra thuận lợi và đạt kết quả khả quan; bộ máy quản lý HTX gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả hẳn lên. Việc phân phối lợi ích đã theo nguyên tắc

phân phối theo lao động và góp vốn, khắc phục được tính bình quân. Nhiều HTX đã đổi mới được nội dung hoạt động, mở rộng quy mô, tạo ra được nhiều sản phẩm dịch vụ mới.

Kết quả kể trên đã khẳng định sự phát triển đúng đắn của các hình thức kinh tế hợp tác và vai trò của HTX kiểu mới, một thành phần kinh tế quan trọng theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp - nông thôn và chứng minh tính đúng đắn của Đường lối, Chủ trương chuyển đổi HTX của Đảng và Nhà nước.

* Nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra là:

1.- Có đội ngũ cán bộ, đặc biệt là chủ nhiệm ổn định, giỏi, năng động, lăn xả tìm thị trường, tìm đối tác đầu tư bao tiêu sản phẩm trên cơ sở đó mở rộng dần dịch vụ kinh doanh cho HTX.

2.- Tập huấn kỹ thuật và học tập về Luật và Điều lệ HTX mới, làm cho mọi người (từ xã viên, cán bộ HTX và cán bộ các cấp ở địa phương) hiểu rõ và làm đúng.

3.- Có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp và sự liên kết, hỗ trợ của các doanh nghiệp Nhà nước, các tổng công ty đầu ngành.

2.4.2. Những hạn chế

2.4.2.1. Những yếu tố cản trở sự phát triển của kinh tế hợp tác và HTX.

Theo kết quả điều tra một số cán bộ xã viên ở các tỉnh như sau:

Biểu 5: Các yếu tố cản trở phát triển kinh tế hợp tác

TT	Nội dung các yếu tố	Tỷ lệ (%)
1	Cơ chế chính sách chưa hợp lý	40
2	Tâm lý lo ngại	47
3	Thiếu vốn	57
4	Thiếu kiến thức	83
5	Kết cấu hạ tầng kém	34
6	Thị trường tiêu thụ khó	70
7	Thiếu nhân lực	11
8	Công nghệ sản xuất thấp	58
9	Điều kiện tự nhiên khó khăn	16

Qua biểu điều tra phỏng vấn cán bộ, xã viên ta thấy các yếu tố cản trở việc phát triển kinh tế hợp tác chủ yếu như sau:

- Trước hết là sức sản xuất thấp (thiếu vốn: 87%; công nghệ sản xuất thấp: 58%; kết cấu hạ tầng kém: 34%; thiếu kiến thức và trình độ quản lý HTX : 83% (Ý kiến số người được phỏng vấn).

- Sau đó mới là nhận thức, mặc cảm của cán bộ xã viên về HTX và từ sự chỉ đạo và chính sách của Nhà nước. Tuy ý kiến của xã viên chưa thực sự đầy đủ, nhưng đó cũng chính là những cản trở chủ yếu đến sự phát triển KTHT trong thời gian qua.

2.4.2.2. Những hạn chế của quá trình chuyển đổi

*** Quá trình chuyển đổi còn mang tính hình thức**

Tuy việc phát triển các hình thức HTX đạt được một số kết quả nhất định nhưng việc chuyển đổi các HTX trong thời gian qua ở nhiều HTX còn mang tính hình thức, mới chỉ chuyển đổi về tổ chức, chưa có sự chuyển biến rõ nét về nội dung và hiệu quả hoạt động; đặc biệt là ở các HTX trung bình và HTX yếu

kém. Tính hình thức thể hiện ở quan hệ sở hữu vẫn là sở hữu tập thể; việc xác định, phân bổ vốn góp của xã viên không rõ ràng, nhiều nơi xã viên không biết số vốn của họ có trong HTX; đa số xã viên không góp thêm vốn mới. HTX thiếu vốn hoạt động. Về quan hệ quản lý, vẫn là những cán bộ HTX chưa được đào tạo, bồi dưỡng về cơ chế quản lý mới; hoạt động dịch vụ không được mở rộng và chưa được hạch toán đầy đủ, rõ ràng (xem phụ lục 4, 5). Về quan hệ phân phối, chưa thực hiện phân phối theo mức độ sử dụng dịch vụ để khuyến khích xã viên sử dụng các dịch vụ của HTX, rất ít HTX chia lãi theo cổ phần.

Trong lĩnh vực phi nông nghiệp, số HTX giả danh, núp dưới bóng loại hình HTX để dễ hoạt động (thực chất là hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh tư nhân) khá phổ biến ở nhiều nơi (Theo liên minh HTX Hà Tây, số HTX này chiếm đến 1/3 số HTX).

* Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thấp chưa tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế trong thời gian vừa qua; nhìn chung cả HTXNN và phi nông nghiệp chưa có sức cạnh tranh trên thị trường; chưa có sức hấp dẫn, lôi cuốn xã viên và người lao động vào HTX. Trong những năm gần đây, nhờ Đường lối đổi mới kinh tế cùng với sự đầu tư của Nhà nước, đã tạo ra những vùng sản xuất hàng hoá lớn có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao. Song sự phát triển các HTX còn rất mờ nhạt. Mọi chức năng cung cấp các dịch vụ đầu vào cũng như tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho nông dân đều thả nổi cho tư thương; tình trạng nông dân bị ép cấp, ép giá lúc đầu vụ và cuối vụ sản xuất thường xuyên xảy ra làm cho thu nhập và đời sống của nông dân rất bất ổn định; nông dân làm ra được rất nhiều sản phẩm mà vẫn không giàu lên được.

* Sự phát triển HTX và kinh tế hợp tác ở nhiều vùng không rõ nét, hiện nay còn nhiều HTX chỉ có tên, không giúp được gì cho hộ xã viên trong khi những HTX này vẫn chưa có các giải pháp để giải quyết dứt điểm. Các tồn tại trên đã làm cản trở đến việc xây dựng các HTX mới. Nhiều huyện, nhiều xã đến nay vẫn chưa có HTX, mặc dù nông dân rất mong muốn và cần HTX.

2.4.3. Nguyên nhân

Tổng hợp các phiếu điều tra phỏng vấn cán bộ, xã viên một số tỉnh thì nguyên nhân của những tồn tại trong việc phát triển các hình thức HTX trong thời gian qua như sau:

Biểu 6: Nguyên nhân tồn tại của phong trào HTX

TT	Nội dung	Tỷ lệ các ý kiến đánh giá (%)
I	Nguyên nhân tổng quát	
1.	Quan điểm nhận thức về HTX kiểu mới chưa đầy đủ	15
2.	Chỉ đạo và các chính sách của Nhà nước chưa kịp thời	30
3.	Nội lực yếu	36
4.	Tất cả các yếu tố trên	31
II	Nguyên nhân cụ thể	100
1.	Xã viên chưa góp vốn hoặc góp không đáng kể	40.1
2.	Đội ngũ cán bộ HTX còn yếu	29
3.	Vấn những dịch vụ cũ	37.5
4.	Giá dịch vụ không rẻ hơn	39
5.	Chất lượng dịch vụ chưa hơn trước	35.5
6.	Kết cấu hạ tầng còn yếu kém	40.6
7.	Xã viên không đồng tình	14.15

Trên cơ sở các ý kiến điều tra phỏng vấn, kết hợp với phân tích hài hòa các khía cạnh khác thì nguyên nhân cơ bản của các tồn tại của phong trào là:

* Về nguyên nhân khách quan

- Một số tồn tại do lịch sử để lại như tình trạng quản lý quá yếu kém của các HTX cũ đã làm cho nhiều người có ấn tượng không tốt với tổ chức HTX. Một số vấn đề đến nay chưa được giải quyết dứt điểm như tài sản chung của HTX với việc phục vụ cả cộng đồng; công nợ của các HTX với các đối tượng và nợ của xã viên đối với HTX v.v...chưa được giải quyết dứt điểm đã làm cản trở quá trình đổi mới và phát triển HTX.

- Sản xuất ở nhiều nơi còn mang tính tự cung, tự cấp; phân công lao động và sản xuất hàng hóa chưa phát triển, dẫn đến nhu cầu hợp tác chưa cao; đất đai nông nghiệp ở các tỉnh trong vùng ít, manh mún; lao động thiếu việc làm và chất lượng thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn và xuống cấp; khoa học công nghệ chưa phát triển.

* Về nguyên nhân chủ quan

- Chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết, bản chất cũng như vai trò của các HTXNN, nhận thức của không ít cán bộ và nhân dân về Luật HTX còn chưa đầy đủ, có tư tưởng ngại khó.

- Chính sách của Nhà nước về kinh tế hợp tác và HTX còn có những hạn chế, chưa thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế hợp tác và HTX phát triển.

Qua 7 năm chuyển đổi HTX, khuôn khổ pháp lý hiện nay đối với kinh tế hợp tác, HTX trong nông nghiệp - nông thôn vừa thiếu lại vừa không đồng bộ, vừa chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế tổ chức, quản lý tài chính trong HTX quy định trong Luật HTX và Nghị định 16/CP của Chính phủ chưa rõ ràng. Nhiều chính sách đã được quy định trong Luật và các Nghị định của Chính phủ, nhưng đến nay vẫn chưa được các ngành liên quan cụ thể hóa thành các Thông tư hướng dẫn thực hiện như chính sách hỗ trợ về đào tạo cán bộ quản lý HTX, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách đầu tư, tín dụng, chính sách đất đai và vấn đề công nợ tồn đọng nhiều năm của các HTX cũ. Về chính sách thuế, tuy đã được Bộ Tài Chính ra Thông tư hướng dẫn

thực hiện, nhưng cũng còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu để hoàn thiện; hoặc chính sách tín dụng tuy đã mở ra khả năng, tạo điều kiện để HTX có vốn hoạt động nhưng chưa phù hợp với thực tế hiện nay của các HTX. Những vấn đề nêu trên đã gây nên những lúng túng, khó khăn trong việc vận dụng và thực hiện các chính sách đã ban hành, tạo tâm lý thiếu tin tưởng trong nhân dân đối với chính sách phát triển kinh tế hợp tác và HTX của Đảng và Nhà nước.

- Đội ngũ cán bộ quản lý HTX yếu: Trên 70% chưa qua đào tạo (xem phụ lục 6,7,8 trang 110, 111, 112) không ổn định, thay đổi thuyên chuyển do chế độ dân bầu (chẳng hạn tỉnh Bắc Ninh đã thay 38% chủ nhiệm 27,5% kiểm soát trưởng và 22% kế toán trưởng). Chế độ thù lao rất thấp từ 150.000 - 200.000 đ/tháng, nhiều nơi lại chưa có chế độ hưu trí. Do đó, họ không an tâm lãnh đạo quản lý HTX. Nhiều người không muốn làm chủ nhiệm HTX.

- Công tác chỉ đạo chưa được coi trọng và thiếu tập trung

Ở cả cấp TW và địa phương còn thiếu sự phân công, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cấp, các ngành, các Đoàn thể nông dân trong việc chỉ đạo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về HTX mới, nên chưa có sự chỉ đạo, lãnh đạo cụ thể, sát thực đối với phong trào kinh tế hợp tác và HTX. Việc tổng kết và nhân rộng các điển hình, mô hình tốt còn chậm. Sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chương trình dự án quốc gia và chương trình dự án do các nước, các tổ chức quốc tế tài trợ chưa được ưu tiên tập trung cho khu vực kinh tế hợp tác, HTX. Công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý HTX đã được đề cập nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Chưa chú trọng chỉ đạo chặt chẽ nội dung chuyển đổi HTX cũ, có nơi chuyển đổi còn mang tính hình thức, có biểu hiện làm theo phong trào, có nơi còn nghe ngóng, chờ đợi, HTX nào biết thì làm, không tập trung chỉ đạo. Công tác quản lý HTX bị buông lỏng. Trong chỉ đạo ở một số địa phương còn chậm xử lý những vướng mắc, tồn tại, thậm chí xử lý không đúng với tinh thần của Luật, tính chất của HTX, đã làm

giảm năng lực của tổ chức kinh tế HTX như vấn đề xử lý tài sản, công nợ khi chuyển đổi HTX.

- Công tác tổ chức cán bộ rất yếu kém

Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/CP về quản lý Nhà nước đối với HTX, nhưng lại thiếu thông tư hướng dẫn. Hiện nay trên phạm vi cả nước vẫn chưa có cơ quan nào được giao nhiệm vụ giúp Chính phủ quản lý Nhà nước chung đối với kinh tế hợp tác và HTX. Trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cũng chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 02/CP của Chính phủ. Đến nay, ngành nông nghiệp và các tỉnh vẫn chưa tiến hành xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn và đồng bộ về phát triển kinh tế hợp tác, HTXNN. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với HTXNN từ TW đến huyện, xã chưa được củng cố cả về số lượng và chất lượng cán bộ đáp ứng phong trào. Bình quân mỗi tỉnh có 3 - 4 cán bộ phòng chính sách thuộc sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm công tác này, mỗi huyện có 1 cán bộ kiêm nhiệm. Vì vậy, công tác hướng dẫn, cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật và các chính sách về HTX, nhất là các phạm vi liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các HTX chưa được UBND các cấp quan tâm giải quyết đầy đủ và kịp thời. Đội ngũ cán bộ quản lý HTX về cơ bản vẫn ở trong tình trạng hạn chế về trình độ, kinh nghiệm, kiến thức tổ chức, quản lý và nghiệp vụ kinh doanh, nhất là cán bộ chủ chốt (gần 90% chủ nhiệm HTX chưa qua lớp đào tạo và 52% chưa qua lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý HTX).

- Sự phối hợp các Bộ: Bộ kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành và Liên minh HTX Việt Nam chưa tốt.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ HỢP TÁC VÙNG ĐBSH

3.1. Quan điểm

3.1.1. Tiếp tục quán triệt đường lối đổi mới của Đảng về phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát triển đa dạng các hình thức KTHT từ thấp đến cao. Trong đó kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX và các doanh nghiệp Nhà nước là nền tảng quan trọng của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa như đã được nêu trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Phát triển tổ hợp tác và HTX phải tôn trọng và tạo điều kiện, chăm lo kinh tế hộ phát triển.

3.1.2. Phát triển các hình thức KTHT và HTX phải gắn với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, và gắn giữa vùng sản xuất ĐBSH với công nghiệp chế biến; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng phù hợp với tiến trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực và là điểm tựa để xây dựng các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước.

3.1.3. Phát triển các hình thức KTHT và HTX trong mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp nhà nước và quan hệ với các thành phần kinh tế khác. HTX phải được làm rõ chức năng, nhiệm vụ về kinh tế - xã hội, được tạo mọi điều kiện đầy đủ về cơ chế chính sách để có điều kiện vươn lên và làm ăn có hiệu quả.

3.1.4. Phát triển các hình thức KTHT và HTX phải đảm bảo các nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi; phải tiến hành từng bước, linh hoạt với từng hình thức, tổ chức hoạt động phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện, tập quán cụ thể từng vùng, từng địa phương.

3.1.5. Phát triển các hình thức KTHT và HTX phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất, hỗ trợ tích cực của Nhà nước và tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX.

3.2. Phương hướng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác

3.2.1. Phát triển các tổ hợp tác, bao gồm từ tổ hợp tác giản đơn từng khâu, từng việc như tổ vận công, đổi công, hợp tác lao động... tổ chức lỏng lẻo, đến tổ hợp tác có tổ chức chặt chẽ, có tài sản, vốn, quỹ dùng chung ở tất cả các vùng và ở cả những nơi có HTX đang hoạt động để đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu phát triển kinh tế hộ. Khuyến khích, hỗ trợ tổ hợp tác mở rộng quy mô hợp tác, quy mô góp vốn, mở rộng phạm vi hoạt động, đào tạo cán bộ để khi có đủ điều kiện thành lập HTX mới.

3.2.2. Phát triển đa dạng các hình thức HTX từ hình thức HTX làm được ít khâu dịch vụ, tiến tới dịch vụ được nhiều khâu cho sản xuất; thúc đẩy phát triển các HTX dịch vụ và sản xuất kinh doanh tổng hợp như tiêu thụ sản phẩm, chế biến nông lâm sản và phát triển các ngành nghề ở nông thôn; phát triển các HTX chuyên ngành ở những nơi có điều kiện; phát triển các hình thức HTX khác như HTX thương mại, HTX tiểu thủ công nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp HTX v.v...

3.2.3. Tiếp tục củng cố và đổi mới HTX hiện có

Hỗ trợ đổi mới HTX đã chuyển đổi nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả của các hoạt động dịch vụ.

Đối với HTX chưa chuyển đổi (Với những HTX có khả năng chuyển đổi) cần tích cực giải quyết các vướng mắc để HTX có thể chuyển đổi. Loại khác không có nội dung hoạt động thì cho giải thể. Đồng thời hướng dẫn và giúp đỡ nông dân hình thành tổ chức kinh tế hợp tác phù hợp.

3.2.4. Xây dựng HTX mới: Khuyến khích xây dựng HTX mới trên cơ sở nhu cầu của nông dân và người lao động, đảm bảo đủ điều kiện thành lập HTX

theo Luật Định. Định hướng chung phát triển HTX mới trên cơ sở tổ hợp tác có tổ chức, có vốn góp, có cơ sở vật chất dùng chung, hoạt động ổn định và có hiệu quả, có đủ điều kiện bảo đảm nguyên tắc HTX; tránh nóng vội, áp đặt, vi phạm nguyên tắc tự nguyện trong việc đưa lên HTX. Hỗ trợ HTX thành lập mới như tạo nguồn, vốn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sự giúp đỡ, hướng dẫn của các doanh nghiệp Nhà nước để tăng sức cạnh tranh cho HTX.

3.2.5. Giải quyết những tồn đọng của các HTX.

- Tập trung giải quyết dứt điểm nợ tồn đọng kéo dài trong HTX (HTX nợ Nhà nước, nợ Ngân hàng và các doanh nghiệp khác, nợ xã viên, xã viên nợ HTX).

- Giải quyết rõ ràng, rành mạch các quan hệ về tài sản giữa HTX cũ chuyển giao cho chính quyền như: Trụ sở văn phòng, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trạm xá, hệ thống truyền thanh v.v...

- Bổ sung, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển HTX bao gồm các Nghị định của Chính phủ về chính sách đất đai, tín dụng, thuế, đào tạo cán bộ HTX, bảo hiểm xã hội v.v....

3.3. Các giải pháp phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã

Qua điều tra, khảo sát hiện trạng và hoạt động của các HTX, tổng hợp các ý kiến và các đề nghị, kiến nghị của xã viên, của cán bộ cơ sở (phụ lục 10, tổng hợp đề xuất các giải pháp phát triển HTX, trang 114) và các chuyên gia cán bộ Nhà nước có liên quan có thể đưa ra các giải pháp phát triển HTX trong thời gian tới là:

3.3.1. Nâng cao nhận thức về HTX

Phải làm cho mọi người hiểu rõ, hiểu đúng về HTX kiểu mới, tránh được ám ảnh của HTX cũ đối với HTX mới, xác lập lại lòng tin vào sự nghiệp HTX trong phát triển nông nghiệp nông thôn.

- Tổ chức lại các lớp bồi dưỡng về Luật HTX sửa đổi và HTX kiểu mới cho cán bộ các ngành, các cấp, đặc biệt là cấp xã (các cán bộ chủ chốt xã phải được học Luật HTX)

- Tổ chức một đợt tuyên truyền tập trung một thời gian nhất định 1 - 2 tuần về luật HTX, về HTX kiểu mới trên VTV2, đài phát thanh nông thôn và các báo chí khác.

- In ấn, xuất bản luật, và những tài liệu có liên quan đến tận tay nông dân

- Tổ chức hỏi đáp về luật trên các phương tiện thông tin nói trên.

- Tổ chức thi tìm hiểu về HTX trên các diễn đàn thông tin như đối với thi khuyến nông viên giỏi.

- Tổ chức thi sáng tác văn nghệ (truyện, kịch, phim...) về đề tài HTX.

- Đưa nội dung quản lý HTX mới vào chương trình đào tạo các trường đại học và trung học chuyên nghiệp có liên quan và những vấn đề cơ bản về HTX mới vào giáo dục phổ thông.

3.3.2. Phải tạo điều kiện cho HTX ra đời và phát triển. Trọng tâm của nhiệm vụ này là đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn. Những công việc chủ yếu phải làm là:

3.3.2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá theo thế mạnh của từng vùng, dần dần tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa, vùng nguyên liệu tập trung cho phát triển công nghiệp. Xây dựng những cánh đồng đạt hiệu quả kinh tế cao từ 50 triệu/ha trở lên.

3.3.2.2. Tích tụ tập trung hóa ruộng đất trên cơ sở chuyển nhượng, chuyển đổi ruộng đất cho nhau kể cả những HTX mới thành lập để mỗi hộ sản xuất trên những mảnh ruộng lớn theo vùng sản xuất hàng hoá, tạo điều kiện để phân công lại lao động nông thôn và tổ chức dịch vụ đồng ruộng tốt hơn giữa xã viên HTX và nông dân bên ngoài. Đây là giải pháp cụ thể nhưng rất quan trọng của vùng ĐBSH.

3.3.3. Cải tiến các mặt quan hệ sản xuất mới:

3.3.3.1. *Về quan hệ sở hữu:* Làm tốt vấn đề cổ phần hoá, đặc biệt là đối với các HTX theo hình thức chuyển đổi, vừa phát huy trách nhiệm của xã viên, khắc phục được tình trạng HTX hình thức, vừa phát huy năng lực của loại hình KTHT vừa giải quyết ách tắc về vốn hiện nay của HTX khi muốn mở rộng hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh. Đương nhiên, việc cổ phần hoá trong các HTX khác với cổ phần hoá ở các doanh nghiệp Nhà nước.

Cổ phần hoá trong HTX theo 2 hướng:

- *Một là* xác định lại cổ phần của từng hộ xã viên từ HTX cũ chuyển sang HTX mới theo công sức đóng góp của từng xã viên (có thể theo số năm tham gia HTX của từng xã viên).

- *Hai là* huy động vốn góp mới trong xã viên để HTX có thêm vốn mở rộng hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh.

3.3.3.2. *Về quan hệ quản lý:*

* Bằng mọi cách mở rộng dân dịch vụ sản xuất kinh doanh của HTX theo hướng HTXNN dịch vụ sản xuất kinh doanh tổng hợp cho cả các HTX theo hình thức HTX dịch vụ và HTX dịch vụ sản xuất kinh doanh tổng hợp. Trong đó, chú ý các dịch vụ: Cung cấp tín dụng, cung cấp giống, vật tư cho xã viên với nhiều cách thức khác nhau, gắn cung cấp tín dụng, giống và vật tư với tiêu thụ sản phẩm. Tìm mọi cách vươn lên làm dịch vụ đầu ra như chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho xã viên (vì sản phẩm xã viên làm ra có tiêu thụ được thì dịch vụ đầu vào của HTX mới có tác dụng).

* Phát triển kinh doanh các ngành nghề phi nông nghiệp để tận dụng mọi tiềm năng về đất đai, tiền vốn, lao động, thời gian và không gian, để lấy ngắn nuôi dài, tăng thu nhập cho HTX và xã viên. Đây là giải pháp quan trọng của vùng ĐBSH (đất ít người đông) phải coi là nhận thức lại về chức năng của HTX cho tất cả các cán bộ, xã viên HTX để tạo ra sự quyết tâm thực hiện và kể cả các ngành các cấp (để tạo điều kiện cho HTX thực hiện).

Đối với các HTX lập mới phải mở rộng dịch vụ kinh doanh (cả dịch vụ đầu vào, đầu ra) và phát triển các ngành nghề, trên cơ sở đó, thu hút thêm các nông dân bên ngoài vào HTX.

* Đưa dần các hoạt động của HTX vào kế hoạch và hạch toán kinh doanh.

- Về công tác kế hoạch: Phải có kế hoạch ngắn và dài hạn. Lãnh đạo HTX phải năng động điều tra, nghiên cứu thông tin thị trường, tìm đối tác đầu tư bao tiêu sản phẩm để hướng dẫn xã viên sản xuất, mở rộng ngành nghề.

- Thực hiện hạch toán kinh doanh ở tất cả các hoạt động dịch vụ, kinh doanh, hạ giá thành dịch vụ, xác định đơn giá dịch vụ hợp lý, tránh bao cấp tràn lan trong dịch vụ ở HTX hiện nay. Giá dịch vụ HTX phải thu hồi đủ chi phí và bảo đảm cho HTX có lãi. Giá dịch vụ cho xã viên và nông dân bên ngoài phải có phân biệt theo hướng là xã viên phải có lợi ích cao hơn, giá rẻ hơn nhằm tạo ra lợi ích lôi cuốn xã viên vào HTX và tham gia mọi hoạt động trong HTX.

- Phải có giải pháp hợp lý (vừa cứng rắn, kiên quyết vừa mềm dẻo) trong việc giải quyết thu hồi nợ phải thu trong các HTX; kết hợp các biện pháp kinh tế, giáo dục thông qua các tổ chức Đảng, đoàn thể và biện pháp hành chính; pháp luật như:

+ Mềm dẻo linh hoạt: Trong việc xoá nợ đối với các khoản nợ khó đòi như nợ của các gia đình chính sách, nợ vắng chủ, giảm nợ đối với những hộ khó khăn, tạo mọi điều kiện bố trí công ăn việc làm cho các cán bộ có thu nhập để trả nợ.

+ Xác định rõ những khoản nợ bắt buộc phải thu hồi.

* Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực và ổn định bằng cách tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng và có chế độ đãi ngộ hợp lý.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý kinh doanh cho cán bộ HTX, yếu tố quan trọng có tính quyết định đến thành công của HTX.

+Về đào tạo:

Trong cán bộ quản lý HTX, chủ nhiệm và kế toán trưởng là 2 cán bộ quan trọng nhất, quyết định thành bại của HTX.

o Chủ nhiệm phải được đào tạo cơ bản, công phu những kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý để đủ sức lãnh đạo, quản lý các hoạt động HTX: Từ dịch vụ đầu vào đến đầu ra, nghệ thuật giao tiếp, liên kết sản xuất kinh doanh... trong cơ chế cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Muốn vậy, đội ngũ chủ nhiệm phải được chuẩn bị trước: Phải lựa chọn các cán bộ trẻ, có năng lực cho đi đào tạo sau đó đưa về HTX để xã viên bầu, chọn.

o Kế toán trưởng HTX phải được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, đủ sức giúp HTX đi vào hạch toán kinh doanh và quản lý vốn có hiệu quả.

+ Về bồi dưỡng: Bồi dưỡng đồng bộ các cán bộ quản lý HTX gồm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán, trưởng ban kiểm soát, đội trưởng, tổ trưởng dịch vụ, xã viên HTX.

- Chuyên nghiệp hoá và ổn định đội ngũ cán bộ quản lý HTX bằng cách:

+ Ổn định, tăng trách nhiệm, quyền lực cho chủ nhiệm HTX theo hướng: Tiên công cho cán bộ HTX gắn với kết quả hoạt động tài chính của HTX như Luật HTX đã quy định (căn cứ vào doanh thu hoặc thu nhập thực tế cả năm của HTX) gắn như cách trả công của các doanh nghiệp tư nhân để tăng sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác.

+ Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội cho cán bộ, xã viên, trước hết là đối với cán bộ chủ chốt HTX.

* Về tổ chức HTX.

Xúc tiến việc lập các liên hiệp HTX để tăng sức cạnh tranh và tăng hiệu quả của kinh tế hợp tác ở những nơi các HTX có nhu cầu thực sự về liên hiệp, liên minh HTX (như các HTX ở Hà Nội, Hải Dương, Nam Định v.v... đã làm) nhằm giải quyết những việc vượt quá khả năng từng HTX như chế biến và mở rộng tiêu thụ sản phẩm.

3.3.3.3. Về quan hệ trong phân phối: Cải tiến chế độ trả công và phân phối trong HTX để lôi cuốn mọi đóng góp công sức, trí tuệ và tài năng vào sự nghiệp HTX, lôi kéo những người có tay nghề, có tài năng (kể cả lao động quản lý) vào làm việc cho HTX (như phân phối cho vốn góp, phân phối theo mức độ sử dụng dịch vụ HTX).

3.4. Nâng cao hiệu quả sự giúp đỡ của Nhà nước đối với HTX.

- Có các chính sách khuyến khích các HTX phát triển.

+ Giải quyết những vướng mắc tồn đọng về mặt tài chính đang cản trở quá trình chuyển đổi và phát triển của các HTX hiện có.

Hầu hết HTXNN cũ đều mắc nợ Nhà nước, tồn đọng từ nhiều năm nay, nên xử lý như sau:

+ Đối với nợ ngân hàng:

Cho xoá các khoản nợ ngân hàng đã được khoan, vì đây là nợ của những HTXNN yếu kém, không có khả năng thanh toán.

* Đối với các khoản nợ ngân hàng chưa được khoan nợ, xin được xoá nợ cho những HTX đã vay ngân hàng nhưng do bị thiên tai, lũ, lụt gây thiệt hại tài sản, một số HTX đã tự giải thể hoặc còn tồn tại hình thức, thực tế không có khả năng thanh toán nợ.

* Các khoản nợ được Chính phủ cho xoá nợ theo quyết định số 95/1988 - QĐ TTg ngày 18/5/1998 về thanh toán nợ giai đoạn II, cần nhanh chóng triển khai thực hiện.

* Nguồn vốn để bù cho ngân hàng do việc xoá nợ cho HTX lấy từ quỹ dự phòng rủi ro, giảm nợ ngân sách của ngân hàng, hoặc ngân sách Nhà nước cấp bù.

+ Đối với nợ thuế nông nghiệp:

Xoá nợ thuế cho các HTXNN (số nợ thuế nông nghiệp từ trước khi thực hiện thu thuế trực tiếp đến hộ)

Ngân sách Nhà nước sẽ cấp bù cho địa phương được Chính phủ cho xoá nợ số thuế HTX còn nợ Nhà nước này.

+ Đối với các khoản nợ doanh nghiệp Nhà nước:

Các HTXNN nợ các doanh nghiệp Nhà nước chủ yếu là nợ thuỷ lợi phí, nợ các cơ quan dịch vụ vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi. Đến nay, các HTX cũ hết vốn, HTX mới cũng không có khả năng thanh toán, nên xem xét từng trường hợp cụ thể, nếu thực sự không có khả năng thanh toán thì xoá nợ cho HTX. Đồng thời, giảm vốn tương ứng cho các doanh nghiệp Nhà nước bị HTXNN mắc nợ.

+ Đối với các khoản HTXNN nợ các đối tượng khác:

* Đối với các khoản nợ ngân sách, giao cho UBND huyện xem xét cụ thể từng trường hợp nợ, đối tượng nợ, nếu thực sự HTXNN hết vốn, không có khả năng thanh toán, thì cho xoá nợ.

* Đối với các khoản nợ các đoàn thể, xã viên phải xem xét kỹ từng trường hợp, bàn bạc giữa HTX và bên nợ để tìm cách giải quyết phù hợp.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX chuyển đổi hoặc mới thành lập nâng cao hiệu quả hoạt động.

• Cho các HTX (có đủ điều kiện) được vay vốn để mở rộng hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh; xúc tiến lập quỹ bảo lãnh tín dụng từ TW để bảo lãnh cho các HTX vay vốn.

• Tiếp tục miễn các loại thuế đối với các hoạt động dịch vụ của HTX cho kinh tế hộ xã viên ít nhất là trong 10 năm đầu chuyển đổi (như dịch vụ giống, vật tư, tiêu thụ sản phẩm v.v... và những dịch vụ chủ yếu không phải vì lợi nhuận, ít có lãi).

+ Cho phép các HTXNN được hoạt động tín dụng nội bộ. Bộ NN & PTNT và Ngân hàng Nhà nước sớm phối hợp để hướng dẫn các HTX triển khai.

+ Chính sách đất đai

Sớm tổ chức triển khai luật đất đai mới, nhanh chóng giao đất cho HTX (không thu tiền hoặc có thu tiền đối với HTXNN và cho thuê đất đối với các HTX phi nông nghiệp) để làm trụ sở và các cơ sở sản xuất dịch vụ kinh doanh chung, đồng thời cho xã viên góp vốn bằng quyền sử dụng ruộng đất để HTX có thêm điều kiện, có đất trong việc mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh.

+ Hướng dẫn thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội đối với cán bộ và xã viên HTX : Vì đây là mong mỏi và là động lực làm việc của chung cán bộ HTX.

+ Chính sách đối với cán bộ HTX

- Có chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX: Cần hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ HTX, coi là kinh phí đầu tư trước của Nhà nước cho sự nghiệp HTX và phát triển nông thôn.

- Thí điểm đưa kỹ sư nông nghiệp về làm chủ nhiệm những HTX quy mô lớn và có chính sách hỗ trợ tiền lương (bù đủ mức tiền lương cho kỹ sư khởi điểm, nếu trong 3 năm đầu HTX trả lương thấp) coi đó là đầu tư ban đầu cho sự nghiệp HTX.

* Tăng cường chỉ đạo của Nhà nước các cấp đối với HTX

- Có sự phối hợp và phân công chỉ đạo, Từ Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ ngành và Liên minh HTX.

- Xây dựng hệ thống chỉ đạo quản lý HTX từ TW đến địa phương đủ sức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các HTX.

- Tăng cường quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của từng cấp. Tránh tình trạng đứng ngoài hoặc cản trở HTX phát triển, không giao các công trình điện, thủy lợi ...cho HTX quản lý. Tôn trọng quyền tự chủ, tự quản lý của các HTX không can thiệp quá sâu vào việc quản lý nội bộ HTX (như bố trí nhân sự, quy định đơn giá dịch vụ, tiền công cán bộ quản lý v.v...). Các công việc nội bộ HTX để HTX dân chủ bàn bạc quyết định. Không chuyển cán bộ giỏi của HTX sang làm công tác khác (khi cần phải có ý kiến của Chủ tịch huyện). Các cấp,

các ngành cấp trên cần hướng dẫn kiểm tra, nhắc nhở, phê bình, kể cả kỷ luật cấp dưới, đặc biệt là nhắc nhở cấp xã về những việc kể trên; phát huy chức năng quản lý hành chính và pháp luật của các cấp chính quyền địa phương đặc biệt là cấp xã, huyện làm chỗ dựa cho các HTX trong vấn đề thu hồi công nợ, bảo vệ tài sản.

- Tổ chức triển khai luật HTX sửa đổi 2003 tạo ra sự chuyển biến mới trong phong trào HTX.

Hướng dẫn các HTX xây dựng lại Điều lệ HTX. Điều lệ các HTX xây dựng theo luật HTX 1996 do không được hướng dẫn kỹ nên các HTX thường rập khuôn theo Điều lệ mẫu, ít có tác dụng trong quản lý. Do đó, lần này cùng với triển khai luật HTX sửa đổi 2003, các HTX cần dựa vào luật HTX và điều kiện cụ thể của HTX để dân chủ bàn bạc xây dựng cho thật tốt Điều lệ HTX, cái gì không đưa được vào Điều lệ thì xây dựng quy chế, nội quy... Để mọi việc quản lý HTX vừa thực hiện được nguyên tắc quản lý dân chủ của HTX vừa thực hiện được kỷ cương trong lãnh đạo, điều hành; thực hiện quyền lãnh đạo điều hành của Bộ máy quản lý, trước hết là chủ nhiệm HTX, tránh được tình trạng "dân chủ quá trớn", "quân hồi vô lệnh" như nhiều HTX hiện nay.

- Tiếp tục chỉ đạo các HTX còn lại chuyển đổi theo Luật:

Trên cơ sở phân loại HTX, thăm dò nhu cầu nông dân, ở những nơi có nhiều nông dân có nhu cầu lập HTX thì chuẩn bị các công việc cần thiết cho chuyển đổi.

+ Việc tiếp tục chuyển đổi HTX, các tỉnh, huyện phải được các tỉnh, huyện chỉ đạo tích cực, quyết liệt, hướng dẫn chuẩn bị thật kỹ, đúng quy trình chuyển đổi của Nghị định 16/CP.

+ Việc chuyển đổi HTX nên theo hình thức thành lập HTX mới; việc chuyển đổi HTX cũ thành lập HTX mới nhất thiết phải trên cơ sở chấm dứt hoạt động của HTX cũ theo hướng:

- Quá trình làm các công việc, thủ tục để giải thể HTX cũ và lập HTX mới (nếu có) được tiến hành đồng thời để tiện cho việc chuyển giao vốn, những tài sản, công trình sản xuất giữa 2 HTX cũ và mới, tránh vòng vèo qua Ủy ban xã. HTX mới thanh toán ngay hoặc nợ lại (thanh toán sau) số tài sản HTX cũ chuyển sang bằng nguồn vốn tự có của mình, để HTX cũ có tiền thanh toán cho những ai muốn xin ra HTX.

- Xã viên muốn vào HTX phải làm đơn và góp cổ phần (làm đơn có cam kết để tăng trách nhiệm với HTX. Còn nếu chỉ đăng ký bằng cách đánh trống ghi tên thì trách nhiệm của xã viên sẽ kém). Mức cổ phần phải được tính toán sao cho đủ vốn cho HTX hoạt động và trả lại cổ phần cho nông dân không vào HTX, muốn xin ra HTX.

+ Đối với HTX không còn hoạt động và các HTX yếu, kém, (do điều kiện sản xuất thấp, nông dân chưa có nhu cầu lập HTX) như vùng cao miền núi (do trình độ cán bộ thấp, mâu thuẫn nội bộ, hoặc do nợ nần nhiều, vốn quỹ HTX không còn) thì không cho chuyển đổi HTX mà buộc giải thể HTX và chuyển sang các hình thức hợp tác đơn giản hơn như tổ, nhóm hợp tác theo nhu cầu nguyện vọng của nông dân.

+ Đối với những HTX đã chuyển đổi theo Luật nhưng đến nay qua 1 vài năm không hoạt động được, hoạt động thua lỗ triền miên (không còn vốn hoạt động, nội bộ mất đoàn kết, mất lòng tin xã viên v.v...) thì cũng cần xem xét chỉ đạo cho giải thể HTX chuyển sang các hình thức hợp tác đơn giản.

- Tiếp tục tổng kết, xây dựng mô hình HTX

Kinh nghiệm chỉ đạo phong trào HTX những năm qua cho thấy việc tổng kết và xây dựng các mô hình có ý nghĩa hết sức quan trọng. Mô hình HTX sản xuất, kinh doanh giỏi là cơ sở tốt nhất để thuyết phục nông dân, tạo dư luận xã hội ủng hộ phong trào. Các Bộ chuyên ngành cùng liên minh HTX Việt Nam và các địa phương cần tiếp tục xây dựng các mô hình HTX, gồm cả HTX làm tốt một số dịch vụ thiết yếu chuyên khâu cho xã viên (như thủy nông, làm đất, chế

biến, tiêu thụ nông sản phẩm v.v...) và mô hình các HTX kinh doanh tổng hợp, kết hợp các dịch vụ đầu vào với các dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm và ngành nghề nông thôn, mô hình HTX chuyên ngành và các mô hình HTX phi nông nghiệp khác, làm cơ sở phân tích rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp Nhà nước vẫn đóng vai trò quyết định trong sự phát triển của ngành nông nghiệp, chủ yếu thông qua việc phát triển các hệ thống thuỷ lợi, giao thông, cung cấp điện, cung cấp tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, tổ chức cung ứng vật tư kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. HTX phải đóng vai trò là cầu nối giữa kinh tế Nhà nước với kinh tế hộ, tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời, giúp các nhà doanh nghiệp Nhà nước mở rộng phạm vi hoạt động phục vụ trực tiếp tới nông dân, trên cơ sở 2 bên cùng có lợi. Tùy theo điều kiện cụ thể các doanh nghiệp Nhà nước cần tạo điều kiện cho các HTX mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Tạo điều kiện cho các HTXNN làm đại lý, uỷ thác các dịch vụ hoặc ký các hợp đồng đầu tư bao tiêu sản phẩm lâu dài.

+ Các công ty thuỷ nông thực hiện chuyển giao công trình thuỷ lợi trên địa bàn có quy mô thích hợp cho nông dân quản lý thông qua tổ chức HTX, tiến tới nhà nước chỉ quản lý công trình đầu mối, kênh trục chính, công trình có kỹ thuật phức tạp.

Các công ty thuỷ nông, Trung tâm khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật và thú y ở các tỉnh cần giúp đỡ các HTX đào tạo cán bộ kỹ thuật và tổ chức làm dịch vụ có hiệu quả.

+ Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tạo môi trường chính trị thông thoáng, thuận lợi để lôi cuốn các đối tác trong và ngoài nước vào đầu tư, bao tiêu sản phẩm; rút kinh nghiệm, mở rộng mối liên kết "Bốn nhà" trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; làm tốt hơn nữa công tác thông tin thị trường, giá cả, tạo điều kiện cho nông dân và HTX tiếp cận thị trường v.v...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận.

1. Kinh tế hợp tác và công cuộc chuyển đổi HTX theo Luật đã có tác dụng tích cực trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và khẳng định sự đúng đắn về đường lối hợp tác hoá của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn mới.

2. Vùng ĐBSH trong những năm qua đã phát triển đa dạng các hình thức hợp tác (HTXNN, HTX dịch vụ, HTX thương mại, HTX tín dụng, HTX tiểu thủ công nghiệp, HTX chuyển đổi, HTX thành lập mới, HTX chuyên ngành, các liên hiệp HTX, liên kết SX ...). Các hình thức KTHT mỗi ngày một hoàn thiện, có hiệu quả và đã có những đóng góp nhất định vào việc phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong vùng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại cần được giải quyết, tháo gỡ.

3. Việc nghiên cứu đề tài: "Các hình thức KTHT trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH ở nước ta hiện nay, thực trạng, xu hướng và giải pháp phát triển" là cần thiết.

4. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng: Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao là hoàn toàn đúng đắn cả về mặt lý luận và thực tiễn.

5. Trong thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn, việc tổ chức, phát triển hình thức KTHT nào là phụ thuộc vào các nhân tố chi phối chúng. Nhưng hình thức HTXNN dịch vụ sản xuất kinh doanh tổng hợp và HTX thành lập mới là phù hợp và có hiệu quả hơn; phát triển HTX chuyên ngành ở những nơi có điều kiện.

6. Trong các nhân tố chi phối, thì nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định là trình độ phát triển của sức sản xuất. Do đó, để phát triển có hiệu quả hơn

các hình thức KTHT, cần phát triển nhanh, mạnh sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn bằng cách đẩy mạnh CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá để tạo điều kiện mở đường cho các hình thức kinh tế hợp tác phát triển.

7. Có nhiều việc phải làm, nhưng ở vùng ĐBSH (nơi đất ít, người đông, đất đai manh mún, thiếu việc làm, sản xuất chủ yếu là tự túc, tự cấp, sản xuất hàng hoá chưa phát triển ...) cần phải :

- Làm tốt việc tích tụ, tập trung hoá ruộng đất trên cơ sở dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng ruộng đất, thế chấp, cho thuê , góp cổ phần bằng quyền sử dụng ruộng đất v.v...

- Đẩy mạnh việc phát triển các ngành nghề khác (ở nông thôn trong nông dân xã viên và HTX) thực hiện sản xuất kinh doanh tổng hợp trong HTX.

8. Phải củng cố quan hệ sản xuất trên cả ba mặt (quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối) .Trong đó, phải coi quan hệ quản lý (cán bộ quản lý) là " đột phá khẩu" và quan hệ sở hữu là chìa khoá giải quyết vấn đề.

9. Mặc dù chủ trương bình đẳng các thành phần kinh tế nhưng do phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mà trọng tâm là HTX vừa giải quyết được vấn đề phát triển kinh tế vừa giải quyết vấn đề xã hội, cộng đồng và an ninh nông thôn, đồng thời giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Hơn nữa, do các tổ hợp tác và HTX là tổ chức của đại bộ phận nông dân nghèo, sức cạnh tranh yếu, nên rất cần tới vai trò "bà đỡ" của Nhà nước các cấp trong việc : Chỉ đạo, hướng dẫn các HTX, có các chính sách hỗ trợ để các HTX ra đời và hoạt động tốt hơn. Nhà nước làm " bà đỡ" chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các hình thức kinh tế hợp tác nhưng không can thiệp sâu vào công tác quản lý nội bộ của các HTX , các tổ hợp tác, để các HTX và các tổ hợp tác phát huy quyền tự chủ của mình.

10. Tăng cường các hoạt động báo chí, tuyên truyền nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức về HTX kiểu mới, về luật HTX (như mở lại đợt tuyên truyền trên báo chí, truyền hình và truyền thanh về HTX kiểu mới và về luật HTX sửa đổi, giới thiệu các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả v.v...

2. Kiến nghị

1. Sớm chỉ đạo luật đất đai mới về giao quyền sử dụng, cho thuê đất cho các HTX.

2. Xúc tiến, tháo gỡ những khó khăn trở ngại để các HTX được vay vốn ngân hàng và xóa nợ cho các HTXNN.

3. Tiếp tục miễn thuế đối với các hoạt động dịch vụ trong nội bộ HTX (vì đây là những dịch vụ mang tính phục vụ, không lãi hoặc rất khó có lãi).

4. Có chính sách đối với cán bộ HTX, trước hết là chủ nhiệm HTX (như đào tạo, bồi dưỡng; đưa các kỹ sư, cán bộ về công tác tại HTX, để HTX chọn, thuê làm chủ nhiệm HTX.

PHỤ LỤC

phụ lục 1: Các hình thức hợp tác hiện có ở địa phương

(Tổng số người được phỏng vấn: 152)

(5)

TT	Nội dung phỏng vấn	Số ý kiến	Tỷ lệ (%) so với tổng số
I	Các khâu hợp tác		
1.	- Làm đất, gieo trồng, chăm bón	113	74
2.	- Phòng trừ sâu bệnh	106	70
3.	- Thu hoạch	49	32
4.	- Bảo quản chế biến	25	16
5.	- Tiêu thụ sản phẩm	47	31
II	Các hình thức kinh tế hợp tác		
1.	Hộ gia đình với các trang trại	68	45
2.	Hộ gia đình và trang trại với các doanh nghiệp chế biến	26	17
3.	Tổ đổi công	19	12,1
4.	Tập đoàn sản xuất	18	12
5.	HTX tín dụng	89	59
6.	HTX mua bán	17	11
7.	HTXNN kiểu cũ	11	7
8.	HTX tiểu thủ công nghiệp	37	24
9.	HTX chế biến nông sản	34	22
10.	HTX mới theo luật	74	49,5
11.	HTX quy mô nhỏ	34	22
12.	HTX quy mô lớn	37	24

Nguồn 5: Điều tra của nhóm đề tài

**Phụ lục 2: Sự cần thiết và hiệu quả
của các hình thức kinh tế hợp tác**

(5)

TT	Các hình thức hợp tác	Số ý kiến	Tỷ lệ (%) so với tổng số
I	Về các hình thức hợp tác		
1.	Hộ và trang trại: - Cần	77	50,1
	- Hiệu quả	54	36
2.	Hộ, trang trại và doanh nghiệp chế biến:		
	- Cần	25	16,1
	- Hiệu quả	22	14
3.	Tổ đổi công: - Cần	24	16
	- Hiệu quả	12	8
4.	HTX tín dụng: - Cần	88	58
	- Hiệu quả	58	37
5.	HTX mua bán: - Cần	27	17
	- Hiệu quả	13	9
6.	HTXNN kiểu cũ: - Cần	8	6
	- Hiệu quả	1	0,07
7.	HTX tiểu thủ công nghiệp:		
	- Cần	45	30
	- Hiệu quả	29	12
8.	HTX chế biến: - Cần	63	41
	- Hiệu quả	26	17
9.	HTX đổi mới theo luật:		
	- Cần	49	32
	- Hiệu quả	40	26

10.	HTX quy mô nhỏ: - Cân	47	31
	- Hiệu quả	28	18
11.	HTX quy mô lớn: - Cân	12	77
	- Hiệu quả	11	7
II	<i>Về các khâu hợp tác</i>		
1.	Làm đất: - Cân	94	61
	- Hiệu quả	67	40
2.	Phòng trừ sâu bệnh: - Cân	88	58
	- Hiệu quả	57	37
3.	Thu hoạch: - Cân	56	37
	- Hiệu quả	21	14
4.	Bảo quản, chế biến: - Cân	63	41
	- Hiệu quả	26	17
5.	Tiêu thụ sản phẩm: - Cân	78	51
	- Hiệu quả	45	30

Phụ lục 3: Thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân (5)

TT	Nội dung	Số ý kiến	Tỷ lệ (%) so với tổng số
I	<i>Thuận lợi</i> (tác dụng của HTX kiểu mới)		
1.	Được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước	57	37
2.	Tăng vốn, tăng sức mạnh	72	47
3.	Khai thác tốt các nguồn lực	83	55
4.	Sản xuất, tiêu thụ tốt hơn	48	31
5.	Chuyên môn hoá sản xuất, tạo ra năng suất cao hơn	84	55
II	<i>Những khó khăn cản trở</i>		
1.	Cơ chế, chính sách chưa phù hợp	67	40
2.	Tâm lý lo ngại	72	47
3.	Thiếu vốn	133	87
4.	Thiếu kiến thức	126	83
5.	Kết cấu hạ tầng	52	34
6.	Thị trường tiêu thụ	104	70
7.	Nhân lực	16	11
8.	Công nghệ sản xuất	87	58
9.	Điều kiện tự nhiên	25	16
III	<i>Nguyên nhân</i>		
1.	Quan điểm nhận thức chưa đầy đủ	28	15
2.	Nhà nước chưa quan tâm	44	30
3.	Nội lực yếu	54	36
4.	Tất cả các yếu tố trên	46	31

Phụ lục 4: Các dịch vụ HTX làm được

Đơn vị tính: % (6)

TT	Tỉnh	Thủy lợi	Khuyến nông	BVTV	Thú y	Giống	Vật tư	Làm đất	Điện	TTSP	Tín dụng	khác
1	Bắc Ninh	98	98	82	44	98	13	24	83	11	0	0
2	Hà Nam	96	52	91	26	8	28	27	85	0	0	25
3	Hà Nội	95	54	72	21	46	23	22	69	1	7	0
4	Hà Tây	94	45	72	9	64	26	27	48	48	24	0
5	Hải Dương	98	0	56	8	0	4	6	63	3	0	47
6	Hải Phòng	63	0	44	0	0	15	0	28	0	1	32
7	Hưng Yên	100	0	82	0	0	13	0	73	0	0	0
8	Nam Định	100	100	100	58	64	50	28	91	0	5	8
9	Ninh Bình	99	59	89	46	67	47	32	0	0	69	0
10	Thái Bình	100	0	0	100	4	0	0	0	0	0	0

Nguồn 6: Văn phòng Chính phủ, Nghiêm Phú Mạnh, đề tài khoa học năm 2004

Phụ lục 5: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của HTX

Đơn vị tính: % (5)

TT	Tỉnh	Số HTX báo cáo	Lãi				Lỗ			
			Số HTX	Tổng lãi	%	BQ 1 HTX	Số HTX	Tổng lỗ	%	BQ 1 HTX
Tổng		2519	2179	63,622.1		251.7	204	1,662.62		71.2
1	Bắc Ninh	88	88	867.5	100	9.86	0	0	0	-
2	Hà Nam	159	151	3,091.8	95	20.48	8	159.5	5	19.94
3	Hà Nội	248	203	4,786.4	82	23.54	27	194.7	11	7.14
4	Hà Tây	497	410	22,894.0	82	55.84	43	439.0	9	10.21
5	Hải Dương	294	262	3,625.0	89	13.94	26	165.0	9	6.35

6	Hải Phòng	216	177	4,168.8	82	23.54	24	162.0	11	6.82
7	Hung Yên	152	125	2,781.6	82	22.32	17	97.8	11	5.85
8	Nam Định	295	295	10,423.2	100	35.33	0	-	0	-
9	Ninh Bình	253	207	4,807.0	82	23.17	28	197.3	11	7.09
10	Thái Bình	317	260	6,149.8	82	23.66	32	247.3	10	7.80

Phụ lục 6: Trình độ văn hoá, chuyên môn của chủ nhiệm HTXNN

Đơn vị tính: %

(5)

TT	Tỉnh	Số chủ nhiệm	Trình độ văn hoá, chuyên môn						Đã qua bồi dưỡng	
			Cấp I		Cấp II, III		TH, CĐ, ĐH		số lượng	%
			số lượng	%	số lượng	%	số lượng	%		
1	Bắc Ninh	512			512	100	53	10		3
2	Hà Nam	159	3	2	156	98	71	45		-
3	Hà Nội	248	119	48	129	52	117	47	74	30
4	Hà Tây	489	11	2	487	100	177	36	63	13
5	Hải Dương	370			370	100	161	44		
6	Hải Phòng	216	104	48	112	52	102	47	65	30
7	Hung Yên	152	73	48	79	52	71	47	46	30
8	Nam Định	215			215	100	118	55	53	25
9	Ninh Bình	253			253	100	74	29	3	1
10	Thái Bình	317	149	47	168	53	143	45	95	30

**Phụ lục 7: Trình độ văn hoá, chuyên môn
của trưởng ban kiểm soát HTXNN**

Đơn vị tính: %

(5)

TT	Tỉnh	Số chủ nhiệm	Trình độ văn hoá, chuyên môn						Đã qua bồi dưỡng	
			Cấp I		Cấp II, III		TH, CĐ, ĐH		số lượng	%
			số lượng	%	số lượng	%	số lượng	%		
1	Bắc Ninh	512	0	0	512	100	28	5	0	0
2	Hà Nam	159	0	0	159	100	37	23	0	0
3	Hà Nội	248	5	2	218	88	25	10	79	32
4	Hà Tây	489	21	4	468	96	59	12	33	7
5	Hải Dương	370	2	1	369	100	54	15		0
6	Hải Phòng	216	9	4	184	85	24	11	65	30
7	Hưng Yên	152	5	3	134	88	14	9		0
8	Nam Định	299		0	280	94	146	49		0
9	Ninh Bình	222		0	169	76	26	12		0
10	Thái Bình	317	6	2	279	88	32	10		0

**Phụ lục 8: Trình độ văn hoá, chuyên môn
của kế toán trưởng HTXNN**

Đơn vị tính: %

(5)

TT	Tỉnh	Số chủ nhiệm	Trình độ văn hoá, chuyên môn						Đã qua bồi dưỡng	
			Cấp I		Cấp II, III		TH, CĐ, ĐH		số lượng	%
			số lượng	%	số lượng	%	số lượng	%		
1	Bắc Ninh	512			512	100	42	8		
2	Hà Nam	159			159	100	82	52		
3	Hà Nội	248			129	52	117	47	74	30
4	Hà Tây	489			489	100	219	45	114	23
5	Hải Dương	370	4	1	367	99	188	51		
6	Hải Phòng	216			112	52	104	48		
7	Hưng Yên	152	3	2	79	52	70	46		
8	Nam Định	299			280	94	257	86		
9	Ninh Bình	222			131	52	122	48		
10	Thái Bình	317	10	3	165	52	143	45	95	30

Phụ lục 9: Kết quả và hiệu quả hoạt động dịch vụ của HTXNN Thống Nhất,

Từ Liêm Năm 2001 - 2002

Đơn vị tính: Triệu đồng (7)

Các dịch vụ	Doanh thu		Lãi		Lãi/Chi phí		SS Lãi
	2001	2002	2001	2002	2001	2002	02 - 01 (+)
1. Các dịch vụ	1747.5	2392.7	255.0	335.1	0.171	0.163	80.13
- BVTV, kh.nông	15.7	17.7	2.2	2.6	0.162	0.175	0.45
- Tưới tiêu, BVDR	54.2	59.1	5.6	9.6	0.116	0.193	3.94
- Làm đất	29.2	35.2	2.1	3.0	0.076	0.092	0.92
- Tuốt lúa		5.6		0.7		0.149	0.72
- DV phân, giống	26.3	36.6	6.6	8.2	0.332	0.286	1.58
- DV điện	1213.3	1668.9	162.3	212.6	0.154	0.146	50.26
- Giết mổ gia súc	58.3	58.3	30.5	33.8	1.097	1.380	3.3
- DV chợ	184.4	264.9	13.3	20.9	0.078	0.086	7.58
- Tín dụng nội bộ	30.9	80.7	5.7	7.3	0.226	0.099	1.6
- DV môi trường	85.5	97.7	14.4	20.1	0.203	0.259	5.7
- DV bãi, nhà thuê	49.8	68.1	12.4	16.5	0.330	0.318	4.08
2. Sản xuất kinh doanh	511.6	469.9	366.5	355.8	2.527	3.118	- 10.7
- Nuôi thủy sản	486.6	446.6	356.1	347.3	2.731	3.495	- 8.87
- Cây ăn quả	25.0	23.3	10.4	8.5	0.709	0.579	- 1.83
* Tổng số KDDV	2259.1	2862.6	621.5	691.0	0.318	0.318	69.43
* BQ/1 ha NN	36.2	45.89	9.96	11.08			
* BQ/ 1 tr đ vốn	0.67	0.60	0.13	0.15			
*BQ/ 1 xã viên	4.21	4.72	0.92	1.03			

Nguồn 7: Báo cáo của HTXNN Thống Nhất, Từ Liêm

Phụ lục 10: ý kiến phỏng vấn về giải pháp phát triển HTX

(Tổng số người phỏng vấn: 152)

TT	Nội dung các ý kiến	Số ý kiến	Tỷ lệ (%) so với tổng số
1	Nhà nước còn có chính sách hợp lý	92	60.5
2	Về vốn (Cho HTX vay vốn, và đầu tư vốn cho nông thôn)	68	45
3	Giải quyết đầu ra cho nông dân	55	36.18
4	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	37	24.3
5	Hỗ trợ về kết cấu hạ tầng nông thôn	37	24.3
6	Tăng cường công tác khuyến nông chuyển giao công nghệ mới cho sản xuất	31	20.4
7	Bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX là xã viên	8	5.3
8	Quy hoạch vùng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế	7	4.6

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Nin toàn tập, tập 45, NXB tiến bộ Matx - cơ - va 1978
2. Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995
3. Chu Thị Hảo: *Lý luận về HTX và quá trình phát triển HTXNN ở Việt Nam*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2003.
4. - PGS.TS Phạm Thị Cân, PGS.TS Vũ Văn Phúc, PGS.TS Nguyễn Văn Kỳ: *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003
5. Nguyễn Văn Bích: *Phát triển và đổi mới quản lý HTX theo Luật HTX*. NXB Chính trị quốc gia, H. 1997
6. - GS.VS Đào Thế Tuấn: *Khảo sát các hình thức tổ chức hợp tác của nông dân nước ta ngày nay*. NXB Chính trị quốc gia, H.1995
7. - Lâm Quang Huyền: *Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp*. NXB KNXH - 1995
8. - Nguyễn Điền: " *Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn trên thế giới và Việt Nam*" - Nhà xuất bản Thống kê 1996
9. - Nguyễn Văn Tín, Chu Thị Hảo: " *Chuyển đổi HTXNN và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn tỉnh Thanh Hoá*" - Tạp chí Quản lý kinh tế nông nghiệp số 3/1995
10. - Thế Gia: " *HTX kiểu mới lộ rõ sức sống*" - Tạp chí cộng sản số 7/1994
11. - Nguyễn Chơn Trung: " *HTX trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*" - Tạp chí cộng sản số 1/1996
12. - Đỗ Bá: " *Về xây dựng HTX ở nước ta hiện nay*" - Tạp chí cộng sản số 4/1995
13. - Vũ Văn Phúc: *HTXNN kiểu mới qua mô hình HTX nông nghiệp kênh tư A*. Tạp chí thông tin lý luận, số tháng 02/2003

14. - Hồ Ngọc Hy: *Đổi mới kinh tế hợp tác và HTXNN ở Quảng Trị*. Tạp chí lý luận chính trị, số tháng 3/2003
15. - GS. TS Lương Xuân Quỳ, PGS.TS Nguyễn Thế Nhã: *Đổi mới tổ chức và quản lý các HTX trong nông nghiệp, nông thôn*. NXB nông nghiệp, H. 1999
16. - TS Nguyễn Thái Văn: *Báo cáo, kết quả dự án điều tra hiện trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTXNN*, 2001
17. - PGS. TS Vũ Trọng Khải : *Hai mô hình kinh tế và đổi mới kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia năm 2002
18. - Phạm Thái Quốc: *Nông nghiệp Trung Quốc trên đường cải cách*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 4 (170)/ 1989
19. Báo cáo đề tài khoa học về tình hình và phát triển HTXNN, Nghiêm Phú Mạnh, Văn phòng Chính Phủ năm 2003
20. Báo cáo đề tài khoa học về đánh giá hiệu quả hoạt động các HTXNN, Đại học NN I Hà nội, năm 2004.
21. Văn kiện Đại hội toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam khoá: III, IV, V, VI, VII, VIII, IX và các Nghị quyết TƯ các khoá.